L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

XÃ-THUYẾT

BÀN VỀ HỌC-THUẬT NƯỚC TÀU

Ngày nay học mới bên Âu-châu đã ruyền-bá qua xứ Á-đông ta làm một ái thời-kỳ mới cũ hỗn-hiệp, thế tất au này những triết-lý tư-tưởng của ác dân-tộc xứ Á-đông càng ngày càng hát-đạt, mà dưỡng-thành cái học-thuật ất hoàn-toàn. Nhưng chúng ta sinh ương thời-buổi bây giờ, vừa gặp lúc người đời đương sùng-thượng về những học-thuyết mới, chúng ta muốn cái cách sùng-thượng ấy sao cho điều hòa với cái nền cổ-học và không đến nỗi vong-bản, thế thì tưởng nên lược-cử những học-thuật của xứ Á-đông ta, từ đời thượng-cổ đến bây giờ để làm một cái vấn-đề khảo-cứu, cũng là một sự rất có ích về học-giới vậy. Nay muốn kể học-thuật của Á-đông, thì chỉ cho bằng chỉ kể cái học-thuật của nước Tàu là đủ ; vì là học-thuật nước Tàu rất có giá-trị trong xứ Á-đông, mà lại là một nước đồng-văn từ xưa đến nay từng làm cái nguồn-gốc cho sự cựu-học của nước ta vậy.

Muốn xét học-thuật nước Tàu thì phải chia ra làm mấy thời-đại như sau này :

I

Thời-đại thượng-cổ. (trước Thiên-chúa giáng-sinh từ 2355 giở về trước) — Thời-đại ấy tức là thời-đại Tam-hoàng, Nhị-đế : Phục-Hy, (1) Thần-Nông, (2) Hoàng-Đế, (3) và Nghiêu, (4) Thuấn, (5) vậy. Thời-đại vua Phục-Hy trong Sử không chép là năm nào, nhưng cách nay ước độ năm nghìn năm, còn vua Hoàng-Đế thì ở trước Thiên-chúa giáng sinh 2697 năm. (tức là đồng-thời với cái triều *Kim-tự-tháp* của nước Ai-cập) cứ trong Sử chép vua Phục-Hy trên xét thượng giới, dưới xem hình đất, mà hoạch ra « tám quẻ », trong tám quẻ ấy có thể thông được cái đức của thần-minh, suy được cái tình của muôn vật, mà mở-mang ra cái triết-lý. kinh *Dịch* (6) về sau. Đến đời vua Hoàng-Đế thì sai ông Thương-Hiệt (7) chế ra chữ, ông Dung-Thành (8) chế ra lịch, ông Lệ-Thủ (9) chế ra toán-số, ông Linh-Luân (10) chế ra luật-lữ, (11) từ đời vua Phục-Hy đến vua Hoàng-Đế không có bao lâu mà thuộc về đường tư-tưởng văn-tự, lịch-số, âm-nhạc đều

(1) 伏羲 (2) 神農 (3) 黃帝 (4) 堯 (5) 舜 (6) 易 (7) 蒼頡 (8) 容成 (9) 隸首 (10) 伶倫 (11) 律呂

đã phát-minh cả, xem như thế thời cũng đủ biết học-thuật của nước Tàu mở-mang rất là sớm. Qua đến thời-đại Nghiêu, Thuấn, thuộc về học thiên-văn. [12] thì có cơ-khí để xem thiên-tượng, thuộc về lịch-pháp, thì định 360 ngày là một năm, đặt tháng nhuận, định bốn mùa *xuân, hạ, thu, đông*, và lấy *can, chi*, [13] để biên ngày, mà học-thuật lại càng ngày càng tinh lắm.

II

Thời-đại Hạ, Thương, Châu. [14] (Trước Thiên-chúa giáng-sinh 2305-247) Muốn xét về học-thuật ở trong cái thời-đại ấy, thì trước hết phải xét qua sự giáo-dục. Trước cái thời-kỳ Tam-đại [15] mà mở ra sự giáo-dục, thời duy bắt đầu đời vua Thuấn, (trước Thiên-chúa giáng-sinh 2255) như trong *Vương-chế* [16] nói rằng : họ Hữu Ngu [17] (tức là triều vua Thuấn) nuôi quốc-lão [18] ở nhà *thượng-tường* [19], nuôi thứ-lão [20] ở nhà *hạ-tường* [21]. Thượng-tường, hạ-tường tức là đại-học, tiểu-học vậy. Xem thế thì biết đời vua Thuấn chỉ lập trường học ở kinh-đô mà trong thôn-xã thì chưa hề có giáo-dục. Đến đời Hạ giở về sau thời trở ra những các trường ở kinh-đô không kể ở dân-gian lại còn lập nhà hương-học nữa. Trong sách *Mạnh-tử* [22] có nói rằng : « Đời Hạ gọi là *hiệu*, [23] đời Ân [24] gọi là *tự* [25], đời Châu gọi là *tường*, còn nhà học thời ba đời đều như nhau » Hiệu, tự, tường, tức là tên trường hương-học, còn gọi rằng *học* tức là tên nhà quốc-học vậy. Duy cái chế-độ giáo-dục của ba đời, thì trải qua đời Hạ, đời Ân, đến đời Châu mới được hoàn-bị, nay chúng ta chỉ xét sự giáo-dục của đời Châu mà xem. Đời Châu nhà đại-học gọi là *Bich-ung*, [26] hoặc gọi là *Thành-quân*, [27] tức là chỗ của con các nhà quí-tộc, hay là người tuấn-tú trong nước học-tập ; nhà tiểu-học thì trong một châu [28] có nhà *tự*, trong một đảng [29] (500 nhà gọi là đảng) có nhà *tường*, là chỗ của thường dân học-tập ; và trong một lư [30] (25 nhà là một lư) cũng có nhà *thục*, [31] người nào có đức-hạnh trong lư xung làm chức giáo-viên. Còn ngoài ra các nước chư-hầu cũng có lập trường đại-học, tiểu-học riêng trong một nước, trường đại-học của các nước chư-hầu thì gọi là *Phán-cung*. [32] Trong đời Châu định cái niên-hạn, vào học từ 8 tuổi đến 14 tuổi là cái niên-hạn học tiểu-học, từ 15 tuổi đến 20 tuổi, là cái niên-hạn học đại-học, trường đại-học thì dạy về *Lễ, Nhạc, Thi, Thư*, trường tiểu-học thì dạy về *Luân-lý*, như là dạy cho biết cái thứ lớp nhớn nhỏ, và cái nghi-tiết ở trong gia-đình vân v..

Vì cái chế-độ của đời Châu đã hoàn-bị như thế, cho nên đến đời xuân-thu chiến-quốc [33] nhiều người có học-vấn, mà mỗi nhà đều xướng ra một cái học-thuyết để truyền-bá đến đời sau, nay chúng ta ước-lược mà kể, thời có mấy nhà như sau này :

a) *Đạo Nho* : Xướng ra *đạo Nho* là đức Khổng-Tử [34] người nước Lỗ, [35] sinh về đời vua Linh-Vương [36] nhà Châu (trước Thiên-chúa giáng-sinh 551 năm, sau ông Thích-Ca 6 năm). Khi đầu thì ngài làm quan ở nước Lỗ đến sau vua nước Lỗ là ông Ai-Công [37] không dùng, ngài bèn đi châu-lưu các nước, xướng lên một cái học-thuyết rằng : làm người phải lấy đều *nhân* [38] làm gốc, bàn

(12) 天文 (13) 干支 (14) 夏商周 (15) 三代 (16) 王制 (17) 有虞 (18) 國老 (19) 上庠 (20) 庶老 (21) 下庠 (22) 孟子 (23) 校 (24) 殷 (25) 序 (26) 辟雍 (27) 成均 (28) 州 (29) 黨 (30) 閭 (31) 塾 (32) 泮宮 (33) 春秋戰國 (34) 孔子 (35) 魯 (36) 靈王 (37) 哀公 (38) 仁

về cách trị đời thì chỉ lấy sự *tu-thân* (39) làm trước. Người đi khắp các nước không ai dùng, khi ấy mới về dạy học-trò và chép sách, học-trò ngài hơn 3000 người, có 72 người có tiếng, như là ông Nhan-Uyên, (40) Mẫn-tử-Khiên, (41) Tăng-Sâm, (42) Hữu-Nhược, (43) Nhiễm-Cầu, (44) Trọng-Do, (45) Tử-Trương, (46) Đoan-mộc-Tứ, (47) là người có tiếng nhất. Khi ngài mất rồi, thì học-trò ngài hoặc làm quan các nước chư-hầu, hoặc dạy học để truyền đạo ngài, cháu ngài tên là ông Tử-Tư (48) học với ông Tăng-Sâm, làm sách *Trung-dung*, (49) mà nối dõi theo cái đạo học của ngài, sau có ông Mạnh-Tử, (sinh đời vua Liệt-Vương nhà Châu trước Thiên-chúa giáng-sinh 372), thì học với học trò ông Tử-Tư, chép ra sách *Mạnh-tử*. Xướng cái thuyết « tôn-vương liện-bá, trọng-nghĩa khinh-lợi », (50) và nói rằng: « phàm cái tính người ta vẫn tự-nhiên là từ-thiện, người nào cũng có thể làm Nghiêu, Thuấn được » người đời sau đều tôn ông Mạnh là bậc Á-thánh. Sau ông Mạnh lại có ông Tuân-Huống (51) (người nước Triệu (52) ở đời chiến-quốc hoặc gọi rằng Tuân-Khanh (53) hay Tôn-Khanh) (54) cũng là bậc đại-nho, cái học-thuyết ông ấy thời lấy đức Khổng-Tử, làm tiêu-chuẩn mà lại trái cái thuyết tính-thiện của ông Mạnh, như ông ấy xướng ra rằng: « tính người vẫn tự-nhiên là ác, phải lấy lễ-nghĩa mà sửa chính lại, thì mới làm được đều thiện. » Ông Tuân-Huống có làm bộ *Tuân-tử* 12 quyển 32 thiên.

b) Đạo Mặc: (55) xướng ra đạo *Mặc* là ông Mặc-Địch (56) (người nước Tống (57) ở đời chiến-quốc) lập ra cái thuyết « kiêm-ái », chuộng sự tiết-kiệm, muốn giảm bớt lễ tang-tế, trừ âm-nhạc v. v. Tuy thời lập-luận có thiên-chấp, nhưng vẫn chuyên-trọng về cái « lợi-tế-chủ-nghĩa », cho nên đương-thời cũng tề-danh với đạo nho, có làm ra bộ sách *Mặc-tử* 15 quyển 63 thiên, người theo cái học ấy thì có ông Cầm-khắc-Ly, (58) ông Hồ-phi-Tử, (59) và Tùy-sào-Tử (60) v. v.

c) Đạo Dương: xướng ra đạo *Dương* (61) là ông Dương-Châu, (62) chủ cái thuyết « vị-kỷ », phản-đối với cái thuyết « kiêm-ái », như nói rằng: « người sinh ra ở đời, khác nào như một hạt sương trên ngọn cỏ, không được bao lâu, cho nên phải hậu-dưỡng và tự-trọng lấy mình, có cần gì phải tổn-hại mình mà làm ích-lợi cho người khác ». Đạo họ Dương thì không có sách vở gì để đời, chỉ thấy trong sách *Liệt-tử*, (63) có chép những học-thuyết đạo ấy là trái với đạo *Mặc*, và trong *Mạnh-tử* có nói rằng: « họ Dương chủ cái nghĩa « vị-ngã » nếu nhổ một mảy lông mà được lợi cho cả thiên-hạ cũng không cần làm ».

d) Đạo Lão: (64) xướng ra đạo *Lão* là ông Lão-Tử tức chính tên là Lý-Nhĩ, (65) tên chữ là Bá-Dương (66) người đồng-thời với đức Khổng-Tử. Học-thuyết của đạo *Lão-tử*, thì nói rằng: người ta ở đời nên « vô-vi, » không nên dùng trí-lực, bởi vì cái đạo tự-nhiên sinh ra trước giời đất, việc gì trong đời nên phú cho đạo tự-nhiên ấy chủ-trương cho là phải. Ông có làm ra bộ sách *Lão-tử*, chia ra làm thượng-thiên hạ-thiên, toàn là nói về cái ý-chỉ đạo-đức. Người theo đạo ấy, như ông Văn-Tử (67) ông Thi-Tử, (68) ông Trang-Châu (69) ông Liệt-ngự-Khấu (70) v. v...

e) Hình-danh-học (71): Học-phái này thì chỉ lấy sự hình-danh làm gốc, nói

(39) 修身 (40) 顏淵 (41) 閔子騫 (42) 曾參 (43) 有若 (44) 冉求 (45) 仲由 (46) 子張 (47) 端木賜 (48) 子思 (49) 中庸 (50) 尊王賤伯重義輕利 (51) 荀況 (52) 趙 (53) 荀卿 (54) 孫子 (55) 墨 (56) 墨翟 (57) 宋 (58) 禽滑釐 (59) 胡非子 (60) 隨巢子 (61) 楊 (62) 楊朱 (63) 列子 (64) 老子 (65) 李耳 (66) 伯陽 (67 文子 (68) 尸子 (69) 莊周 (70) 列禦寇 (71) 刑名學

rằng trị thiên-hạ nên dùng pháp-thuật, không nên dùng nhân-nghĩa, người xướng ra cái thuyết ấy là ông Thân-bất-Hại, [72] người họa theo là ông Hàn-Phi [73] vậy.

Còn ngoài ra thì như bọn ông Đặng-Tích, [74] ông Huệ-Thi, [75] ông Công-tôn-Long, [76] ông Quỷ-cốc-Tử, [77] ông Trang-Tru, [78] ông Bành-Mông, [79] ông Trâu-Diễn, [80] ông Hứa-Hành, [81] mỗi người đều xướng một cái học-thuyết, để cùng biện-luận công-kích với nhau, như thế thì cũng đáng cho sự giáo-dục của nước Tàu, ở cuối đời Châu đã có kết-quả, mà học-thuật cuối đời Châu rất là tiến-bộ. Tuy vậy, dương lúc bấy giờ học-thuyết vẫn đã phát-minh ra nhiều, mà cách in sách viết chữ chưa được giản-tiện, chữ viết bằng sơn, sách biên bằng tre, vẫn không phải là cái lợi-khí để truyền-bá về sự học-vấn, cho nên sách vở lưu-truyền đời sau cũng ít. Đương-thời những sách học thì nghe nói rằng có sách *Tam-phần*, [82] *Ngũ-điển*, [83] *Bát-sách*, [84] *Cửu-khâu*, [85] nhưng mà đến sau cũng không thấy truyền lại, cho nên không biết cái nội-dung trong sách ấy như thế nào. Nay chỉ còn kinh *Dịch*, *Thư*, *Thi*, *Châu-lễ*, *Nghi-lễ* », [86] *Quản-tử*, [87] (ông Quản-Trọng làm) *Xuân-thu*, [88] (của đức Khổng-Tử làm) *Luận-ngữ*, [89] (của học-trò đức Khổng làm) *Mặc-tử*, [90] *Lão-tử*, [91] *Mạnh-tử*, [92] *Trang-tử*, [93] (của Trang-Châu làm) *Tuân-tử*, [94] *Hàn-tử*, [95] *Tả-truyện*, [96] *Quốc-ngữ*, [97] *Chiến-quốc-sách*, [98] v. v...

Văn-chương nước Tàu thì từ xưa đến nay, đời nào vẫn đều có cái đặc-sắc về đời ấy, như thiên *Nghiêu-điển*, *Thuấn-điển*, [99] *Vũ-cống* [100] trong kinh *Thư* là sử-quan đời Hạ làm, văn-khí rất là hồn-hậu, còn như thiên *Thang-cáo*, *Hồng-phạm* [101] thì người đời Ân làm, cũng đủ thấy được một cái văn-cách đặc-biệt của đời ấy. Qua đến đời Châu, văn-chương càng tiến-bộ, mà trong buổi xuân-thu chiến-quốc, thì phát-hiện ra lắm cái vẻ rất vĩ-kiệt, như văn *Quản-tử* thì cứng-cỏi; văn *Luận-ngữ* thời hồn-hậu; văn *Lão-tử* thời siêu-thoát; văn *Trang-tử* thời phiêu-dật; văn *Mạnh-tử* thời giản-kính; văn *Tuân-tử* thời phú-thiệm; văn *Hàn-tử*, *Chiến-quốc-sách* thời kỳ-tuấn; văn *Tả-truyện*, *Quốc-ngữ* thời phù-hoa chải-chuốt, cho nên người đời sau gọi cái thời-đại xuân-thu chiến-quốc là cái thời-đại văn-chương cực-thịnh của nước Tàu.

Thi-ca nước Tàu thì xem như đời vua Thuấn, vua tôi cùng xướng họa với nhau, thì ca-từ vẫn có từ lúc ấy, nhưng trải đời Hạ qua đời Ân mới thấy tiến-bộ. (Xem thiên *Thương-tụng* [102] trong kinh *Thi* thời biết). Đến đời Châu trong trường học có dạy về môn học thi-ca, lại có quan Thái-sư [103] nhặt những lời ca-rao trong hương-lý, mà dâng lên cho vua, để phổ vào nhạc-khúc. Cách thi-ca lúc bây giờ hoặc bốn chữ, hoặc năm chữ dài vắn không nhất-định, nhưng mà thuật-tình tả-cảnh, thường biểu-hiện ra cái vẻ thiên-nhiên, không phải dùng cách tiêm-xảo phù-hoa như người đời sau, xem như lúc chiến-quốc những bài ca-ngâm của ông Khuất-Nguyên, [104] ông Tống-Ngọc [105] soạn ra, cũng đủ cho là thiên-cổ tuyệt-diệu.

Thuộc về y-học thời tuy phát-minh từ đời vua Thần-Nông, nhưng chẳng

---

72) 申不害 (73) 韓非 (74) 鄧析 (75) 惠施 (76) 公孫龍 (77) 鬼谷子 (78) 莊周 (79) 彭蒙 (80) 鄒衍 (81) 許行 (82) 三墳 (83) 五典 (84) 八索 (85) 九邱 (86) 易書詩周禮儀禮 (87) 管子管仲 (88) 春秋 (89) 論語 (90) 墨子 (91) 老子 (92) 孟子 (93) 莊子 (94) 荀子 (95) 韓子 (96) 左傳 (97) 國語 (98) 戰國策 (99) 堯典舜典 (100) 禹貢 (101) 湯誥洪範 (102) 商頌 (103) 太史 (104) 屈原 (105) 宋玉

qua là chỉ lược biết cái tính của thảo-mộc để ứng-dụng mà chữa bệnh, qua đến đời Châu nghề làm thuốc mới chia ra là *Tật-y* [106] (tức là nội-khoa) *Trường-y* [107] (tức là ngoại-khoa) và xét dung-âm thanh-sắc của người có bệnh, để mà đoán bệnh, lại có thú-y để chữa bệnh cho thú vật. Đến sau kế có bọn ông Hòa-Hoãn [108] Biển-Thước [109] lấy nghề thuốc mà trứ-danh ở đời Xuân-thu.

Thuộc về học thiên-văn thời đến đời Châu lại càng tiến-bộ, xem như là chia những ngôi sao trên giời làm *nhị-thập-bát-tú*, và biện ra ngôi sao nào thuộc về phần-dã nước nào, để có xem tượng giời mà biết sự lành dữ nước ấy. Như là họ *Cam* [110] nước Tề [111], họ *Thạch* [112] nước Ngụy, [113] đều là nhà thiên-văn-học có tiếng cuối đời nhà Châu.

III

Thời-đại Tần, Hán [114] và Tam-quốc (Ngụy, Thục, Ngô), [115] (trước Thiên-chúa giáng-sinh 246, đến sau Thiên-chúa giáng-sinh 264). Đời Tần đốt sách chôn học-trò, bỏ hết các trường-học, qua đến đời Vũ-Đế [116] nhà Hán mới lập lại nhà Thái-học, từ đấy đến đời vua Chất-Đế [117] nhà Hậu-Hán số học-trò được hơn ba vạn người, thế thời đủ biết nhà Hán trong ba trăm năm vẫn đã chăm về đường giáo-dục vậy. Học-thuyết đời Hán chỉ lấy đạo *Nho* làm chủ, vì vua Vũ-Đế vẫn trọng nho-học tự triều-đình định trước chỉ lấy nho-học làm tiêu-chuẩn, rồi lại đem các kinh ra mà chú-thích, cho nên trong đời Hán nhiều người thông-kinh, và thường dẫn nghĩa kinh mà luận việc, ấy thật là một cái cảnh biến-thiên của học-thuật nước Tàu vậy. Nay chúng ta xin kể trước về cái thống-hệ kinh học, rồi sau sẽ kể đến sử-học, văn-học, ngũ-hành-học, sấm-vĩ-học, [118] thuộc về thời-đại ấy.

a) *Kinh-học.* — Kinh *Dịch* từ đức Khổng-Tử truyền đến ông Tử-Hạ, trải qua đầu đời Hán thì có ông Điền-Hà [119] cũng tinh Dịch-học, ông Hà truyền cho ông Đinh-Khoan [120], ông Khoan truyền cho ông Điền-vương-tôn [121], ông Vương-tôn lại truyền cho ông Thi-Thù, [122] ông Manh-Hỉ, [123] ông Lương-khâu-Hạ, [124] từ ấy Dịch-học chia ra làm ba phái, là *Thi*, *Mạnh*, *Lương*. Lại có ông Kinh-phòng [125] cũng người đời Hán, tinh Dịch-học, cho nên đến đời Hậu-Hán thì cái học họ Thi, họ Mạnh, họ Lương-khâu, và họ Kinh đều có đặt học-quan, trải qua cái loạn đời Tây-Tấn mà Dịch-học của họ Thi, họ Lương-khâu bị thất-truyền.

Kinh Thư thời từ sau khi nhà Tần đốt sách, ông Phục-Thắng [126] người đất Tế-nam truyền miệng lại được hơn 20 thiên, ấy là *Kim-văn thượng-thư*, đến sau ông Cung-Vương [127] nước Lỗ, phá cái tường nhà của đức Khổng, tìm được sách *Thượng-thư* viết bằng cách chữ khoa-đẩu, ấy gọi là *Cổ-văn thượng-thư*, ông Phục-Thắng lại lấy cái kinh-học của mình mà truyền cho ông Trương-Sinh, [128] đến đời ông Trương-Sinh lại truyền cho họ Âu-dương [129] và họ Hạ-hầu, [130] cho nên cái học kinh *Thư* có chia ra làm ba phái, tức là *Âu-dương học-phái*, và *Đại-hạ-hầu* (Hạ-hầu-Thắng) *Tiểu-hạ-hầu* (Hạ-hầu-Kiến học phái », ba học-phái ấy đều có lập học-quan, đến cái loạn đời Tây-Tấn thì cũng thất-truyền cả.

---

(106) 疾醫 (107) 瘍醫 (108) 和緩 (109) 扁鵲 (110) 甘 (111) 齊 (112) 石 (113) 魏 (114) 秦 漢 (115) 三國 魏 蜀 吳 (116) 武帝 (117) 質帝 (118) 五行學 讖緯學 (119) 田何 (120) 丁寬 (121) 田王孫 (122) 施讎 (123) 孟喜 (124) 梁邱賀 (125) 京房 (126) 伏勝 (127) 恭王 (128) 張生 (129) 歐陽 (130) 夏侯

Kinh *Thi* thì ở đời Hán có chia ra làm *Lỗ-thi, Tề-thi, Hàn-thi, Mao-thi.*(131) Lỗ-thi là thi-học của ông Thân-công(132) nước Lỗ, Tề-thi là thi-học của ông Viên-cố-Sinh(133) nước Tề, Hàn-thi là thi-học của ông Hàn-Anh(134) nước Yên, Mao-thi là thi-học của ông Mao-Trành(135) nước Triệu, đến sau về đời Ngụy Văn-Đế(136) (Tào-Phi). Tề-thi thời thất-truyền. Lỗ-thi trải qua cái loạn đời Tây-Tấn cũng thất-truyền.

Học kinh *Lễ* thì có chia ra làm *Nghi-lễ, Châu-lễ, Đại-đới-lễ,* và *Tiểu-đới-lễ,* đời Hán có ông Cao-đường-Sinh (137) lấy mười bầy thiên kinh *Lễ* mà truyền cho học-trò, tức là sách *Nghi-lễ* bây giờ. Lại có họ Lý được sách *Châu-quan* dâng cho ông Hiến-Vương,(138) ở đất Hà-giang, tức là sách *Châu-lễ* bây giờ. Học-phái của ông Cao-đường-Sinh, thì có ông Hậu-Thương, (139) là rất thông sách *Nghi-lễ*, truyền lại cho ông Đới-Đức, (140) ông Đới-Thánh, (141) mà cái lễ-học càng ngày càng phát-minh, lại có ông Lưu-Hâm (142) sùng-thượng sách *Châu-lễ*, mới đặt ra quan Bác-sĩ mà sách *Châu-lễ* được truyền-bá ở đời, ông Lưu-Hướng (143) thì khảo-hiệu sách cổ được hơn 200 bài cổ-ký, ông Đới-Đức mới dọn lại làm 85 thiên, ấy gọi là *Đại-đới-lễ*, ông Đới-Thánh lại dọn thành 46 thiên, ấy gọi là *Tiểu-đới-lễ*, tức là sách *Lễ-ký* bây giờ. (sách *Lễ-ký* đến đời ông Mã-Dung (144) thêm ba thiên, cộng là 49 thiên) cho nên đời sau gọi *Châu-lễ, Nghi-lễ, Lễ-ký* là *tam-lễ*.

Còn như kinh *Xuân-thu* thì có truyện *Công-dương,*(145) truyện *Cốc-lương,*(146) và *Tả-truyện*. Truyện Công-dương trải qua ông Đổng-trọng-Thư (147) mới truyền-bá ở đời, truyện Cốc-lương thì vì vua Tuyên-Đế (148) đời Hán ham đọc truyện ấy rồi cũng hành-thế được. Cho nên đời Tiền-Hán đặt học-quan về kinh-học Xuân-thu thì đều lấy hai truyện ấy làm chủ. Tả-truyện thời trải qua ông Giả-Nghị (149) giải-thích và ông Lưu-Hâm khảo-chánh lại mà cũng trứ-danh ở đời.

Nói tóm lại thì các nhà kinh-học nước Tàu thuộc về đời Hán tuy nhiều, nhưng mà đáng cho ông Trịnh-Huyền (150) là một tay kinh-học cự-tử, ông Huyền là học-trò ông Mã-Dung, tinh-thông các kinh, thường chú-thích kinh *Châu-lễ, Nghi-lễ, Lễ-ký*, và kinh *Thi*, kinh *Thư*; kinh *Dịch*. Lại có ông Khổng-an-Quốc,(151) ông Hà-Yến, (152) ông Đỗ-Dự (153) cũng là nhà kinh-học đại-gia ở đương-thời.

B) *Sử-học.* — Các đời trước thì tuy có quan sử để biên-chép những ngôn-hành của vua, cũng là cái nguồn-gốc cho sự làm sử, nhưng đến đời Châu, thì sự biên chép ấy hãi còn chưa được hoàn-bị, trong khi bấy giờ các nước chư-hầu đều có sử cả, đức Khổng-Tử mới lấy sử nước Lỗ định thể-chế, ngụ-ý khen chê, chép thành bộ *Xuân-thu*, ông Tả-khâu-Minh (154) làm truyện Thế thì bộ *Xuân-thu* danh tuy gọi là kinh, nhưng kỳ thật là thể lịch-sử vậy. Đến đời vua Vũ-Đế (155) nhà Hán có ông Tư-mã-Đàm (156) làm quan Thái-sử, hợp cả sách Tả-truyện, *Quốc-ngữ, Chiến-quốc sách, Sở Hán Xuân-thu*, (157) bắt đầu từ đời Thái-cổ đến nhà Hán mà định chép thành một bộ lịch-sử, không ngờ đâu chưa thành-công mà mất sớm, đến con ông là ông Tư-

---

(131) 魯詩齊詩韓詩毛詩 (132) 申公培 (133) 轅固生 (134) 韓嬰 (135) 毛萇 (136) 魏文帝 (137) 高堂生 (138) 河間獻王 (139) 蒼后 (140) 戴德 (141) 戴聖 (142) 劉歆 (143) 劉向 (144) 馬融 (145) 公羊 (146) 穀梁 (147) 董仲舒 (148) 宣帝 (149) 賈誼 (150) 鄭玄 (151) 孔安國 (152) 何晏 (153) 杜預 (154) 左邱明 (155) 武帝 (156) 司馬談 (157) 漢楚春秋

mã-Thiên [158] nối theo chí ông, làm ra bộ *Sử-ký*, kể những sự-tích đế-vương cùng thế-đại các nước chư-hầu, phàm thuộc về sự lễ, nhạc, hình-chính, thiên-văn, tài-hóa, đều biên rõ cả, đời sau gọi chính-sử đều lấy sử của ông Tư-mã-Thiên làm tiêu-chuẩn. Như thế thì họ Tư-Mã là một bậc công-thần của sử-học nước Tàu vậy. Đến đời Hậu-Hán ông Ban-Bưu [159] làm sách *Sử-ký hậu-truyện* 65 thiên, con ông Bưu là ông Ban-Cố [160] lại tập sự-tích từ vua Cao-tổ [161] đời Hán đến thời-đại Vương-Mãng [162] mà làm thành ra một bộ *Hán-thư* cùng với bộ *Sử-ký* mà lưu-truyền ở đời.

c) *Văn-học.* — Đời Tần thời không trọng văn-học, đến đời Hán Văn-học mới thấy thịnh, xem như thủa vua Văn-Đế [163] thì có bài sách *Trị-an* của ông Giả-Nghị [164] cũng đáng cho là một thiên kiệt-tác vậy. Đến đời vua Vũ-Đế thì càng trọng về văn-học, lại có bọn ông Tư-mã-Thiên, ông Tư-mã-tương-Như, [165] ông Đổng-trọng-Thư, Đông-phương-Sóc, [166] Mai-Cao, [167] cùng kế-tiếp mà trứ-danh trong lúc bấy giờ. Văn ông Tư-mã-Thiên thì hay về cách tự-sự, văn ông Đổng-trọng-Thư thì hay về đường luận-thuyết, văn của Tư-mã-tương-Như, Đông-phương-Sóc, Mai-Cao, thì hay về đường từ-phú. Nhưng đương-thời sự văn-học chỉ trọng về mặt từ-phú, cho nên ông Dương-Hùng [168] cũng ưa về sự làm phú. Đến đời Hậu-Hán, bọn ông Ban-Cố, Thôi-Nhân, [169] Trương-Hoành, [170] Thái-Hộ, [171] cùng nối nhau cổ-võ về sự làm phú, mà cách từ-phú lại làm chủ cho sự văn-chương của đời Hậu-Hán, đến cha con họ Tào (Tào-Tháo, Tào-Thực) [172] thời từ-phú lại thịnh-hành, văn-chương càng thêm hoa-lệ, mà mở ra cái nền văn-chương của đời Lục-triều [173] về sau. Trong đời Hán, Ngụy lại còn ưa về mặt thi ca nữa, bắt đầu làm thơ năm chữ, kế làm thơ bảy chữ, cho nên bọn ông Trương-Hoành, ông Tào-Thực, ông Vương-Xán, [174] đều có tiếng là nhà thi-gia.

d) *Ngũ-hành-học* và *sấm-vĩ học.* — Ngũ-hành tức người sau thường gọi là *kim, mộc, thủy, hỏa, thổ*, cái học-thuyết ngũ-hành không biết xướng từ đời nào, nhưng xem như trong kinh *Thư* nói rằng : *Hữu-hổ uy-vũ Ngũ-hành,* [175] thì biết cái thuyết ấy từ xưa vẫn có đã lâu, đến đời Ân, Châu, ông Cơ-tử [176] làm sách *Hồng-phạm*, cái thuyết ấy mới rõ-ràng, nhưng cũng chưa thành ra một cái học-khoa, đến đời Chiến-quốc thì nhiều người lấy cái lẽ Âm-dương phối-hiệp làm « ngũ-hành tương-sinh tương-khắc », mà cái « ngũ-hành học-thuyết » càng ngày càng thịnh. Đời sau nhiều người suy-diễn ra cái lý « ngũ-hành », hoặc lấy ngũ-thường, ngũ-thanh, ngũ-vị, ngũ-sắc, mà phối-hiệp, xét cho kỹ thì cũng là khiên-cưỡng, không thể làm đích-sác được. Còn như cái học *sấm-vĩ*, thì bắt đầu từ đời vua Ai-Đế, [177] Bình-Đế, [178] nhà Hán. Từ có cái học « ngũ-hành » xướng ra, mà nhiều nhà làm những sách đặt tên rằng: *Dịch-vĩ, Thi-vĩ, Hiếu-kinh-vĩ, Xuân-thu-vĩ,* [179] biên-chép những điều kỳ-dị. Vương-Mãng nhà Hán, và vua Quang-Vũ [180] đều tin theo những lời « sấm-vĩ » cho nên đời vua Quang-Vũ thuộc về sự dụng-nhân hành-chính, đều lấy sấm-văn mà giải-quyết, từ ấy cái học « sấm-vĩ » càng ngày càng thịnh đến cuối đời Hán ông Trịnh-Huyền là nhà đại-nho cũng tin về cái học-thuyết ấy.

---

(158) 司馬遷 (159) 班彪 (160) 班固 (161) 高祖 (162) 王莽 (163) 文帝 (164) 賈誼 (165) 司馬相如 (166) 東方朔 (167) 枚皋 (168) 楊雄 (169) 崔駰 (170) 張衡 (171) 蔡邕 (172) 曹操 曹植 (173) 六朝 (174) 王粲 (175) 有扈威侮五行 (176) 箕子 (177) 哀帝 (178) 平帝 (179) 易緯 書緯 詩緯 孝經緯 春秋緯 (180) 光武

e) *Thiên-văn-học.* — Thiên-văn-học đời Hán thì theo như *tam-đại*, mà cũng có phát-minh trứ-thuật được nhiều, như ông Trương-Hoành chế ra cái « Hỗn-thiên-nghi »[181] ông Thái-Hộ, ông Tiêu-Châu[182] cũng đều có trứ-thuật, thế thì đủ biết thiên-văn-học của đời Hán đã tiến-bộ.

Nói tóm lại thì cái học-thuật đời Hán vì ở sau nhà Tần là một cái thời-kỳ đã phá-đổ những nền học-vấn cũ, nhưng cũng vì đó mà phát-biểu ra được lắm vẻ văn-học mới, và làm gốc cho nền văn-chương của đời *Lục-triều* vậy.

IV

Thời-đại Đông-Tấn, Tây-Tấn,[183] *và Nam Bắc triều*[184] (lịch tây 265-588). — Học-thuật đời Tây-Tấn, thì nhân những cựu-nho đời Hán, Ngụy còn lại, cho nên nhiều người thông « kinh-học ». Đến đời Nam-triều, thì sĩ-phu ưa cái học-thuyết của đạo *Lão Trang*, chỉ chuộng về một lối « thanh-đàm », mà ít người thông « kinh-học », đến đời Bắc-triều thời « kinh-học » lại thịnh, duy có học từ-chương, thì đời Bắc-triều không bằng đời Nam-triều. Thuộc về Sử-học thời có sách *Tam-quốc-chí*[851] của ông Trần-Thọ[186] sách *Hậu-Hán-thư* của ông Phạm-Hoa[187] làm đều là vào bậc chính-sử trứ-danh cả. Văn-học thì từ-phú, đời Lưỡng Tấn cho đến Nam, Bắc triều, văn-chương đều là vận-văn, từ-điệu hoa-mĩ người đời sau thường gọi là « văn Lục-triều ». (Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần).[188] Những văn-chương Lục triều tuy có tài-hoa, mà ít nghĩa-lý không thiết thực-dụng, như là ông Nguyễn-Tịch,[189] ông Khê-Khương,[190] ông Phan-Nhạc,[191] ông Lục-Cơ,[192] ông Đào-uyên-Minh,[193] ông Tạ-Linh-Vận,[194] ông Giang-Yêm,[195] ông Thẩm-Ước,[196] ông Phạm-Vân,[197] ông Nhâm-Phỏng,[198] ông Từ-Lăng,[199] ông Giữ-Tín,[200] các ông ấy đều là những bậc hay chữ có tiếng ở đời Lục-triều. Văn-chương đời ấy lại trọng về bài-luật, cho nên xướng ra lối « Âm-học » mà đặt thành cách *phiên-thiết*. Phiên-thiết là lấy hai chữ hợp lại phiên-âm mà thành tiếng, cách ấy từ bên Tây-vực[201] truyền sang. Từ đời Đông-Tấn đến đời Nam-triều, văn-chương chỉ dùng âm-vận, vì thế cho nên có đặt ra làm bốn tiếng, gọi là *bình, thượng, khứ, nhập*, để có phối hiệp vào âm-điệu làm thơ, đời sau có người gọi rằng bốn tiếng ấy là của ông Thẩm-Ước đặt ra, nhưng xét đồng-thời với ông cũng nhiều nhà đã bầy ra cách ấy, thì đủ biết rằng không phải một mình ông Thẩm-Ước sáng-lập ra vậy.

V

Thời-đại Tùy, Đường[202] *và Ngũ-đại*[203] (lịch tây 589-959). — Sự giáo-dục đời Đường thì cái chế-độ nhà học-hiệu và cái chế-độ tuyển-cử, đồng-thời thi-hành, cho nên học-thuật rất thịnh. Nhà học-hiệu thời lấy sự kinh-học làm chủ, phân ra làm đại-kinh (*Lễ-ký, Tả-truyện*) trung-kinh (*kinh-Thi, kinh Nghi-lễ, Châu-lễ*) tiểu-kinh (*kinh-Thư, kinh-Dịch truyện Công-dương Cốc-lương*) mà học trò cũng lấy đó làm khóa-bản, thế thì đủ biết kinh-học đời Đường, chỉ thuộc về cái học chú-sớ mà thôi, xem như vua Thái-tôn[204] sai ông Không-dĩnh-Đạt[205] soạn ra *Ngũ kinh chính nghĩa*,[206] mà cái kinh-học của sĩ-phu đời Đường, không hề ra khỏi cái phạm-vi

(181) 渾天儀 (182) 譙周 (183) 東晉西晉 (184) 南北朝 (185) 三國志 (186) 陳壽 (187) 范曄 (188) 吳晉宋齊梁陳 (189) 阮籍 (190) 稽康 (191) 潘岳 (192) 陸機 (193) 陶淵明 (194) 謝靈運 (195) 江淹 (196) 沈約 (197) 范雲 (198) 任昉 (199) 徐陵 (200) 庾信 (201) 西域 (202) 隋唐 (203) 五代 (204) 太宗 (205) 孔穎達 (206) 五經正義

của bản chính-nghĩa ấy, thành ra mất cả cái tính-chất độc-lập thuộc về sử học. Sử-học nhà Đường thì từ vua Thái-Tôn sai các sử-thần biên-chép sử đời trước (như là sử những đời Lương, Trần, Tề, Châu, Tùy, Tấu) rồi sau chính-sử mới được hoàn-bị. Ông Lý-duyên-Thọ [207] lại đem những sử từ đời Tấn, đời Lương cho đến đời Hậu-Ngụy, Tề, Châu mà soạn lại thành ra bộ *Nam-sử*, *Bắc-sử*. Tuy vậy, nhà làm sử vẫn nhiều, nhưng người sau vẫn khen ông Lưu-tri-Cơ là có cái trác-thức về sử-học, vì ông đã làm ra bộ *Sử-thông*, [208] có nhiều cái lý-thuyết rất tân-kỳ. Lại như các triều vua đời Đường đều có chép ra *Thực-lục*, mà chỉ có pho *Thực-lục* của Hàn-Dũ [209] chép về triều vua Thuận-tôn [210] là hay hơn cả. Còn như văn-học đời Đường thì biến cả cách văn-học đời Lục-triều, mà sưng là toàn-thịnh. Đường thực-học thì lấy kinh sử làm chủ, mà có đặt khoa thi để tuyển người văn-học trong nước cho nên học-phong càng ngày càng phát-đạt. Văn-học lối đầu đời Đường thì có ông Dương-Quỳnh, [211] Vương-Bột, [212] Lạc-tân-Vương, [213] Lô-chiếu-Lân, [214] đều sở trường về lối văn *biền-thể*. [215] ông Thẩm-thuyên-Kỳ, [216] ông Tống-chi-Vấn, [217] ông Lý-Bạch, [218] ông Đỗ-Phủ, [219] ông Vương-Duy, [220] ông Vy-ứng-Vật, [221] ông Sầm-Sâm, [222] đều là những nhà thi-nhân có tiếng. Bởi thế cho nên lối thơ-ca đời Đường thật là tuyệt-phẩm, nhưng mà văn-chương hãi còn nhiễm theo cái lậu-tập của đời Lục-triều. Sách *Tấu-nghị* của ông Lục-chi [223] làm ở đời vua Đức-tôn, [224] tuy nghĩa-lý rõ-ràng, nhưng hãy còn nhiễm theo cách văn biền-thể. Từ có ông Hàn-Dũ, ông Liễu-tôn-Nguyên [225] ra, mà cái văn-thể đời Đường mới thấy biến-cải, văn ông Dũ thời có thể cứu được lối văn suy-nhược của mấy đời trước, ông Tôn-Nguyên và bọn ông Lý-Cao theo mà phụ-họa thêm, cách làm văn của các ông ấy, hùng-tráng nhã-kiện, có thể chữa được những thói phù-mị trước, mà đỡ giúp cho thế-đạo vậy. Đến đời Ngũ-đại thì sự học lại càng ngày càng suy, cho nên không cần phải khảo-cứu đến làm gì.

VII

Thời-đại đời Tống[226]*và Nguyên.*[227] *lịch tây* 960 1367 — Sự giáo-dục đời Tống rất là tường-bị, cho nên học-thuật đời ấy không kém gì đời xuân-thu, chiến-quốc, mà vẫn chuyên-trọng về đường Lý-học, bởi vì từ sau cái nạn « Tần-hỏa, sách-vở tan mất, người học-giả đời Lưỡng-Hán, chỉ nhặt-nhạnh ở trong đo-tàn vách-nát mà chuyên về đường khảo-cứu, chưa có thì giờ giảnh mà xét đến nghĩa lý xâu-xa của thánh-hiền được, qua đến đời Tống thì công khảo-cứu ấy đã hoàn-toàn, bèn bắt đầu trọng về cái học nghĩa-lý, ấy cũng là cái thế đương-nhiên vậy. Nay chúng ta xin xét về Lý-học của nhà Tống : Từ đời Bắc-Tống cho đến đời Nam-tống, có tiếng về cái môn Lý-học thì có bốn phái, tức là Liêm, Lạc, (ông Châu-đôn-Di ở Liêm-khê). [228] Lạc (ông Trình-Hạo, Trình-Di ở Lạc-dương). [229] Quan (ông Trương-tải ở Quan-trung) [230] Mân (ông Châu-Hi ở Mân-trung). [231] Ông Châu-đôn-Di thủ xướng ra cái Lý học đời Tống, ông có làm sách *Thái-cực-đồ-thuyết* [232] và sách *Thông-thư*, [233] rõ được cái nguồn-gốc đạo-

(207) 李延壽 (208) 史通 (209) 韓愈 (210) 順宗 (211) 楊炯 (212) 王勃 (213) 駱賓王 (214) 盧炤隣 (215) 駢體 (216) 沈佺期 (217) 宋之問 (218) 李太白 (219) 杜甫 (220) 王維 (221) 韋應物 (222) 岑參 (223) 陸贄 (224) 德宗 (225) 柳宗元 (226) 宋 (227) 元 (228) 濂溪周敦頤 (229) 洛陽程灝程頤 (230) 關中張載 (231) 閩中朱熹 (232) 太極圖說 (233) 通書

lý và sự mầu-nhiệm trong cái lý Thái-cực. Sau ông Đôn-Di thời có ông Trình-Hạo và em là Trình-Di, đều học với ông Đôn-Di, ông Hạo có làm ra sách *Định-tính* (234) để mở ra cái mầu-nhiệm của thánh-học, đến khi ông mất rồi, người ta đặt tên thụy ông là Minh-đạo tiên-sinh. (235) Còn học-thuyết ông Hi thời sinh-bình chỉ lấy đều thành-thực làm gốc, lấy sự cùng-lý làm chủ, sau ông có làm ra truyện kinh *Dịch* và truyện *Xuân-thu*, học-trò ông nhiều người giỏi, đương-thời gọi ông là Y-xuyên tiên-sinh. (236) Đồng-thời ở đất Quan-trung có ông Trương-Tải cũng có cái đại-danh, ông Tải đã từng một lần ra làm quan, vì không hợp với người đương-lộ về ở dưới núi Nam, day học-trò, cái học-thuyết ông đại-ý trọng về « lễ », ông có nói rằng : « đạo » là vô hình mà « lễ » là hữu-hình, nếu cái « lễ » hữu-hình có hợp với cái lẽ vô-hình, thì mới biết « đạo ». Sinh-bình ông lấy *kinh Dịch* làm chủ, mà lấy sách *Trung-dung* làm phụ, ông có làm ra sách *Chính-mông* (237) và sách *Đông-minh, Tây-minh*, (238) người đời gọi ông là Hoành-Cừ tiên-sinh. (239) Sau ông độ vài mươi năm thì có ông Châu-Hi, ông Châu-Hi học theo cái học-thống của ông Trình, ông 18 tuổi đỗ Tiến-sĩ, làm quan hơn 50 năm, sống 71 tuổi. Học ông thì lấy sự « cư-kính cùng-lý » làm gốc, ông có làm ra những bộ sách *Dịch-bản-nghĩa, Thi-tập-truyện. Tứ-thư tập chú, tiểu-học, Thông-giám-cương-mục*, và *Cận-tư-lục* (240) v. v. Đồng-thời với ông lại có ông Lục-cửu-Uyên (241) cũng là người trứ-danh, nhưng mà ông Hy thời trọng về sự học-vấn ông Lục thời trọng về sự đức-tính cho nên học-thuyết hai ông có khác nhau. Lý-học đời Tống ngoài bốn phái Liêm, Lạc, Quan, Mân, lại có nhiều phái như là ông Thiệu-Ung, (242) ông Tôn-Phục, (243) ông Hồ-Viên, (244) ông Trương-Thức, (245) ông Hồ-an-Quốc, (246) ông Dương-vạn-Lý, (247) ông Lữ-tổ-Khiêm, (248) ông Trần-phó-Lương, (249) ông Chân-đức-Tú (250) đều là người có tiếng đương-thời. Đến đời Nguyên thì cái tôn-phái Lý-học vẫn chưa hề mất trước thì có ông Dao-Khâu, (251) Hứa-Hoành, (252) sau lại có ông Lưu-Nhân, (253) Ngô-Trừng, (254) Kim-lý-Tường, (255) tuy các ông ấy, chưa có thể sánh bằng Tống-nho được, nhưng mà cũng đủ chứng cho cái tôn-phái của Lý-học trong một đời.

Thuộc về sử-học, thì sử học đời Tống đã thấy tiến-bộ, nhưng mà cái thể-tài cũng chỉ là cách « kỷ-truyện », cách « biên-niên », và cách « kỷ-sự bản-mạt » mà thôi, cách « kỷ-truyện » thời như bộ *Đường-thư*. (256) bộ *Ngũ-đại-sử* (257) của mấy nhà sử-quan đời Tống làm, và đời Nguyên, có sai ông Thoát-Thoát (258) soạn ra ba bộ sử Tống. Liêu, (259) Kim, cũng thuộc thể kỷ-sự, Thể biên-niên, thì có sách *Tư-trị thông-giám* của ông Tư-mã-Quang (260) làm, sách ấy ông Quang cùng ông Lưu-Phần, (261) ông Lưu-Thư, (262) ông Phạm-tổ-Võ, (263) hợp soạn 19 năm mới thành, đời sau xét về sử Tàu, ai cũng gọi bộ sử ấy là rất có giá-trị. Thể « kỷ-sự bản-mạt » thì bắt đầu từ bộ *Thông-giám kỷ-sự bản-mạt* của ông Viên-Khâu (264) làm, thể sử ấy là rõ-ràng, cũng đáng cho là cái đặc-sắc trong sử-học vậy.

---

(234) 定性書 (235) 明道先生 (236) 伊川先生 (237) 正蒙 (238) 東銘西銘 (239) 橫渠先生 (240) 易本義詩集傳四書集註小學通鑑綱目近思錄 (241) 陸九淵 (242) 邵雍 (243) 孫復 (244) 胡瑗 (245 張栻 (246) 胡安國 (247) 陽萬里 (248) 呂祖謙 (249) 陳傅良 (250) 眞德秀 (251) 姚樞 (252) 許衡 (253) 劉因 (254) 吳澄 (255) 金履祥 (256) 唐書 (257) 五代史 (258) 元脫脫 (259) 遼 (260) 司馬光 (261) 劉邠 (262) 劉恕 (263) 范祖禹 (264) 袁樞

Thuộc về « văn-học », thi từ cuối đời Đường cho đến đời Ngũ-đại văn-học đã suy lắm, kịp đầu đời Tống hãy chưa được thịnh, người làm văn chỉ học theo cách biền-ngẫu mà thôi, sau đến ông Âu-dương-Tu (265) hết sức nghiên-cứu về văn ông Hàn-Dũ, chữa lại văn-khí mà làm một bậc « văn-tôn » (266) ở đương-thời. Đồng-thời với ông Tu lại có ông Tô-thuấn-Khâm, (267) ông Mai-nghiêu-Thần (268) cùng với ông Tu mà sửa lại cái phong-cách sự làm văn. Từ ấy văn-học đời Tống, mới biến-cải thành một thể mới, kế sau ông Tu lại có ông Tô-Tuân, (269) Tô-Thức, (270) Tô Triệt, (271) Tăng-Củng, (272) Vương an-Thạch, (273) đều là những bậc văn-học đại-gia đương-thời, học trò ông Tô-Thức là ông Hoàng-đình-Kiên, (274) và ông Trần-sư-Đạo (275) đều là những nhà thi-học, cho nên người ta thường gọi hai ông ấy là *Giang-tây học-phái* (275) Qua đến đời Nam-Tống thì văn-học đã suy, nhưng mà có bọn ông Lý-Cương, (276) văn-chương cũng giống như văn ông Giả-Nghị đời Hán, ông Lục-Chí đời Đường, và lại có bọn ông Lữ-tổ-Khiêm (277) ông Lục-Du (278) ông Văn-thiên-Tường (279) đều là những nhà « danh-thi » ở đời Nam-Tống. Qua tới nhà Nguyên thì những người có tiếng về văn-học cũng nhiều, nhưng tựu-trung thì chỉ ông Nguyên-hiếu-Vấn (280) là người bậc nhất (ông có làm ra bộ *Di-sơn tập* 40 quyển) sau ông Hiếu-Vấn có bọn ông Ngu-Tập, (281) Dương-Tải, (282) Hoàng-Tiềm, (283) Liễu-Quán (284) là những người tinh về thi-học cuối đời Nguyên mà thành một nền văn-học cho đời Minh vậy.

VII

Thời-đại Minh (285) *và Thanh.* (286) Minh từ lịch tây 1336-1643, Thanh từ 1644-1911. — Cách thủ-sĩ của đời Minh và đời Thanh, thời trọng về đường kinh-thuật và văn-nghệ, cho nên cách học cũng giống nhau, duy học-vấn thì đời Minh chỉ luận về « tinh-lý » mà đời Thanh thì chuyên về « khảo-chứng » cái yếu-điểm sự học của hai đời khác nhau là thế. Học-thuật đời Minh, đại-đề tuân theo cái lý-thuyết của Trình, Châu, đương lúc Minh-Thành-Tổ (287) biên ra sách *Tứ-thư đại-toàn, Ngũ-kinh đại-toàn, Tinh-lý đại-toàn,* (288) để ban-phát cho các trường học. Trong lúc bấy giờ, học-trò phải bị câu-thúc về sự thi-cử, cho nên phải chủ theo những học-thuyết của Châu, Trình, mà không ai dám ra khỏi cái phạm-vi ấy để xướng một cái lý-thuyết gì mới. Đến sau rồi sự học có chia ra làm hai phái, là phái Khiêu-giang (289) và phái Hà-đông, (290) phái Hà-đông thì do ông Tiết-Huyên (291) xướng lên học ông Huyên lấy họ Trình, họ Châu làm gốc, lấy sự « cung-bành phục-tính » làm chủ, ông có nói rằng : Phàm người lòng tư-dục đạm-bạc, thì tâm thanh-bạch, mà tâm thanh-bạch thời nghĩa-lý được phát-hiện » ông lại nói: « trải qua đời ông Châu-Tử thì thế-đạo rõ-ràng, không cần phải làm sách vở nữa ». Xem như thế đủ biết cái học-phái ông là tôn-chuộng cái học-thuyết của ông Châu-Tử. Kế sau ông có ông Hồ-cư-Nhân (292) cũng theo về cái học-thuyết ấy. Còn cái học-phái Khiêu-giang thì do ông Vương-thủ-

(265) 歐陽修 (266) 文宗 (267) 蘇舜欽 (268) 梅堯臣 (269) 蘇洵 (270) 蘇軾 (271) 蘇轍 (272) 曾鞏 (273) 王安石 (274) 黃庭堅 (275) 陳師道 (276) 李綱 (277) 呂祖謙 (278) 陸游 (279) 文天祥 (280) 元好問 (281) 虞集 (282) 楊載 (283) 黃潛 (284) 柳貫 (285) 明 (286) 清 (287) 明成祖 (288) 四書大全 五經大全 性理大全 (289) 姚江 (290) 河東 (291) 薛瑄 (292) 胡居仁

Nhân (293) xướng đầu, cũng có người gọi là Vương-dương-Minh học-phái, (294) vì ông là người ở đất Dư-Khiêu (295) cho nên gọi là học-phái Khiêu-giang, ông đỗ Tiến-sĩ từ đời *Hoằng-trị* (296) đến sau ra làm quan, đánh giặc có công, ông thật là một nhà văn-thần mà biết dùng binh vậy, ông làm nhà ở trong động Dương-minh, rất ưa cái đạo « Phật, Lão », sau nghĩ thấu cái lý « cách-vật tri-tri » rồi bèn xướng ra cái thuyết « tri-hành hợp-nhất » mà chủ về sự « lương-tri lương-năng » của người đời. Học-trò ông có ông La-hồng-Tiên (297) Tiền-đức-Hồng, (298) Vương-Cơ, (299) Trâu-thủ-Ích, (300) Vương-Lương, (301) cũng đều có tiếng đương-thời.

Vì đời Minh học-phái Hà-đông cùng học-phái Khiêu-giang đều là luận về đường « tinh-lý », mà bỏ những chú-sớ của đời Han, Đường không giảng đến, thế cho nên sinh ra cái phản-động lực mà có cái học « khảo-chứng » của đời Thanh phát-khởi ra. Khảo-chứng là khảo-sát và dẫn-chứng vậy ; học khảo-chứng tuy không phải bắt đầu từ đời Thanh, nhưng mà đến ông Cố-viêm-Vũ (302) đời Thanh mới thật là thành-lập. Ông Viêm-Vũ là cựu-học đời Minh, vì nước mất không chịu làm quan, chỉ ở nhà trước-thuật, ông có làm ra bộ *Nhật-tri-lục* (303) *Thiên-hạ quận-quốc lợi bệnh thư* (304) toàn là khảo-cứu đích-sác, tài-liệu phong-phú, đủ làm mấy bộ danh-thư đương-thời. Sau ông các nhà học khảo-chứng cũng nhiều, như là bọn ông Diêm-nhược-Cự, (305) ông Hồ-Vị, (306) ông Mao-kỳ-Linh, (307) ông Huệ-Đống (308) ông Đới-Chấn, (309) ông Đoàn-ngọc-Tài, (310) ông Vương-niệm-Tôn, (311) ông Châu-di-Tôn, (312) ông Phương-Bào, (313) cũng là mấy bậc danh-nho ở đời Thanh, hoặc người biên tập ra sách-vở, hoặc người thâm kinh-học, hoặc người giỏi về đường văn-chương. Tuy vậy, cái khảo-chứng đời Thanh vẫn thịnh như thế, nhưng mà đến khi tuyển-cử thì học-trò, thời lại lấy học-thuyết của Tống-nho làm chủ, thành ra vì sự thi-cử mà hạn-chế cái sự học-vấn của người đương-thời.

Sử-học đầu đời Minh, thì có bọn ông Tống-Liêm (314) biên-tập thành bộ *Nguyên-sử*, lại có ông Kha-duy-Kỳ (315) soạn ra bộ *Tống-sử-tân-biên*. Qua đời Thanh thì có ông Vương-hồng-Tự (316) soạn ra tập *Sử-cảo* đời Minh, kế đến ông Trương-đình-Ngọc 317) cứ theo sử-cảo ấy biên thành bộ *Minh-sử*, ấy đều là những sử thuộc về thể « kỷ-truyện ». Đến như thể « biên-niên » thì ở đời Minh có bộ sử *Tống-nguyên-thông-giám* của họ Tiết, (318) ở đời Thanh thì có bộ *Tư-trị thông-giám hậu-biên* của họ Tư. (319) Thể « kỷ-sự bản-mạt » thì ở đời Minh có bộ *Tống-sử kỷ-sự bản-mạt* và « Nguyên-sử kỷ-sự bản-mạt » của ông Trần-bang-Chiêm 320 làm ra, cũng đủ truyền để làm lịch-sử trong một đời. « Sử-học » đời Thanh có tiếng là bộ *Nhị-thập nhị-sử thập-kỷ* (321) của ông Triệu-Dực (322) làm, thật là có ích cho sử-học rất nhiều, và những sử của ông Vương-minh-Thịnh (323) làm ra, đối với sử-học cũng rất có quan-hệ.

Văn-học đời Minh thì có ông Tống-Liêm, (324) ông Vương-Vĩ, (325) và ông Lưu-Cơ (326) là những tay văn nho có tiếng về đường văn-chương. Còn những người chuyên trường về thi-ca cũng

(293) 王守仁 (294) 王陽明學派 (295) 餘姚 (296) 弘治 (297) 羅洪先 (298) 錢德洪 (299) 王畿 (300) 鄒守益 (301) 王艮 (302) 顧炎武 (303) 日知錄 (304) 天下郡國利病書 (305) 閻若璩 (306) 胡渭 (307) 毛奇齡 (308) 惠棟 (309) 戴震 (310) 段玉裁 (311) 王念孫 (312) 朱彝尊 (313) 方苞 (314) 宋濂 (315) 柯維騏 (316) 王鴻緒 (317) 張廷玉 (318) 薛應旂 (319) 徐乾學 (320) 陳邦瞻 (321) 二十二史劄記 (322) 趙翼 (323) 王鳴盛 (324) 宋濂 (325) 王緯 (326) 劉基

vẫn nhiều, sau lại có ông Lý-đông-Dương [327] là người thi-học có tiếng, cùng với bọn ông Lý-mộng-Dương, ông Hà-cảnh-Minh [328] mười người kết thành một cái « thi-xã » gọi là *Thập-tài-tử*. Sau kế đến bọn ông Lý-phan-Long, [329] ông Vương-thế-Trinh [330] cũng nối nhau làm chủ-minh chốn văn-đàn, ngoài ra lại có nhiều người trứ-danh về thi-ca, về kinh-học về từ-chương, không thể kể cho hết được. Sau lại có ông Tăng quốc-Phiên [331] cũng là một nhà đại-gia về văn-học nước Tàu vậy.

Nói tóm lại thì học-thuật nước Tàu cuối đời Châu rất là phát-đạt, xem như cái thời-kỳ xuân-thu chiến-quốc thì tư-tưởng học-thuật của nước Tàu, phát sinh ra được lắm vẻ kỳ-đặc, mà mở cho nền triết-lý về sau. Đời Hán thì sử-học, văn-học lại càng phát-đạt, duy tới đời Lục-triều thì văn-chương theo lối điêu-chác, mất cái cốt-cách cổ-kính mà hóa ra một cách tài hoa vậy. Đến đời Tống muốn đổi cái tệ ấy, mới chuyên về đường Lý-học, duy thủ-sĩ bằng khoa-cử, và Tống-nho chú-thích nghĩa kinh, lại làm cho bó-buộc cái tư-tưởng của người đọc sách đời sau. Đời Minh đời Thanh tuy là học-giới càng ngày càng thịnh, sách vở càng ngày càng đủ, nhưng mà chẳng vượt khỏi cái phạm-vi của Tống-nho. Nói tổng-kết lại thì cái học-giới nước Tàu ở đời xuân-thu chiến-quốc là cái thời-đại tưởng bột-phát như trăm hoa đua nở, mà từ đời Đường, Tống sắp lại sau, thời khác nào như một cây cổ-thụ đã gần già cỗi vậy. Gần đây nước Tàu thâu-nhập cái học-thuyết của Âu Mỹ, bỏ khoa-cử, lập học-đường ; dạy theo cách tân-học và phái học-sinh xuất-dương để học-tập ở các nước. Trong nước thì ấn-quán, thư-xã, học-hội, báo-quán, khắp cả mọi nơi, tất-nhiên học-giới nước Tàu cũng có một ngày được hùng-phi với thế-giới. Tuy bây giờ đương lúc tân-cựu hỗn-hiệp, đường đạo-đức, đường học-vấn không khỏi có cái cảnh-tượng biến động, nhưng thiết tưởng một nước cựu-học như Tàu, mà tiếp-thụ lấy cái phong-trào mới của Âu, Mỹ, thì sự biến-động ấy cũng là cái thông lệ của thiên-diễn vậy. Có một ngày kia, tân-học, cựu-học đã tuần-tự mà điều-hòa, thì học-thuật nước Tàu khác nào như một cây cổ-thụ, gốc rễ đã bàn-cứ trên mặt đất, mà lại được vun sới các thứ phì-liệu vào tất-nhiên cây cổ-thụ ấy lại được tươi tốt mà thành ra cái bóng rờm-rà che-chở trên bờ bể Á-đông này vậy.

NGUYỄN BÁ-TRÁC

(327) 李東陽 (328) 何景明 (329) 李攀龍 (330) 王世貞 (331) 曾國藩

VĂN-HỌC

VIỆT-SỬ KHẢO

Tự-ngôn

Sử là sách chép sự thực của người ta đã làm tự đời nọ qua đời kia. Loài người ta phát-đạt có năm cái hiện-tượng : một là trí-lực (những các môn học cùng những cái gì thuộc về trí-thức gọi là trí-lực), hai là tài-sản (những nghề nông, công, thương cùng những sự làm ra có của-cải cho người ta gọi là tài-sản), ba là mĩ-thuật (các thứ sảo-nghệ, văn-học gọi là mĩ-thuật), bốn là tôn-giáo, năm là chính-trị ; trong năm điều ấy, người làm sử, người đọc sử không có một điều nào là bỏ được, cho nên tự lúc thế-giới học-thuật có tiến-bộ, thời sử-học bây giờ cùng sử-học đời trước thấy khác xa. Sử-học đời trước chẳng qua thuật công việc của một hai người có quyền-lực trong nước, lúc suy, lúc thịnh, lúc nên, lúc hư ; sử học bây giờ phải xem xét cả toàn-thể vận-động của người trong nước kinh-lịch ra thể nào. Sử-học đời trước chẳng qua ghi nhớ sự thực ; sử-học bây giờ phải biết rõ sự thực nó có quan-hệ với nhau cùng nguyên-nhân kết-quả nó ra thể nào. Những sử nước ta chép theo lối sử-học đời trước cả ; nay muốn lấy lối sử-học mới mà đọc sử nước ta, thật là khốn-nạn, thật là tức giận Nhưng muốn biết sự thực nước nhà thì trừ đó ra cũng không kê-cứu vào đâu được ; vậy hãy xin tóm hết sự thực chép ở trong sử, xét riêng từng phương-diện mà lược kể ra sau này, gọi là giúp một phần nhỏ-mọn cho các nhà độc-sử.

I

Lập-quốc địa-vị

Nước ta ở vào quãng giữa châu Á-tế-Á ; phía bắc giáp với Quảng-tây, Quảng-đông và Vân-nam ba tỉnh của Tàu ; phía tây giáp với Ai-lao và Cao-man ; phía đông và phía nam giáp bể ; sông Hồng-hà, sông Cửu-long phân-lưu ở Nam Bắc lưỡng-kỳ, bồi thành hai cánh đồng-bằng lớn ; vĩ-độ thì từ tám độ bốn mươi phân đến hai mươi ba độ hai mươi phân ; kinh-độ thì từ một trăm một độ hai mươi phân đến một trăm bảy độ ; bề mặt hai mươi bảy vạn ki-lô-mét vuông), cũng là một nước lớn trong châu Á vậy. Năm 2879 trước Thiên-chúa giáng-sinh, quốc-trưởng hiệu là Văn-lang, quốc-đô tại Phong-châu (bây giờ là huyện Bạch-hạc tỉnh Vĩnh-yên). lập-quốc bắt đầu tự đấy. Từ ông Triệu Vũ-đế, thống-nhất cả Cửu-chân ; Giao-chỉ, Nhật-nam, Việt-thường, lập-thành một nước, đất nước đã mở rộng được nhiều. Đến lúc nội-thuộc nước Tàu, về đời Lục-triều, bầy phủ Quảng-tây một-nhập đất Tàu ; về đời Đường. đời Tống, quận Nhật-nam lại bị Lâm-ấp lấn mất, đất nước vì thế súc-giảm quá nửa. Kịp đến thời-kỳ tự-chủ, trải Lê, Lý, Trần, Lê, đánh được Chiêm-thành (tức là Lâm-ấp), thu-phục hết đất cũ. Sau bản-triều lại lấy được cả lĩnh-thổ của Chiêm-thành, tiến vào phía nam, chiếm-cứ nước Thủy-chân-lạp Trong năm *Minh-mạnh* (1803-1820) đánh được Cao-man, chiêu được Vạn-tượng (tức là Ai-lao bây giờ) đều làm thuộc-địa ta. Coi thế thì cái địa-vị nước ta vốn là có cái tư-cách thống-nhất cả năm xứ trong Đông-dương mà lập-thành một nước lớn vậy.

II

Nhân-chưởng

Sử cũ chép năm 2862 trước Thiên-chúa giáng-sinh, cháu thứ ba đời vua Thần-Nông nước Tàu tên là Đế-Minh đi tuần phương nam đến Ngũ-lĩnh, lấy bà Vụ-Tiên, sinh vua Kinh-Dương, vua Kinh-Dương sinh vua Lạc-Long, vua Lạc Long lấy bà Âu-Cơ, sinh trăm con giai, ấy là tổ trăm đất Việt ; lấy thế làm gốc giống người Việt-Nam thì nói hoang-đường quá ; chẳng qua lúc đầu mờ-mịt, mới đặt-đề ra những truyện thần-quái, khoe người mình là giống thánh nòi tiên ; có lẽ nào một người mà đẻ trăm con, rồi sinh-sản ra khắp được cả nước ; câu ấy thật không đủ tin, người Tây thì lấy lẽ phàm loài người phát-sinh tự các nguồn sông trước, cho là giống người Việt-Nam, lúc đầu ở chỗ rẫy núi giáp-giới Chi-na cùng Tây-tàng, sau lần-lần xuống phía nam, theo sông Hồng-hà cùng sông Cửu-long mà ở ; nhưng cũng không lấy gì làm sác cứ. Nay xét cho kỹ thì có hai giống : một là giống cũ ; trong *Đông-dương sử-yếu* chép giống người Giao-chỉ gốc trước là giống Tam-miêu, Kinh-man, sau bị Hán-tộc đuổi, chạy sang phương nam ; Trong *Lễ-ký* chép man-dân ở phương nam, khắc chữ vào trán, hai ngón chân cái giao lại với nhau : coi lúc nước ta thuộc Hán, còn lấy Giao-chỉ đặt tên, thời biết giống cũ người Việt-Nam phần nhiều là giống Giao-chỉ ; nhưng lệ tự-nhiên thiên-diễn, đã xô-đẩy nhau trong trường tranh-cạnh, giống hay thời sống giống hèn phải xa . giống cũ ấy tiêu-diệt lần-lần, còn sót ít nhiều, lẩn-quất trong những miền rừng núi, tức là thổ-nhân thượng-du ta bây giờ. Hai là giống mới ; cứ trong sử chép năm 196 trước Thiên-chúa giáng-sinh. vua Tần Thủy-Hoàng Tàu sai Nhâm-Hiêu. Triệu-Đà phát năm mươi muôn người sang thú ở Ngũ-lĩnh, thì lúc ấy người Hán-tộc đã dời sang ở ta nhiều ; lại chép con Triệu-Đà là Trọng-Thủy lấy con gái vua An-Dương là Mị-Châu, thì lúc ấy người Hán-tộc đã có thông-hôn-nhân với ta ; ở lẫn nhau, cưới gả lẫn nhau, sinh-sản cực chóng, cư-tụ một ngày một đông ; đến lúc thuộc Hán, vua Hán Vũ-đế mở chín quận, đặt Thứ-sử, Thái-thú, rồi người Tàu sang ở ta, thì giống cũ Giao-chỉ dung-hóa gần hết, mà thành hẳn ra một giống người Việt-Nam bây giờ ; coi ông Lý-Bôn, tổ-tiên trước là người Tàu, cuối đời Tây-Hán, dời sang ở đất Nam, bẩy đời đến ông Bôn ; ông Hồ-quí-Ly tổ là Hồ Hưng-Dật vốn người Chiết-giang Tàu, đời ngũ-quí dời sang ở châu Diễn ta, bốn đời đến ông Quí-Ly ; thì biết giống người Việt-Nam bây giờ phần nhiều là Hán-tộc. Ôi ! Hán-tộc ta vốn là một giống người có cái tính-chất văn-minh, có cái năng-lực tranh-cạnh, đánh Suy-vưu, đuổi Tam-miêu, dẹp Kinh-man, chục-tiệm phát-đạt, tự Hoàng-hà đến Dương-tử-giang, Tây-giang rồi bành-trướng sang đến nước ta vậy Nếu không thế sao thu được Chiêm-thành, chiếm được Chân-lạp, chinh-phục hết các giống cũ mà nghiễm-nhiên làm chủ-nhân-ông cái miếng đất này được ?

III

Tiến-hóa trình-độ

Buổi đời thượng-cổ, dân-trí phác-lỗ, ấy phàm lúc mới loài người. nước nào cũng thế, không những là người Việt-Nam ta vậy. Về sau Cõi đời ngày một mở-mang, thì loài người cũng ngày một tiến-hóa, lệ chung thiên-diễn vẫn thế, chỉ khác nhau có mau với chậm thôi. Mà cái nguyên-nhân có chỗ chậm chỗ mau, là quan-hệ về địa-lý cùng sinh-kế. Các nước bên Âu-châu tiến-hóa mau lắm, vì bởi địa-thế các nước giao-thông thác-tạp với nhau, cái cơ cạnh-tranh bách ở trước mắt ; phần thì người nhiều đất ít, thổ-sản không đủ nuôi người ; phải chăm-chăm lo làm sao mà sinh-tồn, làm sao mà tiến-thủ, thành-ra xô đẩy

nhau trên con đường tiến-hóa, một ngày muôn dặm, không nước nào chịu kém nước nào. Nước ta ở về một góc châu Á-đông; phía bắc giáp với nước Tàu tuy mạnh lớn hơn mình, mà đường xá xa-xôi, có cái thế roi dài không tới bụng ngựa; về đời Hán Lý-Cố Tàu có lời sớ tâu với vua Tàu rằng: « từ châu Duyện, châu Dự (về miền bắc nước Tàu) đi đến Nhật-nam. (Quảng-bình, Quảng-trị ta bây-giờ lúc ấy gọi là quận Nhật-nam), hơn chín ngàn dặm, tính quãn đi mỗi ngày ba mươi dặm, phải ba trăm ngày mới tới. » Vậy mình với Tàu đi lại giao-thông khó đến như thế. Vả lại cách người Tàu đi lấy thuộc-địa, chẳng qua lấy làm phiên-phục, chứ không có cái chính-sách thực-dân, nên cách người mình đối-phó với Tàu, chỉ cái hư-văn phụng-cống xưng-thần, là nắm yên vô-sự được. Phía tây giáp với Ai-lao, Cao-man thì đã ở trong phạm-vi mình cả, Còn Xiêm-la, Diến-điện thì cũng không phải địch-quốc mình; trông trước ngó sau, không cần phải tranh-cạnh với ai hết, thế là địa-thế bốn phía nó không bắt ta phải tiến-hóa vậy Đất ruộng thì nhiều, vật-sản phong-phú, đi không cần xe-lửa tàu-khói, ở không cần nhà rộng cửa cao, ăn mặc không cần xa hoa mĩ-lệ, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, đủ cung sinh hoạt, không cần phải lo xa, thế là địa-lợi thiên-nhiên nó không bắt ta phải tiến-hóa vậy. Lấy một cái giống người không cần phải tranh-cạnh mà lại không cần phải lo xa, trách nào cái cơ tiến-hóa không sao theo kịp Âu-châu được. Nhưng đã là một giống người có tâm-tư, có nhĩ-mục, nếu tuyệt-duyệt thời thôi, không tuyệt-duyệt thời phải có tiến-hóa. Nay xét cái trình-độ tiến-hóa của quốc-dân ta, chia ra làm ba thời-đại: Tự đời Hùng-vương đến đời Triệu Vũ-đế là thuộc về thời *Hồng-hoang* Tự đời Triệu Vũ-đế đến đời Đinh, Lê là thuộc về thời-đại *giã-man*. Tự Đinh, Lê sấp về sau thời đã thóat khỏi cái thời đại giã-man mà vào cái thời-đại *bán-khai* rồi vậy. Bây-giờ sáu giống chen vai năm châu chung chợ, cuộc cạnh-tranh trong thế-giới như sấm vang, như sét nổ, như gió rập, như sóng rồi; trước kia không cần phải ganh đua, chứ bây-giờ không ganh đua không được; trước kia không cần phải lo xa chứ bây-giờ không lo xa không xong; lại may có nước Đại-pháp là một nước văn-minh nhất-đẳng trong thế-giới làm thầy hướng-đạo cho ta vậy thời do cái thời-đại bán khai mà tiến lên cái thời-đại văn-minh, ngày ấy tưởng cũng không xa vậy.

IV

Quốc-dân đối-ngoại tính-chất

Thấy một hai người bài-ngoại thì bảo người Việt-Nam ta tuyệt không cái lòng hiếu-thiện; thấy một hai người mị-ngoại thì bảo người Việt-Nam ta chỉ có cái tính nô-lệ; nói thế là oan cho người Việt-Nam ta cả. Ôi! người Việt-Nam ta cũng là một giống người trong thế-giới, không phải có thù hằn gì giống người khác mà cũng không hề tự ô-miệt cái tư-cách làm người của mình. Yêu ta ấy là chúa, hại ta ấy là thù, cái nguyên-tính của người Việt-Na n ta thế đấy. Đương lúc nội-thuộc Tàu, về đời Tây-Hán, ông Tích-Quang làm Thái-thú Giao-châu, dạy dân lễ nghĩa, dân đều phục theo; về đời Đông-Hán, ông Nhâm Diên làm Thái-thú Cửu-châu dạy dân cày bằng trâu, lấy sắt làm đồ điền-khí, chế ra cách y-phục, đặt ra lễ giá thú, người Nam đều nói chúng-ta có cọn là ơn ông Nhâm cả, nhiều người đặt tên con là Nhâm, ông về Tàu rồi người Nam lập sinh-từ thờ; về đời Hán Minh-đế, ông Giả-mạnh-Kiên làm Thứ-sử, kén dùng lương-lại, dân nhờ được yên, người Nam ca tụng là « Giá phụ », về đời Hán Linh-đế, ông Sĩ-Nhiếp làm Thứ-sử, lưu-tâm sự giáo-dục, người Nam tôn là Sĩ-Vương về đời Tấn, Đỗ-tuệ-Độ làm Thứ-sử, cấm dâm-từ, lập trường học, việc cai-trị tiêm-tất như trị trong nhà, lại dân thương mà sợ

về đời Đường Mã-Thực làm Đô hộ, thanh liêm không nhiễu, lại dân điều yêu, ấy mấy người đó là quan Tàu phái sang, mà người Nam ta đến bây-giờ còn khen ngợi thì biết phàm ai có ơn đức với ta, ta cũng tỏ cái lòng yêu mến ; đừng bảo người Việt-Nam ta tuyệt không lòng hiếu-thiện vậy. Duy những kẻ sính-oai trí-ngược mà kết-oán với người Việt-Nam ta thì không sao ép được người Việt-Nam ta phải mãn đời thần-phục ; xem như lúc nội-thuộc Tàu, về đời Hán Quang-Vũ, Thái-thú là Tô-Định tham-tàn thì có bà Trưng-vương khởi-binh lấy sáu mươi năm thành, tự-lập làm vua ; về đời Ngô-Tôn-Quyền, quan Ngô bạo-ngược, thì có bà Triệu-Ẩu tụ-chúng hơn ngàn người, cùng anh là Quốc-Đạt hợp-binh đánh Ngô ; đời Lương Tiêu-Tư làm Thứ-sử, tham-ngược không chán, ông Lý-Bôn liền nổi lên lấy thành Long-biên ; Lưu-diên-Hựu đời Đường làm Đô-hộ, hình-lạm thuế-phiền, ông Đinh-Kiến liền nổi lên vây chỗ phủ-trị ; ấy bởi những bọn quan-lại Tàu ác-liệt quá nên người Việt-Nam ta cũng khích về công-phẫn mà cố liều phản-kháng để mong được khỏi trong vòng lửa nóng nước sâu ; đừng bảo người Việt-Nam ta chỉ là giống người nô-lệ vậy.

V

Lịch-triều chính-trị

Nước ta xưa kia còn thuộc về thời-đại bán-khai, nên chánh-trị-giới cũng còn sơ-lược nhiều lắm. Nhưng mà nước cũ ngàn năm, chế-độ điển-chương, sếp-đặt cũng đã đâu vào đấy cả. Nay tóm hết công việc chính-trị từ triều Lê giở về trước, chia làm từng hạng mà xét thử coi.

(1) *Dân-chính* — Dân-chính triều Lý, (1010-1224) phàm dân-đinh đến mười tám tuổi, đăng vào đinh-tịch, gọi là *hoàng-nam*, hai mươi tuổi sấp lên thì gọi là *đại-nam*, Đời vua Trần Thái-tôn, (1225-1257) mỗi năm đầu mùa xuân, xã-trưởng phải khai-báo số dân trong làng, gọi là số quân. Đến đời vua Trần Nhân-tôn, (1278-1292) đánh giặc Nguyên rồi sửa lại sổ dân trong nước. Đến đời Hồ-hán-Thương, (1401-1403) sửa sổ hộ phàm những dân lưu-ngụ bắt về nguyên-tịch, không cho lưu-vong, vì thế số dân gấp hai trước. Vua Lê Thái-tổ (1428-1432) đầu định phép làm sổ hộ, cứ sáu năm một kỳ, đến kỳ quan phủ, huyện và châu hiệp cùng hương-chức các làng đem hộ-khẩu trong làng đến kinh đối-tả. Vua Lê Thánh-tôn (1460-1496) định lại ba năm một kỳ gọi là *tiểu-điền*, sáu năm một kỳ gọi là *đại-điền*, đại-điền thì sửa sổ hộ rồi vừa duyệt nhân-đinh nữa, chia làm *tráng-hạng, quân-hạng, dân-hạng, lão-hạng, cố-hạng, cùng-hạng* ; đại-cương phàm dân lớn nên đến mười tám tuổi nhập-tịch lựa trước lấy những người cường-tráng làm lính, còn thì chuẩn làm *dân-hạng*, phải nộp tiền sai-dịch. Vua Lê Thần-tôn (1619-1642) đổi làm mười một năm một lần duyệt, Vua Lê Huyền-tôn (1662-1670) cho cả người ngoại-quốc nhập-tịch, thực-hành cái chính thu-dụng người ngoài. Đến cuối đời Lê lập ra cái lệ sổ hộ cứ nhất-định, thêm cũng không kể, hao cũng không trừ, thành ra số dân không chắc được, xét kỹ cái dân-chính nước ta đời trước, tuy có lúc lược, có lúc tường ; nhưng tổng-chi đặt ra sổ hộ, chỉ nhân lúc quốc-gia hữu-sự, triều-đình gấp về sự tuyển lính, nên tra xét có hơi tường, coi như triều Trần gọi sổ đinh là số quân, Hồ-quí-Ly nói làm sao được trăm muôn quân để chống giặc Tàu mới điểm hết tự mười lăm tuổi sấp lên, sáu mươi tuổi sấp xuống biên vào sổ hộ ; cho biết sổ hộ đời trước đặt ra chỉ để bắt lính mà thôi, đến khi trong nước bình-yên thì lại theo lối giản lược ; thâu-an cô-tức vốn không có ý muốn biết rõ số dân để mà chi phối các công việc hành-chính trong nước, như phép biên-thẩm bên Âu-châu, bắt khai cả sinh, tử, giá-thú, cứ lật quyển sổ ấy thời số người trong nước không sót một tên vậy.

(B) *Điền-thổ chế-độ* — Điền-thổ nước ta bởi mở-mang ra rừng rậm cùng đất bãi bể bồi nên; do tư-dân khai-khẩn ấy gọi là *tư-điền*, do nhà nước khai-khẩn ấy gọi là *công-điền*, nên có ruộng, sử sách không chép, không kể cứu vào đâu được. Tự đời Trần Thuận-Tôn (1388 1397 mới cho gia-nô các tôn thất được phép ở bãi-bể đắp đê giữ nước mặn mà khai-khẩn thành-thục, lập làm tư điền; sau lại định lệ *hạn-điền*, phàm thường-dân không được khẩn quá mười mẫu. Đời Lê Thái-Tổ xuống chiếu cho các phủ, huyện phải khám những điền-thổ công, tư cùng đầm bai làm thanh sổ sách, định đẳng-cấp chia ruộng cho dân. Đời Lê Thánh-Tôn lại lập sở đồn-điền, định ruộng làm thượng, trung, hạ ba hạng Đời Lê Dụ Tôn (1705-1728) định lệ quân cấp công điền, cứ sáu năm một kỳ, hoặc do quan chiếu-cấp hoặc cho dân tự-tiện phân-cấp. Xem thế thì nước ta đời trước có phép *quân-điền*, dân đã thành-đinh, ai cũng được một phần công-điền, cày cấy làm ăn không đến nỗi thất-nghiệp, cũng là phép hay; nhưng cải cách trượng-lượng chưa được phân-minh, không khỏi được những cái tệ cường-hào sâm lấn, lý-dịch ẩn-lậu; vả lại điều-lệ khẩn-thổ chưa có định rõ cho dân theo; nên đất hoang còn nhiều mà khai-khẩn chưa được mấy tí vậy.

(c) *Tài-chính*. — Đời trước tài chính nước ta chia làm ba hạng: Một là phú-thuế, vua Lý Thái-Tổ định lệ thu thuế có sáu thứ: 1e Ruộng đất đầm ao, 2e bãi dâu 3e sản-vật trên núi, trên nguồn, 4e muối tải ra ngoài cửa ải, 5e sừng ngà và các đồ hương-liệu, 6e cây gỗ hoa quả; thuế-ngạch triều Lý lấy sáu thứ ấy làm đại-tôn. Đời Trần lúc ban-đầu chỉ đánh thuế ruộng, dân-đinh những kẻ cùng-túng đều tha khỏi nộp thuế; đến đời Trần Nhân-Tôn, định thuế ruộng mỗi mẫu thu hai thăng thóc, thân dung mỗi người phải nộp ba tiền. Đời Hồ Hán-Thương thu thuế mỗi mẫu ruộng năm thang thóc, thân-dung mỗi người phải nộp năm tiền, nhưng mà những đinh-nam không ruộng cùng những người có ruộng mà cô quả thì được khỏi thuế cả. Đời Lê lúc ban-đầu cho quân mỗi tên được năm sào ruộng, dân mỗi tên được bốn sào, không vào cái lệ phải nộp thuế; đến đời Lê Thánh-Tôn định thuế đinh mỗi người tám tiền, chia ruộng làm hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, phải theo từng hạng ra thuế, lại định lệ đánh thuế bãi dâu. Đời Lê Dụ-Tôn (1705-1758) làm theo phép *tô, dung, điệu* nhà Đường bên Tàu, ruộng công ruộng tư đều theo hạng nộp thuế, mùa hạ, mùa đông không bắt dân đi làm việc quan, cho nạp tiền « điệu » Nói tóm lại nước ta khi trước gọi là quốc-dụng, chỉ lúc nào có sự chinh-chiến, phải cần có các phí nuôi binh; coi đời Lê Hiến-Tôn (1740-1785) thu thuế tơ để may áo cho quân lính, thì biết những thuế-ngạch đời trước phần nhiều vì quân phí mà đặt ra; còn những sự công-lợi công-ích trong nước, chưa có kinh-lý chút nào; lương-bổng các quan cũng rất bạc; thường thì chỉ những khoản phục-thực, tế-tự, yến-hưởng trong hoàng-thất mà thôi; nên phú-thuế các triều vua xem ra nhẹ cả, chưa có lập sổ dự-toán thường năm, nào là trung-ương hành-chính kinh-phí, tường-tất được như bây-giờ vậy. Hai là công-sản của nhà nước như quế muối đồng các hạng. Đời Lê Dụ-Tôn cho phép những quế-hộ bóc quế, đặt quan kiểm-tra bắt phải nộp quế tiến; quan lại phụng-hành một tang hai ngoại, nhân-dân phiền nhiễu, mà quốc khóa cũng không tăng-tiến được chút nào. Về lợi muối thì đời Lê Dụ-tôn chuẩn cho những hộ muối chuyên nghiệp mà đặt quan giám-thâu, hà-lạm nhiễu dân, sinh ra nhiều tệ; đến đời Lê Hiến-Tôn bỏ cái lệ giám-thâu tùy chỗ đặt tuần thuyền muối chở qua, chiếu theo nhiều ít định thuế, ý cũng dòm thấy tệ trước mà sửa đổi như thế cho thích-trung vậy. Về lợi đồng thì đời Lê định

phàm những khách-thương lại mua đồng phải trình quan lĩnh bằng, đi qua chỗ nào có ti-tuần kiểm-nghiệm, ngạch thuế cứ chiếu theo giá đồng thu ba phần mười, lúc ấy cái lợi mở mỏ lấy đồng về tay người Tàu cả; đến đời Lê Hiến-Tôn chuyên ủy quan Thủ-biên là Hoàng-văn-Kì mở mỏ đồng Tụ-long, ông Huấn-trung hầu là Nguyễn-đình-Huấn mở mỏ đồng ở Thái-nguyên, Sảng-mộc, An-hân cùng Liêm-tuyền, ông Hân-trung-hầu mở ở Hưng-hoá và Trình-lạn, ông Nguyễn-danh-Thưởng mở mỏ đồng ở Lạng-sơn, Hoài viễn, lại giao cho phiên-thần, thổ mục tùy-tiện chiêu dân-phu làm, đợi thành-hiệu sẽ liệu đánh thuế, từ đó bao-nhiêu mỏ đồng ở các xứ Tuyên, Cao, Thái, Lạng đều do người nước mình mở lấy, mà lợi-quyền không chuyên ở tay người vậy.

Ba là tiền-tệ. Tiền chế nước ta nguyên lấy một quan làm đơn-vị. Từ đời Lê Đại-Hành (980 1004) đúc tiền *Thiên-Phúc*, nước ta đúc tiền khởi-điểm từ đấy. Đến đời Trần định tiền-chế, trong dân thông-dụng cứ sáu mươi chín đồng là một tiền, nộp thuế thì mỗi tiền phải đủ bầy mươi đồng, tiền-chế không nhất-định, thật là một sự rất không tiện cho dân. Đời Lê Thái-Tổ đúc tiền *Thuận-thiên thông-bảo*, Cứ năm mươi đồng là một tiền ; tự đời Lê Thái-Tôn mới định sáu mươi đồng là một tiền, mười tiền là một quan, tiền-chế thông-hành bây giờ cũng còn theo thế. Đời Lê Hiển-Tôn mới đúc bạc lạng và tiền đồng ; từ đấy tiền đồng bạc lạng mới cùng với tiền kẽm đều thông-dụng trong nước. Còn lấy giấy thay tiền, cách như bạc-giấy bây-giờ, nước ta đời xưa cũng đã có dụng. Coi đời Trần Thuận-Tôn (1388-1397) có đặt ra một thứ tiền giấy gọi là *Thông-bảo-lợi-hội-sao*, lại cấm trong nước không ai được trữ nhiều tiền đồng, ý muốn tiền-hóa trong nước được cái lợi lưu-thông mà khỏi cái tệ ủng-chẹ, cũng đã xét được đến cái gốc lợi hại ; tiếc đến đời Lê có người dâng thơ xin làm tiền giấy để tiêu thế cho tiền, mà vua Lê Thái-Tổ không xét kỹ, lại xuống chiếu rằng : « Giấy là cái đồ vô-dụng, không có cân giá được với vật gì » ; thành ra tự bấy-giờ nước ta lại không biết tiêu tiền giấy nữa. Tổng-chi nước ta đương lúc bế-quan thời-đại, tuyệt không biết thương-mãi là cái gì ; tiền bạc chẳng qua để giao-dịch quanh-quanh với nhau mà thôi. Đường lưu-thông chưa được rộng mấy. Ông Phan-huy Chú làm sách *Quốc-dụng-khảo* có nói thiên-hạ chỉ lo thiếu ăn chứ không lo thiếu tiền, chính là cái lý thuyết nước ta đời xưa vậy.

D) Quân-chính. — Sử chép triều-Đinh (968-978) đặt mười đạo lính, mỗi đạo mười quân, mỗi quân muôn người, thì ngạch lính số đến trăm vạn ; nhưng xét ra lúc ấy đất nước còn hẹp, số dân còn ít, số lính lấy đâu được tới trăm vạn ; tưởng vì lúc ấy mới thoát-ly nước Tàu mà độc-lập, cho nên hư-trương thanh-thế để tủng-động người ngoài đó thôi, không đủ làm sác-cứ vậy. Đến triều Lý, binh-chế đại-lược bắt-chước theo phép cấm-sương nhà Tống bên Tàu ; cấm-binh mười quân, mỗi quân hai trăm người, làm hộ-binh chỗ kinh-thành nhà vua ; Sương-binh chín quân, phòng khi có việc thì điều kiểm-điểm một lần, gọi là *tiễn-canh*, xong lại cho về nhà doanh-nghiệp ; trong sổ đinh đã lựa một lần, gọi là binh-hạng, lúc có giặc-giã bắt ra làm lính hết giặc lại thả về làm ruộng ; chính được cái ý ngụ binh ư-nông ; lại đặt ra có thủy-quân, coi vài trăm hiệu thuyền-chiến, gọi là Long-phụng, có lục-quân, chia làm *tả, hữu tiền, hậu*, bốn bộ, mà lấy quân kỵ-sạ làm ngạch thứ nhất ; binh chế triều Lý tường-tất như thế, vô-quái-hồ bắc tỏa được quân Tống, Nam dẹp được quân Chiêm cũng là phải. Binh-chế triều Trần, có những danh-mục tứt-hiên, tứ-thần, tứ thánh, đại-yếu trong thì đặt cấm-quân, ngoài thì đặt binh các lộ : coi lúc cùng quân Nguyên giao-chiến, các công, thân-vương, tôn thất điểm

binh lại hội ấy hơn hai mươi muôn, mà từ Thanh, Nghệ giở vào trong còn chưa trúng-phát, đủ biết đời Trần ngạch lính thật nhiều. Đời Hồ-hán-Thương định ban quân *nam bắc* chia làm mười hai vệ, ban quân *đông tây* chia làm tám vệ mỗi vệ mười đội, mỗi đội mười tám người; *đại-binh* ba mươi đội, *trung-quân* hai mươi đội, mỗi *doanh* mười lăm đội, *cấm-binh, vệ-binh* đều năm đội, đặt một quan Đại-tướng-quân coi tất cả; lại đặt vệ *Thiên-ngưu*, vệ *Phủng-thần* hai vệ thuộc vào quân *Long-tiệp* thống-hạt, lấy thêm hương binh, đặt bốn ngàn hộ để cai-quản thứ lính ấy. Vua Lê Thái Tổ lúc đương đánh nhau với người Minh, binh-sổ cộng hai mươi nhăm vạn, sau khi bình-định rồi, thả bớt mười lăm vạn về làm ruộng, còn để lại có mười vạn, đặt làm năm đạo *vệ-quân*, gọi đạo *đông*, đạo *tây*, đạo *hải-tây*, đạo *nam*, đạo *bắc*; đến đời Lê Thánh Tôn, đặt làm năm phủ, gọi là phủ *trung-quân*, phủ *đông-quân*, phủ *tây-quân*, phủ *nam-quân*, phủ *bắc-quân*, mỗi phủ đặt một quan Đô-tư, sau đổi lại, trong thì đặt quân cấm-vệ, ngoài thì đặt quân năm phủ, quân *vệ* quân *phủ* đều thống-thuộc về các Đô-tư; trong sổ hộ thì định có ngạch quân *hậu bị*, ba năm một lần duyệt, có việc thì bắt ra; cho nên ngày thường nuôi lính tuy không nhiều lắm, mà đến khi có việc, như trận đánh Chiêm, trận đánh Bồn man, quân thủy bộ tất cả nhiều đến hăm-sáu, ba chục vạn. Đời Mạc-đăng Dung (1527-1527) đổi làm bốn vệ. Hậu-Lê trung-hưng, (1590) định theo phép cũ, lựa lấy lính hai xứ Thanh, Nghệ cùng binh-tráng bốn trấn Hải-dương, Kinh-bắc (Bắc-ninh bây giờ), Sơn-nam (Nam định, Hưng yên bây giờ) Sơn tây. Đời Lê Ý-Tôn (1735-1739) nghị lập hương binh đoàn-kết, mỗi làng mười tên đinh lấy bảy tên, cho tự sắm binh-khí, đặt điếm canh giữ; hoặc bốn năm xã, hoặc sáu bảy xã, theo địa-phận liên-tiếp, kết làm một đoàn, đặt một người đoàn-trưởng thống-xuất; có động đâu hiệp nhau lại cùng cự đánh, không địch nổi, thì phi-báo đoàn khác ứng-viện; lúc ấy dân-gian đều có binh-khí; đến năm sau lại làm cái phép ba tên đinh lấy một. Đời Lê Hiển-Tôn định lệ cử-suất đinh-phu, lựa những người văn-vũ trọng-thần làm quan Chưởng-đốc, coi cả việc dân, việc quân trong xứ, phàm các chỗ cử suất dân đinh đánh giặc, cho kê sổ lính nạp tại quan Chưởng-đốc liệu tưởng thưởng cho; đến năm sau lại dẫn hương-binh làm lính phủ-vệ, định các phủ trong bốn trấn, mỗi phủ đặt một vệ quân, có một quan Tuần-phủ quản-lính ấy. Cứ trong sổ đinh năm tên bắt một làm lính vệ quân ở ngũ, cấp lương tháng; hết việc lại trừu về; ấy là cái phép hương-binh triều Lê vậy. Xem thế thì binh-thế nước ta đời trước cũng đã tinh-mật, giá nhân thế mà chỉnh-đốn luôn-luôn, đừng có cái tệ hư-ứng cầu thả, làm sao đến nỗi binh không cường, nước không thịnh được?

(*E*) *Hình-luật* — Pháp-luật nước ta phần nhiều bắt-chước theo Tàu; cho nên hành chính cùng tư-pháp hai việc ấy vẫn hợp làm một, mà cái quyền lập-pháp tự một tay người quân-chủ chỉ-huy. Tuy vậy quân-chủ cầm quyền lập pháp mà mi-đức quân-chủ thì cốt phải thương dân; trừ những phép-luật đặt ra để ủng-hộ quyền-lực của triều-đình, còn những phép luật về việc dân-gian giao-thiệp với nhau, kể cũng đã công-bình tường-tận. Duy lúc trước gọi là pháp-luật, chẳng qua chỉ một môn hình-luật mà thôi, chưa có dân-pháp thương-pháp vậy. Đinh, Lê giở về trước, thấy chép ở sử, như đời Đinh nuôi cọp ở cũi để ăn người tội, đời Lê ai phạm tội thì bắt đem thui, lúc ấy chưa có đặt ra pháp-luật gì cả. Tự đời Lý Thái-Tôn (1028-1053) mới đặt ra ba quyển hình-thư, đến đời Lý Nhân-Tôn định luật giết người phải tội chết, trộm trâu phải phạt nặng, đời Lý Anh-Tôn (1138-1174) định

luật cho nộp ruộng chuộc tội ; nước ta có sách luật khởi-điểm từ đấy ; duy có tội bắt liên-can đến vợ, thì luật ấy còn nhiều chỗ chưa được công bình. Đời Trần Thái-Tôn có soạn bộ *Quốc-triều hình-luật* ; sau lại định các cách hình-luật ; đến đời Trần Dụ-Tôn sai ông Nguyễn Trung-Nghiện và ông Trương Hán-Siêu soạn thêm một quyển để bổ những điều trong hình-thư trước còn thiếu. Cứ sử chép hình-luật triều Trần định làm ba hạng : một là tội *đồ* khắc chữ vào trán mà bắt cày ruộng công-điền, hai là tội *lưu*, đem đày ở châu Ái thủy (huyện An bang bây giờ), ba là tội *chết*, phạm tội đại-nghịch thì chém. Hình-luật triều Trần ví với hình-luật triều Lý có tường mật hơn. Đời Lê Thái-Tổ sai các quan đại-thần bàn định luật lệnh đến đánh cờ, đánh bạc cũng có luật cấm ; đời Lê Thái-Tôn 1433 1441) lại sai ông Nguyễn-Trãi soạn sáu quyển hình-thư ; đời Lê Nhân-Tôn (1442-1458) lại định thêm luật tư-gia điền-sản gồm mười bốn điều, đời Lê Thánh-Tôn châm-chước theo luật Tùy, Đường bên Tàu soạn thành một bộ luật *Hồng-đức* (Hồng đức là niên hiệu vua Lê Thánh-Tôn), lại định có kỳ xử những việc kiện-tụng nhỏ, kỳ xử những việc kiện tụng lớn ; đời Lê Hiến-Tôn (1497-1503) sắc-dụ hình-bộ, đình-úy-ti và các quan khám-lý ngục-tụng phải y kỳ khám xét việc kiện ai yêm-chẹ có tội ; đời Lê Thần-Tôn (1619-1642) định lệ từ-tụng : phàm các nha-môn có sử trái phép, cho dân được ở ngoài thì do hiến-ti, ở trong thì do toà ngự-sử minh-oan ; đời Lê Chân Tôn (1643-1648) định lệ xử kiện, đầu do xã-trưởng, thứ đến quan phủ, quan huyện thứ đến thừa-ti, thứ đến hiến-ti, thứ đến Cai-đạo, sau đến toà ngự-sử chung-thẩm mà giám-đốc toà ngự-sử, lại có một hiệp-nghị chính-đường ; pháp-luật triều Lê so với Lý, Trần kể đã tường-tất lắm ; tiếc vì cái thể-chế pháp-luật chưa đủ mà học pháp luật chưa có chuyên-môn, nên không khỏi có nhiều điều khuyết điểm vậy

F.) Phép khoa-cử. — Nước ta đời trước chưa có cái giáo-dục phổ-thông, chỉ nhờ có một lối khoa-cử để cổ lệ quốc-dân về sự học, xét trong sử nước ta đặt ra có phép thi là tự đời Lý trước. Vua Lý Nhân-Tôn (1072-1126) xuống chiếu kén những người minh-kinh bác-học thi ba trường ; đến vua Lý Anh-Tôn (1138-1174) lấy chính-sự thi những người thái-học-sinh, ai đỗ thì bổ quan ; đến vua Lý Cao-Tôn (1175-1209) thi những học trò thiên-hạ thì mười lăm tuổi giở lên, ai thông được kinh *Thi* kinh *Thư* thì cho vào thi, học ở ngự-duyên, lại những người học đạo *Phật* đạo *Lão*, cũng có mở khoa thi ; lúc ấy phép khoa-cử chưa có trình thức nhất định. Đời vua Trần Thái-Tôn thi thái-học-sinh, chia làm nhất-giáp, nhị-giáp, tam-giáp, ba bậc, phép thi nước ta có tên tam giáp là bắt đầu tự đấy ; sau lại định lệ bảy năm một lần thi, trong hàng nhất-giáp đặt ra làm tam khôi, gọi là trạng nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa, người Bắc-kỳ đỗ thì gọi là Kinh trạng-nguyên, người Thanh, Nghệ đỗ thì gọi là Trại trạng-nguyên, vì khi ấy Thanh, Nghệ ở về miền biên-bỉ, sự học chưa được thịnh-hành, nên khoa nào cũng lựa một người đỗ đầu trường Thanh, Nghệ cho là Trại trạng-nguyên để tỏ lòng kích-khuyến. Đến đời vua Trần Anh-Tôn, (1293-1313) sửa lại phép thi, chia làm bốn kỳ : kỳ thứ nhất thi *âm-tả*, kỳ thứ nhì thi *kinh-nghĩa* và *thơ-phú*, kỳ thứ ba thi *chiếu, chế, biểu*, kỳ thứ tư thi *văn-sách*. Đến đời Trần Duệ-Tôn đổi thi thái-học-sinh, gọi là thi tiến-sĩ, đỗ trạng-nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa, hoàng-giáp thì gọi là cập-đệ, còn thì gọi là đồng cập đệ. lại định phép thi hương, ai đỗ gọi là cử-nhân, mới được thi hội ; Chương-trình thi cũng đổi lại : kỳ thứ nhất bỏ *âm-tả* thì *kinh-nghĩa*, ba kỳ sau thì để như cũ. Phép khoa-cử đến đời Trần đã là tường-mật lắm ; từ đời Lê đến Bản-triều cũng đều theo thế cả. Đời Lê Thái-

Tôn định lệ ba năm một lần thi, lập bia đề tên những người đỗ tiến-sĩ ; đến đời Lê Thánh-Tôn định thêm cái lệ tiến-sĩ ; được ban yến, cấp mũ áo, cho về vinh-qui, vinh-diệu thật không gì bằng vậy. Ôi ! Triều-đình lấy khoa-cử cầu-tài, thì trong nước những người tuấn-tú thông minh, cũng xô nhau vào cả một con đường ấy, nên nước ta xưa nay danh-nho lương-tướng phần nhiều ở khoa-mục mà ra ; phép khoa-cử không phải là không có công-hiệu. Nhưng lựa người mà chỉ bằng ở văn tự, thì vàng thau ngọc đá, làm sao biện-biệt cho khỏi lầm ; vả khiến cho một nước sĩ-phu vùi đầu cả trong cái nghề hư-văn vô-dụng ; thật là một sự nhầm to vậy.

(g) *Phép dụng-nhân* — Nước ta xưa nay tuy gọi là chính-thể « quân-chủ chuyên chế », nhưng trong nước không có cái tệ phong-kiến thế-tập, không có cái giai-cấp quí-tộc bình-dân, cho nên cái quyền dụng-nhân chuyên ở một tay đấng quân-chủ, những người có tài có đức, có đường tiến-thân được cả, cũng không câu-nệ một cách nào : một là phép thuyên-tuyển lúc đời Lý, Trần, phép thuyên tuyển chia làm hai hạng : một hạng thì lấy những hàng lại-viên ; đời Lê thì lấy giám-sinh bổ lại, sau khi trung-hưng, chia nho lại làm hai đường bổ dùng khác nhau, lại đặt ra khoa *nhậm-tử* thì lấy những con các quan, khoa *sĩ-vọng* thì lấy những người danh-sĩ, khoa *hoành-từ* thì lấy những người di-dật, phép thuyên-tuyển như thế, thật là rộng lối cầu-tài ; duy một khoa nhậm-tử, cho thế gia tử-đệ được đặc-cách bổ dùng, chưa phải là đạo công vậy. Hai là phép bảo cử : đời vua Lê Thái-Tổ, truyền cho các quan tam-phẩm giở lên mỗi ông phải cử một người có văn vũ tài đức ; đời vua Lê Thánh Tôn truyền cho các quan triều mỗi ông phải cử một người cương-trực trong hàng phủ huyện, lại định lệ bảo-cử các quan Thừa-ti, các quan Tổng-binh, các chức dịch trong các nha-môn ở trong hoặc ở ngoài, mà buộc những người đứng tên bảo cử ấy phải chịu trách-nhậm ; sau khi trung-hưng, phép bảo-cử lại càng nghiêm mật, phàm các quan tam-phẩm trở lên được bảo-cử những người có danh-vọng, đầu hết khởi-luận tại giữa chốn triều đường, rồi có các quan ngự sử đài cùng các quan thượng-thư bộ bàn định thật sác, tâu lên vua, hậu-chỉ bổ dùng những người ấy được bổ dùng từ hàng quan tứ-phẩm giở xuống, bảo-cử người nào mà chính giáo có liệt-tích thì chịu phạt nặng ; phép bảo-cử như thế, kể cũng đã tinh-tường, nên được nhiều người khá. Ba là phép khảo-khóa : khảo khóa là để xét xem các quan chính tích ai hơn ai kém đời Lý Anh-Tôn định chín năm một lần khóa ; đời Trần Thái-Tôn định mười lăm năm một lần duyệt, gia chức một bậc, sau khi duyệt rồi mới thăng thụ ; đến đời Lê định ba năm một lần khảo mà thường lọc đi lọc lại luôn, phép khảo-khóa mỗi ngày mỗi thêm tinh-mật ; nhưng phép hay mà người không giữ phép, thì đặt ra phép cũng chỉ là hư-văn ; như lúc cuối đời Lê, những hiến-ti, đài-trưởng, đến kỳ khảo-khóa, hối-lộ công-hành, thật không còn thành ra thể-thống gì nữa vậy Ấy cái phép dụng-nhân nước ta đời xưa như thế còn đặt quan chia chức thì mỗi đời mỗi khác, nhưng đại-đề trong có các quan bộ, viện, đài, tỉnh đề coi việc trong triều, ngoài có các quan trấn, lộ, phủ huyện để trị-dân các chỗ, duy sự giáo-dục, sự kinh-tế chưa thật có chuyên-nha, về đường khai dân trí hậu dân-sinh, còn khuyết-hám nhiều lắm vậy.

Tóm lại mà xem, việc chính-trị nước ta đời xưa, so với các nước văn-minh bây giờ, thật là một giời một vực ; nhưng đương lúc phong-hội chưa khai-thông, dân-trí chưa phát-đạt, việc chính-trị tất cũng phải theo trình-độ mà tiến bộ dần dần ; huống-chi qui-mô kiến-thiết ; cũng đã nghiễm-nhiên thành hình-thức quốc-gia ; thông-biến cải-lương, là trách nhậm của những người sau kế khởi ; nếu không biết tùy-thời cải-cách, mà đổ thừa tại đời xưa chính-trị bất-lương, thời có phải là cái tội của người đời xưa đâu ?

(Còn nữa) TUYẾT-HUY.

KHOA - HỌC

NGỌC-HOÀNG NỔI GIẬN

Không cái gì gớm-ghê dữ-dội bằng cái cảnh-tượng một cơn phong-ba. Bỗng chốc, mây đen to bằng năm bảy trái núi che mịt giời, mưa to, gió nhớn, cây đổ, nhà bay ; sấm ầm-ầm vang từ phương nọ tới phương kia ; chớp nhoàng-nhoàng, ngang-ngang, dọc-dọc, tia lửa sáng quắc ở giữa giời đen, tựa hồ như ông giời điện-báo cho nhân-loại biết trước cái hại và cái chết.

Khiếp thay ! sợ thay ! Cái sợ ấy đã có một cái ảnh-hưởng riêng và đã để một cái vết sâu trong óc con người ta.

Cổ-nhân không biết căn-nguyên bởi đâu, cho những cơn mưa gió to, có sấm sét là những trận lôi-đình, những lúc hờn-giận của ông giời. Người Âu cũng vậy, người Á cũng vậy, người nào cũng tin rằng cái sấm sét là cái oai của giời.

Các nhà làm luật, các thầy-tu nhân dịp đó để tăng cái quyền mình lên, mỗi lúc viện những sự bất-bình của thiên-địa để dọa-nạt đàn ngu, khiến cho các dân-tộc đời đời ngoi-ngóp ở trong vòng nhầm-lỗi.

Một nhà thi-sĩ đại-danh nước La-mã tên là Lưu-cao-sĩ xưa muốn phá cái sự tin nhầm của thiên-hạ, thuyết-lý lên rằng sấm sét chẳng phải do ở một cái quyền siêu-nhân-loại nào mà ra cả, chỉ là cái tiếng vang của hai đám mây chạm vào nhau mà thôi.

Sự tin của thiên-hạ đương mạnh quá, nên cái lý của ông Lưu hóa vô-hiệu Thường cái tin cưỡng hơn cái lý cho nên khoa-học cách-trí chậm hẳn đi mất mấy đời, trải qua biết mấy lần sinh tử, tử sinh mãi mãi về sau mới nói được đến cái thời-đại thịnh-đạt ngày nay.

Lưỡi con người ta thường ưa của chua của cay hơn vật bổ vật lành, tai thích nghe truyện huyền-hoặc, kỳ-quái hơn những truyện có nghĩa-lý, có đầu-đuôi, cũng bởi một nhẽ.

Đến ngày nay ở nước Ta và nước Tàu, cũng còn nhiều người tin như cổ-nhân vậy, sở-dĩ nhiều người có học-vấn còn đem lòng nghi-hoặc.

Kể ra thì chỉ từ thế-kỷ mười sáu giở đi mới có các nhà bác-sĩ hay kinh-nghiệm, dám đem cái vấn-đề mập-mờ ấy ra mà nghiên-cứu.

Ông Địch-cát-đức đứng khởi-xướng cái vấn-đề ấy lên, thứ nhất. Tuy vậy, mãi lâu năm về sau người ta mới biết rằng sấm sét do ở cái sức mầu-nhiệm quái-lạ là điện-khí.

Ông Địch-cát-đức và ông Bác-ái-hoà giải nghĩa một cách rất công-phu. Nhất là ông Bác giải cặn-kẽ lắm. Đại-ý của ông thì sấm sét là cái lực của lưu-hoàng phối-luyện với muối-đạm, bụi sắt, bụi than, chất nhớn ở mặt đất bay lên rồi tụ-họp với nhau. Thiên-hạ đều cho là phải, đến mãi giữa thế kỷ thứ mười tám là lúc người ta tìm ra được cái tia lửa của điện-khí.

Tìm được cái tia lửa điện-khí thì các nhà khoa-học ngờ ngay đến cái căn-nguyên của sấm sét.

Ông An-sĩ và Khắc-lý-khắc đem tỉ cái ánh sáng cái tiếng kêu của chớp, cái tiếng kêu của sấm. Ông Nộ-lôi cũng tỉ như vậy, ông tưởng rằng sấm chớp ở điện-khí mà ra, vì những sự hiển-hách của sấm chớp tỉ nào. Ông kết rằng : « Kết-quả giống nhau, tất căn-nguyên là một. »

Đến đấy vẫn còn là ý-kiến cổ, chưa có bằng-cứ gì đích-xác. Ông Phú-lan-

khắc-linh cũng đem nghiên-cứu về cái vấn-đề hắc-hiểm ấy. Trước hết ông nghiệm những cái kết-quả của điện, điện ấy thì lấy máy to làm ra, sau ông nghiệm đến những cái kết-quả của sấm sét. Ông thấy rằng điện làm chảy được những kim-khí ; làm phai được bụi vàng thếp trên một cái khung gỗ, mà gỗ không việc gì. Ông lại nhớ rằng sét làm chảy được vàng bạc để trong một cái bao gai, mà bao không việc gì làm tiêu được một cái mũi giáo bằng thép mà không dụng đến cái giáo bằng gỗ.

Ông đã bắt đầu tin rằng điện với sấm sét giống nhau. Đem máy điện, ông cũng làm được sáng, được kêu, khác nào một ông giời con làm ra sấm chớp.

Song ông PHÚ-LAN-KHẮC-LINH là một tay đại-tài, chưa cho là sự thật ; ông tìm hết các cách khác để phá cái đám mây hồ-đồ nó còn vơ-vẩn trong óc. Ông tìm ra rằng những mũi nhọn bằng kim-khí chuyền được điện dễ lắm. Ông nghĩ ngay đến cách dùng nó để lấy điện trên giời. Nếu ở trên giời có điện-khí thì mới chắc là sấm sét ở đó mà ra. Ông bèn làm một cái diều to phất bằng lụa, trên đỉnh diều để một cái mũi nhọn dài bằng đồng.

Năm ấy là năm 1752, một hôm giời có cơn, ông PHÚ đi từ tỉnh Phi-la-đan-phi về nhà quê, chỉ đem một người con út theo. Ông không cho ai theo nữa, vì sợ thí-nghiệm không được, người ta cười rằng già hãy còn chơi trống bỏi, đầu hai thứ tóc còn đi buông diều. Lúc ra đã xa tỉnh rồi, ông bảo con cầm dây để ông thả diều. Một lát diều lên cao tít mù xanh. Ban đầu, giời tạnh, ông chưa nghiệm thấy gì lạ cả vì dây diều là một cái dây gai, có ướt thì mới chuyền được điện. Lúc sau giời đổ mưa, cậu bé cầm dây kêu buồn tay. Ông PHÚC lấy một cái thìa khóa kề vào dây diều thì thấy có tia lửa lòe ra.

Quả thực là điện trên mây chuyền xuống ! Quả thực là sấm chớp ở điện-khí mà ra !

Ấy là khoa-học, cách-trí mới qua được một bước dài ; cái óc mờ-tối người ta mới được một cái ánh sáng chói-lọi soi vào !

Những sự thí-nghiệm ấy, về sau thiên-hạ được nhờ ơn nhiều lắm. Tiếng ông PHÚ-LAN-KHẮC-LINH đồn dậy Âu-châu và Mĩ-châu. Công việc của ông có ghi vào sách, sách ấy về bên Pháp may gặp được một nhà đại-danh là ông BÚT-PHONG

Ông BÚT-PHONG giao cho ông Bác-sĩ Pháp ĐẠI-LÝ-BÁ để ông thử lại những thí-nghiệm của PHÚ tiên-sinh. Ông ĐẠI-LÝ-BÁ dựng một cái cần sắt nhọn, cao mười bốn thước tây, trên một bãi cao. Cần sắt ấy đặt trên một cái hòm có gió thông với đất.

Ngày mồng mười tháng năm 1752, giời có cơn mây chuyển-vận trên cần sắt làm cho ông ĐẠI kéo được nhiều tia lửa ở cần ấy ra. Cái thí-nghiệm của ông ĐẠI cũng là nguy-hiểm lắm :

Năm 1753, một nhà khoa-học Nga-la-tư tên là DỊCH-DĨ-NAN muốn nghiên-cứu về điện-khí của giời, đi lại gần một cái cần sắt lúc giời có cơn, bị sét đánh chết.

Đã biết được căn-nguyên thì sự giải nghĩa sấm chớp thành ra dễ lắm.

Bao nhiêu sự hoán cải vận-động trong thế-giới đều có sinh ra điện-khí cả. Cái sự hoán-cải to-tát nhất là sự nước bể thành ra hơi. Sự thành hơi làm cho điện-khí trong nước bể phân ra điện-âm và điện-dương. Có đám mây thì có điện-âm, có đám thì có điện-dương. Hễ hai thứ điện khác tên mà gặp nhau thì chập vào nhau. Chập mạnh thì tất bật lửa, bật tiếng kêu. Có khi điện rơi xuống đất, rơi xuống đâu hại đấy.

Chớp là cái dải lửa sáng bật từ đám mây nọ sang đám mây kia. Nó cũng

sáng cũng nhanh như cái dải lửa của một máy điện to.

Sấm là cái tiếng nổ vang lừng. Điện-khí rơi xuống : Ấy là sét.

Mắt ta bao-giờ cũng thấy chớp trước rồi tai mới nghe sấm sau là tại ánh sáng đi nhanh hơn tiếng kêu nhiều lắm. Cũng vì nhẽ ấy cho nên những hôm giời nòng, ta chỉ thấy chớp đỏ-ói mà không thấy tiếng sấm. Tại rằng mây hút nhau ở xa chỗ ta đứng lắm ; chỉ ánh sáng đi nhanh đến được mắt ta, còn tiếng kêu đi chậm, chưa đến được tai ta đã tắt rồi.

Trong một giây đồng-hồ, ánh sáng vượt 30 vạn ki-lô-mét, còn tiếng kêu chỉ đi được 340 thước tây mà thôi.

Chớp mắt, ánh sáng đi vòng qua lải đất được 7 lần rưỡi. Trong một ngày 8 giờ 40 phút 47 giây, tiếng kêu chỉ đi được một vòng. Một cái máy bay, bay tuyệt nhanh mỗi giờ 200 ki-lô-mét, bay trong 8 ngày 8 giờ không nghỉ phút nào. Một cái tầu hỏa chạy mỗi giờ 40 ki-lô-mét, chạy luôn trong một tháng 11 ngày 16 giờ chỉ quanh lải đất được một vòng mà thôi.

Khi một đám có điện-khí bay giáp mặt đất, điện mây và điện đất hút lẫn nhau, chỗ đất mà điện nổ phải, ta gọi là sét đánh.

Những kết-quả của sét giống như kết-quả của tia lửa máy điện, song to-tát và dữ-dội hơn nhiều lắm. Tia lửa của máy điện tỉ với sét khác nào người ta tỉ với tạo-hóa. Người yếu dưới bao-nhiêu thì tạo-hóa lại khỏe bấy-nhiêu.

Sét phá tan những chất không chuyền được điện, làm được đá tung lên, từng mảnh gỗ xé ra từng sợi, làm cho cây ra than, lá ra bụi, tường đổ, vách lở. Sét làm chảy được dây chuông, dây thép, cục chì, chuông đồng trong nhà ta.

Nhiều khi sinh ra lắm sự lạ : sét làm chảy một cái kiếm mà không đụng đến bao bọc kiếm ; đánh bãi cát thì làm cho cát chảy ra nước rồi thành ra những ống thủy-tinh có khi dài đến 10 thước tây, chu-kính một thước. Xưa người ta cho những ống ấy do ở muối bọc những rễ cây mà ra, lâu ngày thì muối đông lại, còn rễ cây thì tiêu đi mất.

Bây giờ người ta lấy điện của máy điện to ở Bách-nghệ cổ-khí-quán thành Pha-lê chuyền qua một đống thủy-tinh vụn, cũng làm ra được những ống thủy-tinh to ấy.

Năm 1792 sét rơi xuống một cái nhà thờ bên Pháp, đánh tan một cột nhà thờ, tung một hòn đá nặng một tạ tây xa 55 thước. Năm 1852 sét đánh một cái cột buồm tầu, cột ấy bắn mạnh đến nỗi đi suốt qua một cái thành bằng gỗ lim xa đấy 80 thước. Sức mạnh kém gì đạn trái-phá ! Năm 1809, nước Anh-cát-lợi, một cái trường nặng 26.000 cân bị sét đánh bốc nổi bắn lên và bắn đi xa 3 thước.

Giữa đêm hôm mồng 3 tháng tám năm 1852 chiếc tầu Môi-y chỉ phải một tiếng sét mà dứt hẳn ra làm đôi, chớp mắt tầu đã chìm hẳn, không cứu vớt được người nào cả.

Sét có ảnh-hưởng về nam-châm, nó có thể làm sai được kim ở trong địa-bàn, cải thép ra đá nam-châm.

Trên giời thì sét luyện đạm-khí vào với dưỡng-khí làm ra đạm-toan, có ích cho loài thảo-mộc. Vì lẽ ấy mà trong nước mưa có đạm-toan. Đạm-toan ấy sinh ra muối đạm là thứ muối gớm-ghê mà người ta dùng làm thuốc súng. Người Mĩ nghiệm rằng ở châu Mĩ hễ chỗ nào hay có sấm sét thì có nhiều muối đạm hơn các nơi khác.

Người ta cũng bị sét đánh. Người thì ngã lăn ngay xuống đất, người thì bắn đi xa đến 20 hay 30 thước, người thì có chỗ sém đi, chỗ thủng chỗ có máu chảy. Có người sét đánh chết mà chẳng có thương-tích gì cả ; những người ấy không vì thương-tích mà chết, chỉ vì sức điện nó lay mình mạnh quá và

nhanh quá, khiến cho óc đông lại, máu không chảy nữa, phổi không thở nữa, có người chết đứng cũng vì sét đánh nhanh quá ; có nhiều lính ở chiến-tràng ngồi, hay quì mà chết, tay vẫn cầm súng, mắt vẫn nhằm, cũng vì là hòn đạn hại người nó đi nhanh quá.

Ta thường đồn rằng hễ có người « giời đánh » thì có lưỡi tầm-sét hoặc ở dưới hoặc ở gần chỗ người ấy nằm. Đào được lưỡi ấy đem về đánh vòng cho trẻ đeo thì khước lắm. Đó lại là một cái nhầm nữa. Nếu đào đất có thấy một cái lưỡi quốc, một miếng sắt dỉ thì cũng chẳng qua là một sự tình-cờ mà thôi. Tôi nhớ ngày còn bé, nghe thấy một làng về tỉnh Bắc-ninh có một người đàn-bà đi chợ bị sét đánh chết. Người kéo đi xem lũ năm, lũ bảy, tôi cũng theo đi xem. Đến nơi đã thấy năm sáu người, người thì cuốc, người thì sẻng, hăm-hăm hở-hở, đào đất. Hỏi ra mới biết người ta tranh nhau tìm lưỡi tầm-sét. Tầm-sét chưa thấy mà đã thấy cãi nhau om-sòm cả lên. Kẻ nọ ồ hay cái nhà ông quan-ôn bắt kia, lấn mãi thế nào cuốc vào chân tôi, thời tôi bảo cho ! Người kia : buồn cười cho bà này, đã sợ người ta cướp mất hẳn, giời cho ai người ấy được ! Mỗi lúc lại có thêm người đến đào. Bỗng-chốc thấy một người kêu rú lên. Tưởng thấy cái búa của ông Thiên-lôi rồi, ai nấy đồ xô đến xem. Vừa đến lại rú lên chạy mất, thì ra thấy một hang rắn hổ-mang... ! Giả-sử có một người Pháp biết truyện ấy thì về nhà người ta viết được một tấn tuồng ba-lơn buồn cười lắm.

Trong một đám đông mà sét rơi phải thì có người chết, cũng có người không chết. Tất là tại số ? — Không ! những người không chết là bởi có lần da dầy, chẳng khác cái áo lụa hay một cái áo tơi cao-su che cho người ta vậy. Đem những người ấy thử xem, thì biết chịu được một cái luồng điện mạnh hơn nhiều sức người khác. Xem như chiếc tầu Môi-y bị sét đánh một tiếng đứt đôi, trong giây phút chìm hẳn mất bao nhiêu nhân mạng ; không lẽ bao nhiêu nhân mạng ấy cùng một số. Còn như cái làm ruộng kia có tám người, một hôm giời mưa, chạy núp dưới một cây, sét đánh chết cả tám, thì không nhẽ trong một nhà mà tám người cùng một số-hệ.

Có khi sét lăn như một hòn quần vậy. Ngày mồng 10 tháng chín năm 1845 trong làng bên Pháp có sét lăn như một khối lửa, lăn vào một cái chuồng lợn, đánh chết một con lợn, mà lạ thay trước khi đến chuồng lợn sét lăn qua một đống rơm mà rơm không cháy.

Sét lại có một cái lạ nữa : là tài in được vào da người ta những hình ảnh bên ngoài, thành ra một nhà chụp ảnh chưa có bao giờ. Năm 1865 ở hạt Loa-lê bên Pháp 2 người thợ gặp cơn, bèn ẩn dưới một cây lê to. Chẳng may cùng bị sét đánh. Lúc khiêng về nhà thì thấy trên ngực một người có một cái ảnh một cành lê in rành-rành.

Sét có khi không làm hại lại làm ơn. Năm 1762 ở tỉnh Căng bên nước Anh-cát-lợi có một anh chàng chăn bò, đã một năm phải bệnh liệt, không đi lại được nữa một hôm phải sét đánh chết khiếp đi. Lúc tỉnh lại thì thấy người khoan-khoái lắm, bệnh-tật tiêu đâu mất cả. Năm 1819 cũng có một người bán-thân bất-toại, sống khổ hơn chết, sau bị sét đánh ngất đi, lúc hồi lại thì thấy bệnh mình đã khỏi hẳn, sung-sướng dường nào.

Ngày nay người ta cũng bắt chước lấy điện để chữa những bệnh tê bệnh liệt.

Những người « giời đánh chượt » nói chuyện rằng, lúc sét đánh thì bị ngã lăn ngay xuống đất, không trông thấy chớp, mà cũng chẳng nghe tiếng sấm gì cả. Giây đồng hồ, bạc, tiền trong mình chảy ra thành nước.

Người ta tính ra rằng nước Pháp là một nước gần 40 triệu người, mỗi năm là 73 người bị sét đánh. Bên nước ta thỉnh-thoảng mới có người bị, có năm không có. Như vậy mỗi lần có sấm sét ta chẳng sợ chết. Tuy vậy cũng nên biết cách giữ mình. Cổ-nhân có lắm cách dự-bị lạ thay. Ở bên Âu người ta cho một thứ cây liễu là cây kỵ sét, cho nên lấy cây ấy giồng ở chung-quanh nhà cửa. Người ta lại tin rằng sét không bao-giờ rơi sâu xuống đất 1m65 nên có một ông vua tên là Áo-nguyệt-tư bắt làm những hầm sâu ở dưới đất, để hễ thấy sấm thì vào hầm ấy ẩn mình. Nhiều nơi cho những con rái-cá trừ được Thiên-lôi: tin rằng những người nằm áp xuống đất không bao giờ giời đánh.

Khi giời mưa gió, sấm chớp ta nên tránh những cây cối ra, nhất là những cây đứng một mình. Cây-cối là những nơi cao, điện-âm hay tụ ở ngọn cây để hút điện-dương; nhiều người sét đánh phải là người ẩn ở dưới cây to. Ta không nên ẩn vào gác chuông chùa hay cột nhà thờ. Không nên ẩn dưới các nhà cao mà không có thu-lôi. Năm 1718 ở bên Pháp trong một cơn, sét đánh 24 cột nhà thờ, ở gần nhau.

Ta không để trong nhà có gió lùa ta nên đóng cửa lại và tránh xa những nơi có đồ kim-khí. Ở giữ nhà chắc hơn ở cạnh tường và cạnh góc tường. Nếu gặp cơn ở giữa đồng thì ta tránh xa những gò cao ra, gặp một cây thì ta đứng xa một quãng dài bằng bề cao cây ấy, thế là không sợ. Ta không nên cầm ô có cán bằng kim-khí.

Phú-lan-khắc-linh tiên-sinh khuyên rằng hễ giời sấm chớp, thì nên nằm võng, mà võng ấy phải buộc bằng dây lụa.

Sau tìm được ra những tính hay của mũi nhọn, Phú-tiên-sinh lại khuyên dùng nó mà trừ sét.

Những cột thu-lôi lập ra lần thứ nhất ở bên Hoa-kỳ là tổ-quốc của tiên-sinh. Cột ấy bằng sắt dài, trên ngọn có một mũi nhọn bằng bạch-kim hay bằng bạc mạ vàng. Cột ấy thông với đất bởi một cái dây sắt to chạy xuống một cái hố có gio ẩm, gio ẩm làm cho điện dễ truyền vào đất mà biến đi.

Người ta ước rằng, thu-lôi trừ sét được trong một vòng mà chu-kính dài bằng hai bề cao của cột ấy.

Hễ giời có cơn, ta không nên đến cạnh dây sắt của cột thu-lôi. Người ta nghiệm rằng thu-lôi không những là che chở được các lâu-đài cao, lại còn làm tan được nhiều đám mây có điện nữa. Mây có điện tan thì tất nhà cửa cũng đỡ nguy.

Ở bể, tầu bè cũng nhờ có cột thu-lôi mà nhiều khi khỏi chìm.

Ông Minh-sĩ về sau đem chế cái thú-lôi của Phú-tiên-sinh thành ra một thứ thu-lôi kép. Mỗi cột thành ra một vòng có nhiều ngạnh sắt nhọn. Trên mái nhà đặt 2, 3 vòng, những vòng ấy thông với dây to, dây ấy lại thông với các phần nhà rồi chạy xuống đất. Như thế thì sét mạnh đến đâu cũng không can gì.

Cần thu-lôi cũng là một mối vinh-dự của lịch-sử loài người vậy. Cần ấy làm cho ông giời lắm khi giận cũng phải nguôi và ông Thiên-lôi phải giữ mình, ông mà chập-chừng có khi chúng tôi lôi ông xuống đất.

NGUYỄN-LỄ

Dán nhà thợ-cạo

Cười phấn cợt son, tô-điểm tóc tai người tử-sĩ,
Mài dao đánh kéo, mở-mang mày mặt khách năm châu.

VŨ TÍCH-CỐNG

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

BẠCH-VÂN THI-TẬP [1]

(Thơ cụ Trạng Trình)

IX

Trải gian-nguy đã mấy phen,
Thân nhàn phúc lại được về nhàn.
Niềm xưa trung-ái thề không phụ,
Cảnh cũ điền-viên thú đã quen.
Ba quyển đồ-thư thu nặng túi,
Một thuyền phong-nguyệt chở đầy thuyền.
Giời cũng biết nơi lành dữ,
Họa phúc không dong cái tóc chen.

X

Được thua thấy đã ít nhiều phen,
Để rẻ công-danh đổi lấy nhàn.
Am Bạch-vân rồi nhàn-hứng,
Dặm hồng-trần vắng ngại chen.
Ngày chầy họp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chớ-chớ thờ-ơ nhìn mới biết,
Đỏ thì son đỏ mực thì đen.

XI

Học ít thời thêm lại bất-tài,
Già mà luống phụ chí con giai.
Quân thân thề hết lòng thờ một,
Xuất xử cầu chưa đạo được hai.
Mầm phúc vun giồng đừng ngại nầy,
Cửa nho ngỏ kẻo phải then cài.
Yên đòi phận dàu tự-tại, (?)
Lành dữ khen chê cũng mặc ai.

XII

Buồn vì biếng thấy cái dao binh,
Yên phận thời lành ở một mình.
Nghĩa cả luống quen tôi chúa cũ,
Thề xưa nỡ phụ nước non xanh.
Rồi nhàn thời ấy tiên vô-sự,
Ngâm-ngợi cho nên cảnh hữu-tình.
Hai chữ mãn-doanh này khá ngẫm,
Mấy người trọn được chữ thân-danh.

XIII

Tuổi đà ngoại tám mươi già,
Thấm-thoắt xem bằng bóng ngựa q
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tu
Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa.
Giàu có phận là ơn chúa,
Được làm người bởi đức cha,
Am-quán ngày nhàn rồi mọi việc.
Dầu ta tự-tại mặc dầu ta.

XIV

Mệnh ở giời hà phải cầu,
Đòi thời đi đỗ mặc ta dầu.
Kìa ai ải bắc lưng deo ấn,
Nọ kẻ miền đông tay rủ câu.
Chửa dám công-danh đi phải lụy,
Trong nơi ẩn-dật mới nên mầu.
Thưa nơi doanh-mãn là nơi tổn,
Hãy ngẫm cho hay kẻo nữa âu.

XV

Cày mây cuốc nguyệt gánh yên-hà
Nào của nào chẳng phải của ta.
Đêm đợi giăng lồng bóng trúc,
Ngày chờ gió thổi tin hoa.
Thấy cơ doanh-mãn cho hay chửa,
Phải đạo trung-thường chớ có qua.
Dẫu lấy thánh-kinh nơi thửa học,
Ví chưng xuất xử đạo thờ cha.

XVI

Tuổi già mới tám mươi hai,
Mọi của nhưng-nhưng thấy đã ng
Yên phận ta nhàn được thú,
Có dùng người trọng vì tài.
Chim kêu hoa động thời xuân mu
Nguyệt bạc đêm thanh hứng khách
Ân chúa đã nhiều chưa báo,
Lòng còn canh-cánh ắt khôn nài.

ĐÔNG-CHÂU *(sao-lục)*

(1) Tập thơ này truyền lại còn nhiều chữ sai, xin các ngài có biết thì sửa lại cho. Đông-châu.

Hồ Trúc-bạch

Một chiếc thuyền nan một mái chèo,
Đáy hồ lặng sóng nước trong-veo.
Quanh-co thành cỏ đường lai-láng ;
Chen-chóc nhà thôn vẻ gấm thêu.
Ngũ-xã kiều dài đường khách thẳng,
Long-châu thềm rộng nóc chùa cao.
Đồn rằng Trúc-bạch vui từ trước ;
Nay mới hay rằng lắm thú yêu.

Tự-vịnh

Mặc ai xe ngựa mặc ai hèo,
Ngồi tựa hiên mai vẫn chéo kheo.
Bầu rót rượu tiên mời bạn cũ,
Tay nâng thuốc thánh chữa dân nghèo.
Thơ ngâm Lương-phủ người ngoài núi,
Đàn gẩy Cao-sơn khách ngọn đèo.
Mấy thủa thái-bình nay lại gặp,
Vỗ tay đưa giịp tinh tình cao.

Đánh cờ

Hây-hẩy giời xuân lúc mới trưa,
Anh-hùng đua chí hội mây mưa.
Ngựa xe giong-duổi quân hùng-hổ,
Tượng sĩ nghênh-ngang tướng thần-thơ.
Trên tiệc tiếng-tăm lừng bốn bể,
Trong quân mưu-trí tót muôn kỳ.
Cảnh hay trước mắt nào khôn biết,
Thú-vị thanh-thơi đệ-nhất cờ.

Nhớ bạn

Kẻ ở Hoan-châu kẻ Đế-thành,
Kẻ về người ở luống buồn-tênh.
Bốn mùa phong-nguyệt lưng bầu rượu,
Nghìn dặm quan-sơn nặng gánh tình.
Con tạo dở-dang cờ nửa cuộc,
Ngọn đèn lấp-lánh lửa ba sinh.
Trên đầu biết lấy ai làm chứng,
Kia có sông Hương nọ Ngự-bình. (1)

Ái-Hoa Nguyễn-Tử *Sao lục*

ĐỊCH ĐƯỜNG-THI

泊 秦 淮
Đỗ bến Tần-hoài

烟 籠 寒 水 月 籠 沙
Một mẫu giăng khói ngang sông,
夜 泊 秦 淮 近 酒 家
Đóng thuyền gần khách tuý-ông cũng tình.
商 女 不 知 亡 國 恨
Ai chẳng biết sóng khuynh-thành,(1)
隔 江 猶 唱 後 庭 花
Canh khuya hát khúc Hậu-đình bên kia.

楊 柳 枝
Dương liễu chi

館 娃 宮 外 鄴 城 西
Lơ-thơ dọc ngõ ngang thành,
遠 映 征 帆 近 拂 堤
Bờ xanh trước lái buông mành bên đê.
繫 得 王 孫 歸 思 切
Tơ tình buộc khách thăm quê,
不 關 春 草 綠 萋 萋
Nhớ nhau đâu có một về cỏ xuân.

江 樓 書 懷
Giang-lâu thư-hoài

獨 上 江 樓 思 悄 然
Lầu cao riêng đợi người xa,
月 光 如 水 水 如 天
Giăng in đáy nước nước pha chân giời.
同 來 玩 月 人 何 在
Giăng già quen mặt là ai ?
風 景 依 稀 似 去 年
Nay phong-cảnh đó vẫn mùi năm xưa.

---

(1) Giở lên các bài thơ cũ chưa tra được đích là thơ của cụ nào cả xin các ngài biết bảo giùm cho.

(2) Hai câu thơ này có người dịch rằng : *Đỉ buồn chẳng biết hờn vong-quốc,*
Còn hát bên sông khúc Hậu-đình.

Bồng

客有卜居不遙薄遊妍
隘因題

Nhân chơi đất Nghiên-lũng thăm chỗ ở

海燕西飛白日斜
Yến theo bóng ác là-tà,
天門遙望五侯家
Cửa thành xan-xát những nhà đâu đây?
高樓深鎖無人到
Lầu cao ai mở then mây,
落盡東風第一花
Gió đưa hôm sớm hương bay ít nhiều.

宮怨

Cung-oán

柳影參差掩畵樓
Quanh tường liễu mọc xanh-rì,
嚦鶯啼送滿宮愁
Chim oanh khéo-khéo gửi chi giọng sầu.
年年花落無人見
Ai ôi, hoa đã kém mầu,
空逐春泉出御溝
Yêu hoa còn bến ngự-cầu chăng là.

Đông-châu NGUYỄN-HỮU-TIẾN *Sao-lục*

HÁT NÓI

Chúc thọ

Sang Đông-hải vin cành nhược-mộc, về Nam-minh bẻ ngọn phù-tang, lần lên mây hỏi chú xương-xương, dưới trần-thế được mấy trăm ông Bành-tổ? Ta muốn chúc ngô-hoàng vạn-thọ, song cách bảy mươi ba lần khói biếc thẳm xa. Chim đại-bằng bay thẳng lại nhà, nhắn thanh-điểu hỏi chàng Đông-phương-Sóc: Cây bàn-đào bây giờ mới mọc, biết bao-giờ ba vạn sáu nghìn tầm, ngô-hoàng chừng bấy nhiêu năm.

Nhớ thôn quê

Hoàng-hạc nhất-khứ bất-phục phản, 黃鶴一去不復返。(1) Nhác trông lên thăm-thẳm mấy từng lâu. Người đời xưa văng-vẳng biết về đâu? Tấm mây bạc xa xa còn ở đó. Tình-xuyên lịch-lịch Hán-dương thụ, 晴川歷歷漢陽樹 (2) phương-thảo thê-thê Anh-vũ châu, 芳草萋萋鸚鵡洲。(3) Ngọn khói tan mặt nước tỏa mù-mù, lớp sóng vật chân đèo xô cộn-cộn; khi gió thổi lúc bóng hồng gần rụng xuống, niềm hương-quan tỉnh lại lúc hồn mê, chạnh đâu nhớ cảnh thôn-quê.

Mỗi người một thú

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy? Người một ngày thời giời đất cũng một ngày; đã râu mày ai chẳng nam-nhi, tiêu khiển mỗi người riêng mỗi thú: Người khất tế-dư kiêu thiếp-phụ, 乞祭餘驕妾婦。(4) Kẻ cam phần-tử bất công-hầu, 甘焚死不公侯。(5) Cuộc nghìn thu ai dễ biết ai đâu, rấp cây cỏ dẫu hiền ngu thời cũng vậy. Ngảnh lại tang-bồng là thế ấy, cũng chơi nhoàng phiếm trúc dây đàn, trần-gian phó mặc trần-gian.

Tạo-vật bất-nhân

Gẫm cho đến bất-nhân là tạo-vật! đã sinh người lại hẹn lấy nàm. Nói chi thằng lên bảy đứa lên năm, dẫu sống đủ ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc!

---

(1) Bên Tầu có cái lầu tên là: « *Hoàng-hạc lâu* », Từ khi chim hoàng-hạc bay đi rồi, không có giờ lại nữa, chỉ còn trơ cái lầu ở đó mà thôi.

(2) Nước sông trong man-mác lồng bóng cây ở Hán-dương.

(3) Ngọn cỏ thơm rầu rầu mọc ngoài bãi Anh-vũ: đó đều là đứng trên lầu Hoàng-hạc trông thấy phong-cảnh như vậy.

(4) Sách Mạnh-tử có dẫn truyện người nước Tề có hai vợ, ngày nào hai vợ cũng thấy lương-nhân đi về ra bộ no say, làm ra điều ta đi chơi với những người sang-trọng, rượu chè no say mới giờ về. Sau vợ đi dò biết chồng lương-nhân chỉ đi ăn xin những vật thừa ở hồ tế mả, rồi lại về khoe-khoang với vợ.

(5) Giới-tử-Thôi theo hầu Văn Trung-Nhĩ có công. Khi Trùng-Nhĩ về phục-quốc làm vua, Giới-tử-Thôi vào ẩn ở núi Miên-sơn, không chịu phong-tước. Trùng-Nhĩ sai đốt núi để tìm ra, Tử-Thôi đành chịu chết chay trong rừng.

Bận những lợi-danh vinh-nhục, cõi phù-sinh đành lắm lúc bi-hoan. Tưởng đến khi hoa rữa giăng tàn, cảnh-huống ấy bút thần khôn mạc. Tế-suy vật-lý tu hành-lạc, 細推物理須行樂。[1] hà-dụng phù-danh bạn thử-thân, 何用浮名絆此身。[2] Song bất-nhân mà lại bất-nhân, buộc lấy tuổi bắt ta vào định-số, cuộc hành-lạc được bao-nhiêu là lãi đó, vậy ai ôi, chơi lấy kẻo già, một năm một tuổi xuân qua.

ĐÔNG-CHÂU *sao-lục*

DỊCH PHÁP-VĂN

L'exilé

Il s'en allait errant sur la terre. Que Dieu guide le pauvre exilé.

« J'ai passé à travers les peuples et ils m'ont regardé, et je les ai regardés, et nous ne sommes pas reconnus. L'exilé partout est seul.

« Lorsque je voyais au clin du jour s'élever du creux d'un vallon la fumée de quelque chaumière, je me disais : heureux celui qui retrouve le soir le foyer domestique et s'y assied autour des siens ! L'exilé partout est seul.

« Où vont ces nuages que chasse la tempête ? Elle me chasse comme eux et qu'importe où ! L'exilé partout est seul.

« Ces arbres sont beaux ; ces fleurs sont belles, mais ce ne sont pas les fleurs ni les arbres de mon pays : ils ne disent rien. L'exilé partout est seul.

« Ce ruisseau coule mollement dans la plaine, mais son murmure n'est pas celui qu'entendit mon enfance ; il

Đày biệt-xứ

Lang-thang vơ-vẩn trên đường,
Lưu-ly bao quản tuyết sương lạnh-lùng.
Trêu ngươi chi mấy hóa-công,
Thân kia sao hãm vào trong cuộc này.

« Dời chân qua khắp đó đây,
Người quen kẻ thuộc ngày rầy là ai ?
Người trông ai lại trông người,
Trông người, người lạ, nào ai quen
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh, [mình.
Một mình vò-võ xót tình cố-hương.

« Nhà ai sườn núi trông sang,
Khói bay nghi-ngút từng hàng như kia.
Vui thay ! những khách đi về,
Đi về cái chốn, chốn quê, quê mình,
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình lưu-ly.

« Mây sao bối-rối nhường kia ?
À, mây chạy bão mây về nơi nao ?
Nỗi mây nỗi khách khác nào ?
Hỡi mây đợi khách, khách theo chân
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh, [mình.
Một mình vò-võ xót tình cù-lao.

« Cây xinh hoa đẹp biết bao,
Dù xinh dù đẹp cảnh nào nước ta.
Đã không là cảnh nước nhà,
Dù ta có cảm cũng ra vô-tình.
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình thê-nhi.

« Vẳng nghe tiếng suối đồng kia,
Đã ngờ là suối đi về năm xưa.
Cùng nhau tắm sớm câu trưa,
Ai ngờ suối cũng cùng ta vô-tình.

(1) Kỹ xét vật-lý ra thì nên lâm vui.
(2) Cho cần gì mắc tiếng phù-danh để bận đến thân mình.

ne rappelle aucun souvenir à mon âme. L'exilé partout est seul.

« Ces chants sont doux, mais les tristesses et les joies qu'ils réveillent ne sont pas mes tristesses ni mes joies. L'exilé partout est seul.

« On m'a demandé : « Pourquoi pleurez-vous ?» et quand je l'ai dit, nul n'a pleuré parce qu'on ne me comprenait point. L'exilé partout est seul.

« J'ai vu des jeunes filles sourire d'un sourire aussi pur que la brise du matin à celui que leur amour s'était choisi pour époux ; mais pas une ne m'a souri. L'exilé partout est seul.

« J'ai vu des vieillards entourés d'enfants comme l'olivier de ses rejetons ; mais aucun de ces vieillards ne m'appelait son fils, aucun de ces fils ne m'appelait son frère. L'exilé partout est seul.

« Il n'y pas d'amis, d'épouses, de pères et de frères que dans la Patrie. L'exilé partout est seul. »

Pauvre exilé ! cesse de gémir, tous sont bannis comme toi, tous voient passer et s'évanouir pères, frères, épouses, amis. La Patrie n'est point ici-bas ; l'homme vainement l'y cherche. Ce qu'il prend pour elle n'est qu'un gîte d'une nuit.

Ngán tháng ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình anh em.
« Dừng chân đứng lại mà xem,
Vắng nghe tiếng hát càng thêm nỗi sầu
Người buồn cảnh có vui đâu !
Càng nghe tiếng hát càng đau nỗi mình.
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình quân-vương.
« Nỗi riêng lệ ứa hai hàng,
Người trông người hỏi rằng : chàng
Khách rằng : đời ít biết người, [khóc ai?
Ta buồn ta khóc nào ai biết tình.
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình giao-du.
« Kìa ai chén tạc chén thù,
Giai-nhân tài-tử hẹn-hò cùng nhau.
Hẹn-hò Trần những với Châu,
Nào ai có hẹn-hò đâu với mình.
Ngán thay ! Cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vò-võ xót tình cố-nhân.
« Kìa ai hòe quế đầy sân,
Con con cháu cháu trước sân đua cười.
Khách thời cha mẹ là ai?
Anh em thân-thích có người nào đây?
Ngán thay ! cái kiếp đi đày,
Một mình vò-võ nước mây quê người.
« Vợ con bầu bạn là ai ?
Đoái trông cố-quốc tuyệt-vời mắt xanh!
Nỗi riêng chan-chứa bao tình.
Đồng-tâm ai đấy với mình là ai ?
Kể từ cơ-đích đến đây,
Hiềm-nghèo đâu dám đổi thay tấc thành.»
Ai ơi ! ngoảnh mặt mần-thinh,
Người đời ai cũng như mình mà thôi.
Tội chi than-vãn rậm nhời,
Ai không sầu thảm bồi-hồi xót thương.
Phần thời thương nỗi song-đường,
Phần thương thê-tử phần thương bạn-[bầu.
Phần thời thương nỗi đồng-bào,
Sinh sinh hóa hóa trước sau mấy lầu.
Xa chân xuống cõi hồng-trần,
Đố ai tránh khỏi nợ-nần gian-nguy.
Chẳng qua « *sinh-ký tử-qui* »,
Cửu-tiêu chốn ấy mới quê-quán người.
Dám khuyên những khách trên đời,
Soi đây cũng được một bài làm gương,

Il s'en va errant sur la terre. Que Dieu guide le pauvre exilé.

(*Paroles d'un croyant*)

LAMENNAIS (1782 - 1854)

Philosophe et théologien Français, né à Saint Malo.

Lang-thang vơ-vẩn trên đường,
Lưu-ly bao quản tuyết sương lạnh lùng,
Trêu ngươi chi mấy hóa-công,
Thân kia sao hẫm vào trong cuộc này.

MÀN-CHÂU

Nhời bàn của dịch-giả

Bài văn trên nguyên là một bài tản-văn, tác-giả làm ra lời một người bị trích đi nơi khác : xa cha mẹ, anh em, vợ con, bầu bạn ; than thân trách phận, buồn cảnh ngán đời. Văn thực là tuyệt-bút, dịch-giả mang diễn ra « lục-bát » cũng biết là chỉ truyền được thần mà thôi, chứ không lột được hết ý. Song-le lời văn đã cố nặn ra cho được lâm-ly người xành văn coi cũng lượng cho cái khổ-tâm, còn kẻ đọc cơ-đích thời chắc cũng cảm mà rơi lụy được. Bài này chính là bài tả-cảnh người đi đày biệt-xứ, song cũng là mượn cái cảnh-huống ấy mà bày tỏ ra cái thân-phận con người ta ở trần-thế này vậy. Ôi ! mở đầu ra nhà văn đã mang ngay một người đi đày biệt-xứ bơ-vơ đất khách một mình, lang-thang ở mặt đất, tùy theo con tạo xoay-vần, thật là mỗi chữ là một khối sầu vô-hạn. Ừ, mà cái thân người viễn-trích kia, nghĩ ra mà xem, bước chân ra khỏi đất nhà, qua xứ này đất nọ, nhìn kẻ khác người kia, có phải là chỉ những thấy lạ-lùng bỡ-ngỡ nào ai biết mình mà mình quen ai ? Cảm thân lủi-thủi một mình ở chốn tha-hương, nhìn sang sườn núi, khói tỏa từng hàng, liều gianh nghi-ngút, nghĩ đến thú gia-đình xum-họp thời đau lòng sinh-ly biết nói sao cho xiết ! Trông lên giời thấy đám mây gió cả bão to sô đi vùn-vụt, thời mình đây bị cái giông tố này biết mấy lần hơn, mà cứ bước này thời đi đến đâu là cùng được ! Trông hoa cỏ cảm thời cảm thực, của nước người nào cảm chi ta ; thấy suối ngòi réo-rắt chầy mau, cái tiếng nước chầy ấy nào phải đâu cái tiếng khi ta còn bé ta thường được nghe mà gợi được cho ta nhớ lại thủa thơ-ngây có những thú gì ! Tiếng hát êm-đềm, nhưng tiếng ai tiếng lạc nào phải đâu là ai lạc của ta ! Khách thấy hỏi ta sao chàng lại khóc ? Thời rằng : ai vì ta khóc, ai biết cho ta ! Nhìn thấy các ả thanh-xuân miệng cười trong-trẻo như sương móc sáng ngày, tươi-tỉnh với khách tình-chung đã cùng nhau ước-nguyện sự trăm năm, chứ cùng với kẻ cơ-thần nào có tình chi ! Mà ngán nỗi gặp người lão-mạo con cháu xúm quanh chẳng khác cây to cùng những cành non, vui sao vui lạ, già chẳng gọi ta là con, con già cũng không ai nhận ta là anh em thân-thích cả ! Chao ôi ! bạn bè, ruột-thịt chẳng có ai cùng mình ở chốn nước người, vợ con cha mẹ chẳng được gần-gụa thờ nuôi, nghĩ đến cái vui thú ở cố-hương mà sầu đầy thảm chất ! Đau đớn thay ! cho cái thân-phận lênh-đênh, ngoảnh đi ngoảnh lại cũng chỉ có một mình với bóng. . . . .

Ấy cái lời mà nhà văn miêu-tả đó, thực đọc đến mà lạnh mình, mà rợn tóc, cám cho ai mà bực cho giời, khéo đặt bày ra những cảnh éo-le ! — Đương trong lúc cái người kia ta-thán như thế, thời có ngay một tiếng sen vào ; tiếng ấy thực là một cái bùa giải-sầu cho người mắc tội, mà cũng lại là một cái gương chiếu sáng cho cả loài người. Cái tiếng gọi ấy thảo cũi sổ lồng ngay cho người bị phải đày biệt-xứ mà khép ngay án cho xuốt cả mọi người trong thiên-hạ ai ai cũng đều phải chịu cái

thân-phận người kia ! Vui mừng thay ! cho người thoát tội. Thảm-đáp thay ! cho khách trần-gian. Vì đàn sui nên, tai bay vả gió, một người mắc tội, cả bọn lầm-than ! Ôi ! cái này mới thực lạ cho giời, phải trèo lên nhau bắc lấy một cái thang cho cao mà lên hỏi Ngọc-Hoàng xem duyên-cớ làm sao mới được. Ồ hay, vừa mới rồi, ta đương làm một bọn khách-quan, kẻ kia đương làm một thằng hề trong thảm-kịch (Tragédie) thế mà cơn-cớ chi ta đã phải cùng kẻ kia cùng chung thân-thế, cùng chung cảnh-tình. Cái tiếng gọi ấy ở đâu mà đến ? Sao lại đả-động đến ta ? Mà khiến được cho ta bỗng-nhưng nên tội — Không ! Không can chi ! Cái kẻ đi đày kia cũng không khác gì các ngươi, hỡi các ngươi ơi, này cái tiếng gọi ấy của ông thần Tư-tưởng, là ông chúa thiêng-liêng đã gọi người đi đày kia mà bảo cho biết rằng : — Hỡi hỡi chàng trích-khách khốn-nạn kia ơi, thôi im đi đừng rền-rĩ đấy nữa, tất cả người trong thế-gian này ai cũng mắc tội như nhà ngươi cả, ai cũng phải trông thấy cha già, mẹ héo, anh em chết, bạn-bè chết, vợ con chết ! Ở dưới trần-gian này không phải là cố-quốc đâu, người ta mất công tìm vô-ích, chỉ thực ra thời ở đây chỉ là một chốn ngủ trọ trong một đêm mà thôi.

Văn-chương thực là kỳ-khôi, bi-tráng, người đọc đến ngẫm lại cái kiếp mình sống ở trần-gian sinh buồn sinh chán biết là bao ! Thế nhưng theo cái phương-diện của ta nghĩ thời nếu ai cũng biết nhận-chân cái cõi đời là bể trầm-luân, thân mình là người có tội, thời có nhẽ nhân-loại có phần tăng-tiến lên đến cõi văn-minh nơi hạnh-phúc được. Bởi sao ? — Bởi vì đã biết người đời ai cũng là kẻ có tội cả, trong cái quãng ăn gửi nằm nhờ, bị giời đày-đọa này, bọn ta cũng nên qua ngày qua tháng, đồng-bệnh tương-lân, tìm cách vui cuộc thú mà vãng-lai cùng nhau, chớ có nên bày ra những cuộc cạnh-tranh, những sự quyền-lợi, mà sinh ra xâu-xé nhau, hà-hiếp nhau, làm cho cái khổ tăng mãi lên, kẻ mắc tội đã buồn, người không tội cũng thảm, còn gì là sung-sướng nữa. Ay thực là « đại-đồng tư-tưởng », một bài văn ngắn như thế mà cuộc đời rộng đến đâu, thời giờ giải đến đâu cũng chỉ rút cả vào đó mà thôi.

Văn Pháp thâm-thúy như thế, nghĩ ra cho kỹ thời mới hiểu được đến cái nghĩa to-lớn của một nhà văn muốn hình-dung cái thế-giới cái nhân-loại mà chỉ dùng những lời hời-hợt, giọng lầm-thường, tả cái cảnh thiển-cận, mà khiến cho người xem, cảm được nghĩ thấy mông-mênh ; thế mới gọi là văn-chương tư-tưởng.

Nhân dịch bài văn của LAMENNAIS tiên-sinh, nghĩ thế nào bàn phiếm ra thế, cũng là ngôn luận- tự-do vậy.

MÀN-CHÂU

VĂN BIỀN-NGẪU

Bài gửi mừng một người giầu có phúc-đức

(Vô-danh thị)

Trong địa-cầu mở cuộc văn-minh,
vì thể tối rồi sáng lại ;
Người hoàng-tộc có lòng công-ích,
mới hay chị ngã em nâng.

Ngàn dặm thơm danh,
Một nhời tặng-hảo.
Nhà ngài xưa :
Vun giồng cây đức.

Xây đắp nền nhân ;
Ơn nhờ tổ-tiên,
Để nhiều phúc-ấm ;

May gặp hội đông tây giao-thiệp, quyết ra tay buôn bán đua chen.

Ba-đào trước gặp hồi đen, cũng đã từng năm chìm bảy nổi chín lênhđ-ênh, lặn suối qua đèo, sông hiểm-trở cũng không quan-ngại ;

Giời đất xoay về vận đỏ, lại nhờ được nhất duyên nhì phận am phong-thổ, buôn may bán đắt, trong gia-đình giầy đã vẻ-vang.

Dạ đồng-bào nghĩ đến kẻ trong họ ngoài làng, chẳng như ai con chúa chúa yêu con vua vua dấu ;

Lòng tạo-phúc chăm về việc sự-thần tôn-thánh, cũng đã nhiều khi dầu của bỏ khi khó của đồng.

Thóc bỏ thương kẻ ăn đong, chẳng tiếc chi tiền nghìn bạc vạn, đỡ con em một vụ sưu-đinh.

Của xuất thời thần cũng chứng, xui khiến ra kẻ vị người yêu, bầu dương hậu ở trong thôn-giáp.

Thế mới là có công không phụ ;

Thế mới là để đức về sau.

Nào những kẻ của người bồ-tát của mình thời lạt buộc, lại rằng thương rì lấy gì làm bữa, chỉ một niềm dữ của làm giầu ;

Sao bằng nay tiếng lành đồn xa tiếng tốt ba ngày đường, nên tôi yêu vì nết chẳng hết chi người, tặng vài câu khuyên người làm phúc.

Chắc hẳn rằng có nhân thời nở, năm mươi tuổi chưa già.

Lại mừng rằng để tiếng đúc chuông, ngàn muôn thu còn mãi.

Vũ Duy-Phiên *sao-lục*

VĂN XUÔI

Tạp-văn trích-dịch

I

Tân-văn Tạp-chí (1)

Tân-văn *(Journal)* đối với người ta cũng như là không-khí vậy, được nó thời sống, không được thời chết. Sự mạnh, sự yếu, sự mất, sự còn trong một nước đều bởi đó mà ra cả. Các nhà triết-học bên phương Tây có bảo rằng : Tân-văn là Hiện-thế-sử, không phải là lời nói vô-cớ vậy.

Nhưng, xét thực ra thời thương-vụ, thực-dân, ngoại-giao thường-thường tụ-họp ít nhiều nhà đại-kinh-tế, đại-chính-trị, đại-ngoại-giao, đều phải dùng-dắng nghi-ngờ không dám phát ra trước, kịp khi nhà Tân-văn giỏi nói lên một lời, thời toại-thành số nhau giữ làm vật-báu, mà các hiện-tượng sau này đều theo cái con đường ấy mà đi không có ra ngoài, như thế thời gọi Tân-văn là Vị-lai-thế-sử cũng không là quá-đáng.

Tạp-chí (*Revue*) cũng thế, từ khi sự cải-cách tôn-giáo thành-công, cái tư-tưởng tự-do càng ngày càng lên đến cao-minh, bàn-bạc rõ-ràng, thường bóng vang được đến cả học-giới. Cho nên ngày nay một cái Tạp-chí ra đời, thời học-thuật được ngay một nơi lĩnh-vực mới, ngày mai một cái Tạp-chí mới ra đời thời học-thuật được ngay một cái kỷ-nguyên mới, ngày thêm tháng tới, tiến mãi cao lên, sự đổi-dời được chóng, lại không thể lấy nhẽ thường mà bàn được.

Tạp-chí với Tân-văn ở nước ta xo-xánh với bên Thái-tây thời rất là thơ-trẻ, cho nên biên chép không được tinh-vi lắm. Vả trừ một vài cái đặc-xuất ra còn thời phần nhiều chép những đều vặt

(1) Giở xuống dịch trong quyển *Thiên-tắc-bách-thoại* của ông *Da-Đẳng Hoàng-chí*.

vãnh, lại đăng cả những truyện lừa giối nhau, vị tình mà chết, nhan-nhản đầy trên mặt giấy, la-liệt cả ra đó thời không biết cớ sao ra thế ? Đến như cái thực-huống việc công, thương, nông, cổ, sự cải-lương học-thuật, kỹ-nghệ, thời không có chút đem lâm đến !

Song le, chính là có cớ, là vì tri người Âu-Mỹ đã mở rộng, dù người ở xã-hội hạ-lưu cũng ham xem Tân-văn và Tạp-chí, cái số tiêu-hành một ngày một rộng, có lợi-ích ra, nhờ đó mà được nhiều thêm. Các nhà chuyên-môn về các khoa cũng vui lòng mà theo đuổi với nghề, có người sớm cầm quyền-chính nhà nước, chiều về cầm bút-chính tòa-báo, cho nên tiến-bộ lên được nhanh.

Như nước ta thời không thế, người đọc Tân-văn và Tạp-chí chẳng qua là số ít trong xã-hội, số bán ra hay lắm thời được đến vài nghìn giở lên, lợi thu vào nghề đã ít thời người theo vào nghề phải hiếm đi, các người chuyên-khoa mới không thể không bỏ nghề ấy mà kiếm nghề khác. Thế cho nên quanh mắt ta thấy, các nhà Tân-văn nhỏ thời nhiều, các nhà Tân-văn nhớn thời ít ; Tạp-chí tinh-tiến thời hiếm-hỏi mà Tạp-chí lặt-vặt thời đầy ra ở đường.

Nói tóm lại, Tân-văn và Tạp-chí tiến-bộ cùng với nhân-trí tiến-bộ cùng ỷ-phục với nhau, có Tân-văn, Tạp-chí thời trí người tiến lên một bực, trí người tiến lên một bực thời trình-độ Tân-văn Tạp-chí cũng phải cao lên một bực mà số tiêu-hành cũng thêm lên một bực, như thế cũng dần nhau tới đến vô-cùng ấy ta có hậu-vọng vào tiền-đồ xã-hội ta đó.

II

Hán-học (1)

Lấy Hán-học làm một cái học-vấn không gì hơn mà khinh-miệt Tân-học, những bọn hủ-nho như thế ngày nay đã ít thấy. Mà lấy Hán-học là có hại không có ích muốn bỏ cả đi thời thường thường thấy nhiều. Há không biết nước ta xưa nay khai-hóa điều bởi Nho-giáo mà ra, nói rằng vài ba trăm năm giở về trước và giở về nay các bực thương-lưu đều bởi đám làng nho cả cũng là phải lắm. Cùng cái khai-hóa đạo-nguyên ở Âu-châu với Hi-lạp, La-mã cùng giống nhau. Lấy ngày nay xem ngày trước, văn-minh giả-man dẫu khác nhau, mà do cái này đạt cái kia thời uyên-nguyên có đầu có gốc. Âu-châu ngày nay còn ham nghiên-cứu đến ngôn-ngữ văn-tự của Hi-lạp, La-mã. Gần đây lại tìm-tòi những cái tử-văn-tự, tử-ngôn-ngữ (2) để mà học làm một sự cần-dùng cho những cái hoạt-văn-tự, hoạt-ngôn-ngữ (3) bây-giờ. Coi như thế thời nước ta không thể bỏ Hán-học được hẳn, thực không còn là một sự đáng ngờ nữa.

Nước ta nhờ Hán-học mà khai-hóa cũng như Âu-châu nhờ Hi-lạp La-mã, trước đã nói rồi. Nhưng xét kỹ ra thời có lẽ lại hơn thế. Sao vậy ? Các nước bên Âu-châu dẫu học ngôn-ngữ, văn-tự Hi-lạp, La-mã chỉ lấy tiện cho học-thuật mà dùng vào ngày thường ấy cũng ít ; nước ta trừ mượn Hán-học để mà dùng vào trong học-thuật ngoài ra sớm chiều gặp nhau nói truyện cũng nhiều khi dùng Hán-tự thời lại có hàm ở trong cái tính-chất tiếng nói thông-

(1) Những bài luận dịch đăng trong này là những bài ngắn mà gọn, nói ít mà ý nhiều, thực là qui-mô tốt cho người làm văn. Vả dịch-giả cũng cố chọn những bài hay có thích-hợp với đương-thời mới đăng, dẫu một bài văn-chương song không phèo như mấy câu bọt bể sáo nhà xưa nay vậy

(2-3) *Tử-ngôn-ngữ, tử-văn-tự* 死言語, 死文字 là những cái tiếng cái chữ đã bỏ không sử dụng đến như đã chết rồi, đối với *Hoạt-ngôn ngữ, hoạt-văn-tự* 活言語, 活文字 là những cái tiếng cái chữ thông-dụng ở đời, hình như còn sống. — (Langue morte et langue vivante).

quốc ta nữa. Ngày nay dẫu thâu-nhập cái học-vấn mới của Âu-châu vào nước ta, ngày một tiến lên văn-minh cũng không phải là nói hoang-đường nhưng thực cũng là cơ-sở ở trong Hán-học vậy.

Bằng ngày nay mà còn dữ Hán-học khư-khư, coi Tân-học như hằn-thù, như các bác hủ-nho, các cụ lão-hủ thời Hán-học thực là có hại không có ích. Song le, biết rằng Tân-học phải cần có Hán-học để làm phụ-dực, thực là một sự thích-trung vậy.

Ngày nay ở Âu-châu còn đương săn-sóc nghiên-cứu cổ-học, thời bọn ta cũng nên nối gót nhau mà chuyên nghiên-cứu lấy Hán-học thời ngày sau này có ích nhiều lắm..... [1]

III

Nhà học-giả với kẻ độc-thư

Cùng một bọn trán tròn gót vuông với nhau mà sao lại biểu ra nhà học-giả với kẻ độc-thư. Há rằng đọc sách cổ-nhân, thông-biển được câu này nghĩa khác mà thôi ư? Phải rằng lấy sức não-tủy theo việc mà thực-nghiệm, dùng phép diễn-dịch phép qui-nạp để nghiên-cứu các sự-vật hữu-hình vô-hình trong vũ-trụ. Mà nghiên-cứu các sự-vật trong vũ-trụ thời phải đọc sách cổ-nhân làm, nhưng chỉ biết đọc sách mà thôi thời không phải là cái thủ-đoán tuyệt-đối của sự học-vấn, ta phải cần hiểu biết như thế vậy. Xưa nay những thầy đồ dùi-mài, nhận nhầm nhẽ ấy, chăm-chăm ở từ-chương huấn-cổ, lấy cái bác-văn cường-ký làm một sự học-vấn rất cao, chui-dúc ở dưới mái cổ-nhân không có biết tí gì là sỉ, thế cho nên học-vấn không được tiến-bộ, trăm nghìn năm cũng như một ngày mà thôi!

Nói về sự khai-hóa về đường học-vấn ở Âu-châu ta chưa dám vội tới, nhưng cái khởi-nguyên hãy cốt cho ai ai cũng biết người học-giả với kẻ độc-thư khác nhau. Về đường Khoa-học thời đã phải dùng những phương-pháp thực-nghiệm, mà về đường Triết-học cũng phải biết rằng không nên thiên-trọng về sự đọc sách, chỉ cần để cho người ta quan-xiêm vào, là nghiên-cứu từ mình lấy một cái học-phong để rửa bỏ cái nô-tính của học-giới đi mà ra tự-lập. Xem như thế thời muốn cho học-vấn được tiến-bộ há chỉ có xem sách mà thôi ư? [2]

(còn nữa) MÂN-CHÂU.

Thuốc đắng

Ta sinh-bình lắm bệnh! Khi nó phái, thời cái máu hỏa nó bốc lên, làm cho giức đầu váng óc, mà nghĩ-ngợi lẩn quẩn không ra; đôi mắt mờ-mờ, mà trông vào sách vở như lòa; hai tai ù-ù, mà nghe nhời nói bàn như điếc, tinh-thần mỏi mệt, hồn vía mơ-màng, miệng nói nhảm-nhí không nên nhời, tay chân cất nhắc không nổi việc, đau gan tức phổi, buồn-bã chân tay, sinh ra lắm bệnh rất kỳ-quặc. Nhưng hễ động thấy ai nói đến truyện thuốc, thời lắc đầu le lưỡi, rất ghét mà không muốn để vào tai, động ngửi thấy hơi, thời bịt mũi mím môi, rất sợ mà không hề dám đưa tới miệng, dẫu bịnh nguy-cấp đến thế nào, cũng không ai hề đổ được một dọt nước thuốc vào miệng.

---

(1) Hán-học là tinh-thần là quốc-tuý của ta, ta không thể sao-nhãng mà coi làm một sự chẳng cần được, vì trong thời gia-tộc, ngoài thời xã-hội nhất-thiết đều bởi Hán-học đào-tạo nên. Ngày nay bao-nhiêu cái hay cái phải ấy điều nhờ Hán-học mà duy-trì được. Nếu một phen mà ta để cho Hán-học tiêu-mòn đi thời chẳng có khi cái nguyên-khí của quốc-dân cũng không còn được thịnh, xin anh em [illegible] ta đọc lại đứng [illegible] vong-bán vậy.

(2) Nước ta ngày nay người học cực nhiều, song sự xem sách thời [illegible] chưa có người làm nhà học-giả chân-chính, mong sao!

BỒNG.

Một ngày kia, bị cảm nặng quá, sốt mê sốt mẩn, như nấu như thiêu, tâm-thần bàng-hoàng, bất-tỉnh nhân-sự. Có một ông bạn rất thân nghe thấy tin, sợ hãi mà lấy làm lo thay, vội-vàng cắt một thang thuốc đưa đến, tay sắc sẵn tử-tế, đưa cho uống, giỗ ngon giỗ ngọt, hết đứng lại ngồi, làm thế nào ta cũng không chịu uống một hớp, ông bạn tức quá ! thở dài một tiếng rồi gắt rằng : quái ! không biết bụng dạ anh này nghĩ ra thế nào ? mà có bịnh lại không uống thuốc. Người ta bảo rằng : « thuốc đắng dã tật, » nay người có bịnh, mà lại ghét thuốc như vậy, thế thời mong cho khỏi bịnh sao được ; nọ là bịnh anh bây-giờ đang lúc kịch-liệt, chân âm dã tổn, chân dương lại khuy, thủy hỏa không được điều-hòa, khí huyết không được khỏe mạnh, hình-thể gầy còm, xương thịt tiêu-thước bịnh đã tới lúc thùy-nguy, mười phần hỏng chín như vậy, dả phỏng mà chịu nhắm mắt nhắm mũi, ngậm đắng nuốt cay, để cấp-cứu lấy nguyên-khí lại, cũng còn lo chưa dễ dã kịp, huống là thuốc không chịu uống, lẽ nào mà bảo-toàn tính-mệnh được du ? Nói rồi, tay cầm bát thuốc toan định đưa ta uống. Ta thấy ông bạn hết lòng như vậy, lấy điều làm nề quá, nhầm vậy, giơ tay toan đón lấy bát thuốc, bỗng tự dưng tăm-tối mặt, cơn sốt tự-nhiên ầm-ầm bốc lên như lửa đốt, bất-tỉnh nhân-sự ; ông bạn nhân dịp ta mê không biết gì, thừa-cơ đổ luôn ngay cả bát thuốc vào miệng. Ta bấy-giờ đang cơn nóng khát, vả lại mê-hoảng, chỉ biết nước đưa tới miệng, thời há miệng như sảo hớp lấy hớp để nuốt đi mà thôi, còn có biết đâu rằng đắng ngọt chát chua là thế nào nữa ?

Ông bạn thấy vậy, đổ luôn cho được mấy liều, thuốc vào tới miệng, thấm-thía ra khắp tứ-chi, (四肢) mầu-hôi toát ra như tắm ; tỉnh dậy bỗng thấy đầu óc nhẹ-nhõm như không, thân-thể tự-nhiên tỉnh-tao hết bịnh, tự-hồ đang gánh nặng cất mà đổ đi thênh-thênh như vậy. Đang nằm dọc dậy, trông thấy ông bạn hãy còn ngồi bên đầu giường, mà bát thuốc đã thấy cạn sạch hết cả. Ngẫm-nghĩ thấy trong miệng mình hãy còn rặt những hơi thuốc. Trong bụng biết ngay là ông bạn nhân lúc mình mê, đã đổ nước thuốc cho mình uống rồi. Nghĩ bụng rằng : ờ ! nếu có phải thế, thời thuốc cũng công-hiệu thực ! Vừa uống mà bịnh-tật đã thấy mất đi như không cả rồi, hay thật ! thế mà mình ngu một mực khăng-khăng mà không chịu uống, để đến nỗi đeo chứng đeo bịnh mãi ở trong mình, thế có dại hay không ? Đang lẩm-bẩm trong bụng, chưa kịp nói, ông bạn sẽ thủng-thẳng hỏi rằng : bác ! bác nghĩ trong mình bây-giờ nó thế nào ? Trông chừng phỏng có được nhẹ-nhõm hơn trước chăng ? — Thưa bác tôi nghe trong mình, nay đã thấy tỉnh-tỉnh hơn trước, nay sốt cũng thấy nó đã lui đi được nhiều ; vả các chứng các bịnh vàng đầu giức óc, mờ mắt ù tai, hồn vía mơ màng, tinh thần mệt-nhọc như trước, tự-hồ bây-giờ nó đã chút cả xuống sông xuống biển, mà đi tới tận phương nào tất cả rồi ạ.

Ông bạn tủm-tỉm cười mà nói rằng : Ồ ! thế à ? thế bác có biết cái công-hiệu đó nó bởi tự đâu hay không ? — Thưa bác, trong khi em đang cơn nóng, thiệt là mê-mẩn không có biết gì ! Nhưng khi em đã tỉnh dậy, cũng đã biết đích được là bởi tại quan anh có lòng quá thương đến em, hết lòng vì em, và đổ thuốc đổ thang cứu em, vậy nên mới có cái công-hiệu thần-diệu như thế vậy.

Ông bạn lại cười mà nói rằng : À ! thế ra bác cũng đã cho thuốc là hay đó a ? Này bác ơi ! người ta ở đời, sở-dĩ mạnh khỏe sống lâu, phần nhiều là bởi tại thuốc, cải-tử hồi-sinh, chính cũng chỉ bởi tại thuốc, thuốc thiệt là một vật tính-mệnh của con người ta nó kí-thác ở đó vậy. Kia như những người được ở tự lúc tiên-thiên, (先天) nguyên-qik

(元氣) tốt sẵn ; cốt-cách khỏe mạnh, huyết-khí cương-cường, tự-hồ bất-tất phải dùng quế, phụ, sâm, nhung, mà tự-nhiên cũng khỏe mạnh, can gì phải cần đến bồi-bổ điều-dưỡng, mà tự khắc cũng khang-cường. Thế mà người biết vệ-sinh, cũng còn phải nay dụng sâm, kì, để điều-hòa nguyên-khí, mai dùng quí, thục, để bồi-bổ hậu-thiên ; huống chi những người tiên-thiên bất-túc, nguyên-khí không bền, tinh-huyết đã khuy, trác-táng lại lắm, như thế mà lại ghét thuốc không ưa, sợ thuốc không uống, tôi tưởng như thế, thời dẫu ông Nam-Tào Bắc-Đẩu có muốn rộng bút mà chua thêm tuổi thọ cho, tôi chắc cũng không thể sao mà khiến cho bản-mình trường-sinh được vậy. Ông bạn nói đến đó, lại trông ta mà vừa cười vừa nói rằng : Thế bác đã biết thuốc thánh chưa? từ rầy phỏng bác còn nên ghét thuốc sợ thuốc nữa hay thôi ?

Ta ngẩng lên vừa thở vừa đáp rằng : Thưa bác dạy vậy, thực là cái lỗi của em, nhưng xin bác cũng lượng cho một chút này ! em ghét thuốc, có phải thật là bản-tâm ghét thuốc thật đâu ! Em ghét là ghét vì những kẻ nhắm mắt bốc liều vậy. Em sợ thuốc có phải là em sợ thuốc đắng đâu ! Em sợ là vì lắm kẻ cả gan làm càn vậy. Em thấy người ta thường nói rằng : « tính-mình con người ta sống thác, bằng ở trong tay người thầy thuốc. » Quan-bệ rất là nhớn-nhao, mà sảy ra tất là khốn-khó, mà em trông thấy người đời giờ, mắt chẳng biết một chữ *đinh* 丁 học chưa thuộc mặt chữ *nhất* *Nội-kinh Tố-vấn* 內經素問 mắt chẳng ngó qua, *Thọ-thế Hồi-xuân*, 壽世回春 tay chưa mó đến, thế mà con *hiền* 賢 con *bễ* 睥 kè-lè lăng-nhăng, mạch *xác* mạch *tri*, ù-lòa bậy-bạ. Thuộc lòng mấy bài *tứ-quân*, *tứ-vật*, đã nghênh-ngang lên mặt « *thầy-lang* », mấp-mô vài vị *cam-thảo*, *khổ-sâm*, đã chảnh-hoảnh ra tay « *điều-hộ* » rồi mà lờ-mờ bốc láo, không phân *hàn*, *nhiệt*, *bình-ôn*, giờ-giẫn làm mò, chẳng biện *quân*, *thần*, *tá*, *sứ*, khiến cho thiên-hạ vì thuốc mà đến nỗi chết oan, trông thấy chan-chan trước mắt ; vì thế mà em sinh ra bụng sợ, sợ mà sinh ghét, đã ghét thời bụng tất thiên, dẫu cho có thầy thuốc hay đến đâu, thời cũng xem thường xem khinh, còn có lòng nào mà quí-trọng được nữa ?

Chết nỗi ! em ngại *canh nóng* mà thổi đến cả rau *dền*, sợ *nhân-ngôn* mà kiêng đến cả *hoạt-thạch*, tuy là ngộ-điểm thật, những chưa xét đã vội lòng tin, em thực quyết không dám thế. Sao vậy ? vì thời buổi bây giờ, thầy dở phần nhiều, mà thầy hay có ít, nếu mình vội đem tính-mình phó-thác vào tay những bác *dung-y*, 庸醫 em sợ bịnh mình chưa thấy khỏi đâu, mà mình mình thường đã theo thuốc mà thuyên mất rồi ạ

Than ôi ! thời buổi bây-giờ thiên-hạ nhầm thầy nhầm thuốc, trúng-độc kể biết có bao-nhiêu người ! Em tưởng thiên-hạ vá g đầu giức óc, mở mắt ù tai, hồn phách bàng-hoàng tinh-thần mê-mẩn, chứng bệnh như em, kể tới mười phần tám chín, nay quan anh đã sẵn có lương-phương thần-hiệu, cứu được tính-mình cho em, chả hay quan anh phỏng có rộng tay độ-thế cứu-dân, để giải cái bịnh hiện-thời ngộ-độc cho thiên-hạ chăng ? Đó là cái hi-vọng rất nhớn của em đó ạ.

ĐÀM-XUYÊN

Phải trái ở đời

Con người ta hiền, ngu, bất-tiếu không giống nhau, thời cái phẩm-cách cũng không giống nhau, cái cử-động cũng không giống nhau ; cử-động và phẩm-cách đã không giống nhau, thì cái phải trái tất rằng khác nhau. Sống mỗi người một nết, chết mỗi người mỗi tật. mình bảo là phải, nhưng người cho là trái,

mình cho là trái nhưng người bảo là phải Đem truyện Nã phá-Luân ông Kha-luân-Bố kể cho những kẻ nhân-bần chí đoản thì họ gác ngoài tai; đem truyện ông Bá-Gi ông Thúc-tề kể bên những kẻ tham quyền cố vị thì họ lấy làm tiếc. Thế thì phải trái, trái phải là tùy từng hạng người đó thôi. Cũng linh-hồn, cũng xác thịt, cũng chịu ánh sáng mặt giời, mà có người hẹp-hòi bằng cái lạch, có người rộng-rãi như cái bể cái khơi; xa nhau từ bắc đến nam, cách nhau một giời một vực Cho nên công hầu khanh tướng lắm kẻ thèm ra, môn-hạ tôi đòi nhiều anh cầu-cạnh ; cũng một câu truyện kẻ nhiếc người khen, cũng một cuộc đời kẻ vui người thảm. Đầu gà má lợn tranh nhau ở chốn hương-thôn, kẻ ngu-si lấy làm phải, mà người tài-năng lấy làm khinh ; ngồi cao ăn không vơ-vét sao cho nặng túi, người đạo-đức lấy làm bỉ, mà người gian-tham lấy làm sang. Bạc chứa tiền chôn, người đời nay cho là ngu mà người đời xưa lấy làm đắc-sách ; ra luồn vào cúi người quân-tử lấy làm nhục mà kẻ tiểu-nhân lấy làm vinh. Lẫn-quất rừng xanh núi đỏ, người ẩn-dật lấy tịch-mịch làm thanh-cao ; long-đong góc bể bên giời, người chí-sĩ lấy cứu-thời làm trách-nhiệm. Thế thời ai bảo là phải thì phải, ai cho là trái thì trái đó mà thôi.

Chao ôi! mẹ hát con khen hay, người nghe bảo là trái, mà mẹ vẫn cứ hát con vẫn cứ khen, thời ai hoài hơi đâu mà chê phải trái. Nhưng nghĩ mà xem thời cho tạo-hóa cũng là trêu-chọc loài người đó; nếu ai ai cũng tâm-trí tương-đồng, thì sao có chia ra anh-hùng hào-kiệt, tài-tử giai-nhân, người lương-thiện, kẻ hung-tàn, đứa tham-danh quên nghĩa. Này xem những người đời xưa : Nếu ông Da tô cơ-đốc cứ thiên-hạ bình-luận làm phải trái thì ông Da-tô-cơ-đốc không là ông Da-tô-cơ-đốc, đạo « Thiên chúa » sao có xuất-hiện cõi nhân-gian. Ông Thích-ca-mâu-ni cứ thiên-hạ bình-luận làm phải trái, thì ông Thích-ca-mâu-ni không là ông Thích-ca-mâu-ni. « đạo phật » sao được thịnh-hành trên thế-giới. Ông Mạnh-Tử cứ a-dua mà theo thói đời Chiến-quốc, thì sao lên được bậc á-thánh ở Trung-hoa. Ông Lư-Thoa không kiên-nhẫn mà giữ lấy ý-kiến mình thì sao có được đúc tượng đồng bên Đại-pháp. . . . . .

Càng những bậc xuất-chúng bao nhiêu thì việc làm lại càng trái tục bấy nhiêu. Thế mới biết người năm bảy đấng phải trái ai ơi mặc thói đời.

Cự-hải NGUYỄN HỒNG-NGUYÊN

Ngẫm cuộc đời

Ngẫm xem ngang khắp phương giời, giọc cùng muôn kiếp, cuộc đời phải theo nhẽ tự-nhiên, mà quanh đi vòng lại, việc văn-minh cũng ví như cây quả ngon, không bao-giờ hạt quả ấy có để cho mọc ở dưới gốc, bởi vì quả ấy ai cũng thích miệng làm ngon, những nơi xa cách đã được nếm mùi, ắt chăm lấy hạt, gây cho nên giống, thường khi gặp nơi khí lành đất tốt, quả ấy lại càng thêm ngon, mà sánh với chỗ trước có cây, không đến cằn-cỗi kém tốt.

Xem như bậc giáo-chủ: Đức Thích-Ca ngài sinh ở Ấn-độ, đạo Phật từ đấy trôi đi, mà nối đạo chính-tông lại nhường về Trung quốc; đức Thánh-Khổng ngài sinh ở nước Lỗ, đạo Nho từ đấy rõ-rệt, mà giữ-gìn lễ phép lại thịnh ở An-nam ta; nước Do-thái là đất đức Gia-tô giáng-sinh, đạo Cơ-đốc truyền khắp bốn phương Âu, bây-giờ trong nước suy kém ; Đường Ngu là gốc văn-minh Trung-quốc, bây-giờ chế-độ còn gì ! Đạo Phật chủ « tự-do bình-đẳng », đạo Cơ-đốc tưởng cũng do ở đấy mà sinh ra. Đạo Nho chủ « đại-đồng » tuy không nói rõ tự-do bình-đẳng, mà công việc làm, tinh-thần cũng đủ, hiệu nghiệm đại-lược như Âu Mĩ mà còn hơ ngờ rằng ngài chỉ dạy năm luân thì sai xem ở thiên Lễ-vận thì rõ, mà nghĩa ch

thiên ấy chưa hết nghĩa, cho là nhời nói Hán-nho phụ-hội, bởi tưởng xã-hội lúc bấy-giờ bó-buộc, không giải ra được.

Vả việc văn minh có tinh-thần, lại phải có hình-thức, không hình-thức thì gồm cả tinh-thần hình-thức làm một, cho nên công-nghệ ngày một tấn-tới, khoa cách-trí phát-minh được những điều bí-mật của giời, cho nên giàu mạnh ; bên Á-châu ta từ đời Thành-chu giở xuống, chỉ chuyên trọng ở tinh-thần, mà lược bỏ hình-thức, cho dâm-kỹ kỳ-sảo là tội, lâu ngày tệ mãi chỉ đam về một mặt từ chương cho nên nghèo yếu.

Nói tóm lại văn-minh ngày trước, thì tự Á sang Âu, văn-minh ngày nay lại tự Âu sang Á. Ta phải giữ cái tinh-thần Nam-Việt mà theo hình-thức Âu-châu, bỏ bớt từ-chương, đua vào công-nghệ thì hạt Văn-minh Mã-lạp, ơn nhờ Đại-pháp đem lại cho ta, có nhẽ đất Nam nhờ vận nhờ thời, lại gây được cây văn-minh tươi-tốt, để quả ngon mà làm giống về sau.

Trước-tác tri-sĩ NGÔ VI-LIÀM

THƠ CA LAI - CẢO

Tự-thán

Thơ liên-ngâm)

I

Xấu số nên mang cái nợ đời,
Nợ đời dan-díu biết bao thôi !
Hai mươi năm lẻ khi nồng, nhạt,
Một cuộc phong-trần lúc tẻ, vui.
Nào nhục, nào vinh, nào quyến-ái,
Cũng thua, cũng được cũng tươi-cười.
Ở đời nên phải theo đời vậy.
Danh-lợi chi mà thế thế thôi !

II

Danh-lợi chi mà thế thế thôi !
Ấm no xong việc mặc chê cười.
Danh này ai muốn xin nhường cả,
Giá định bao-nhiêu chẳng lấy lời.
Cơm nặng áo giày chưa dễ báo,
Giấu xưa, nghĩa cũ buộc giàng ai.
Ngẫm mình hổ-thẹn cùng non nước ;
Hèn yếu làm chi một kiếp người !

MỘNG-CHÂU

Tả cảnh làm Giáo-thụ

Có chỗ hơn mình có chỗ thua,
Nhà dường cây mít cũng ơn vua.
Mai chiều chú bếp vừa sai cắc,
Lui tới thày nho đủ nói đùa.
Cây có kia thường như gốm trại
Gió trang đây chẳng tốn tiền mua
Câu kinh tiếng trống va ba tiếu.
Cũng một ông sư giữ một chùa

VÕ-THẠI NGỰ-SU

Ông Ngư-phủ

Ngựa xe giong-giả thiếu gì đâu,
Vui vẻ giang hồ mặc thú câu.
Nối gót Nghiêm-quân miền bạch-thủy
Vất cần Lữ-vọng chốn thanh-lưu.
Một dây tiết-nghĩa toan phò Hán,
Nửa mũi khôn-kiền sẽ giúp Châu.
Trong cuộc trần-ai ai cũng thế,
Tơi mưa nón nắng khách công hầu

Vịnh mưa đông

Trận gió ào-ào thổi,
Cơn mây phới-phới bay.
Nước non đều ẩm-đạm,
Ngành ngọn thảy lung-lay.
Lật-đật ong về tổ,
Lao-xao én lạc bầy.
Mau-mau tìm chốn núp,
Sấm sét đã gần đây.

Âu-châu chiến-cuộc

Một cơn gió bụi nổi thinh-linh,
Biển dậy năm châu dậy sóng kình
Vụt-vụt tầu bay mây tỏ mở,
Đùng-đùng súng nổ đất rung-rinh.
Máu văn minh đổ cây thơm phức,
Thây dã-man trôi nước thối ình
Áo ước bàn cờ mau mãn cuộc
Thâu về tướng sĩ cứu sinh-linh

Hiệp-tá đại-học-sĩ tri-sĩ
HUỲNH-CÔN

Chữ tang-bồng

Kể-lể làm chi chữ bắc đông,
Làm giai phải có chút tang-bồng.
Đã đua chân bước vào danh-lợi,
Lạ sẵn lòng vui với núi sông.
Trăm tuổi ví dù đem bỏ só,
Một đời như thế cũng bằng không.
Ông giời dáng cũng xui ta nhảy,
Nên mới quảng cho một tiếng « Thòng »

Mị-châu

Những mong rồi lại lừa đôi ta,
Dâu bể ai ngờ bỗng sẩy ra.
Đã chót vì tình chao nỡ bảo,
Thì xin giữ ước dắc lông nga.
Ba sinh tráo trở duyên cầm-sắt,
Một phút thay rồi việc quốc-gia.
Chẳng có móng rùa đâu thế nhỉ ?
Máu-me xin chuốt ngọc trai già.

Phượng-vũ PHẠM MINH-NGUYỆT

Mồng 5 tháng 5 cùng bạn chơi sơn-thủy

Lác-đác mưa nguồn mấy hạt sa,
Con đường rộng thẳng có hai ta.
Kìa sông Hát-thủy lòng trong xuốt,
Nọ núi Trầm-sơn đỉnh biếc pha.
Bộn-rịp cầu đường người qui tiện,
Xôn-xao quán chợ khách bôn-ba.
Tìm tiên ướm hỏi chàng Lưu Nguyễn
Lối đạo Thiên-thai mấy dặm mà...?

Mai-Cương NGUYỄN HỮU-THÌN

Tiễn bạn đi Sài-gòn

Kẻ Bắc người Nam một tiếng còi
Trông ra thăm-thẳm giạ bồi-hồi.
Hai tay nâng mũ bên tầu ngược,
Một tiếng ô-voa ngọn nước suôi.
Nọ mối tương-tư vương lại đó.
Kìa người tri-kỷ tếch xa khơi
Thờ-ơ cảnh cũ ai chăng nhớ,
Một khối tình riêng khó hết nhời.

An-hòa NGUYỄN KHẮC-NHƯỢNG

Lên Ải-Vân

Ngang giời lừng-lững Ải-vân-quan,
Một bước trèo lên một bước khoan.
Thành đá rêu in còn đứng sững,
Sủng gang mây phủ một màu khan.
Sóng dồn cửa bể nhô đầu bạc
Giăng dựng sườn non lỏ mắt vàng.
Thủa trước đấu thơm ghi để đó,
Làm gương kỷ-niệm với giang san.

TRẦN HỮU-GIƯƠNG

Trách bóng trong gương

Tẹ làm chi lắm ai ơi?
Một hình một ảnh nỡ rời nhau ra!
Gặp nhau từ ở đằng xa,
Lại gần vẫn tưởng rằng là gặp nhau.
Nghĩ rằng « chẳng trước thì sau »,
Nào ngờ giời thẳm vực sâu thế này?
Phải rằng cách mấy từng mây,
Phải rằng sóng cả nước đầy cho cam.
Thôi thời giời chẳng cho làm
Mặt tuy thấy mặt lòng ham được nào.
Trơ-trơ đứng đó mà cao,
Không sông không núi mà giáo vững chưa

Riên-lư TRẦN THÁI-KHANG

Tượng đồng vua Lê-Tổ

Non nước sinh thay đất Lạc-Hồng,
Diễm tô này một đứng anh-hùng.
Thái-giá khuất bóng Trùng-quang-đế,
Nam-lĩnh nên cơ Đại-định-công.
Chi nhớn gầy nên nền sự nghiệp
Gươm thần rửa sạch thẹn non sông.
Nhị Nùng bia kỷ ơn còn đó,
Chi kể nhom-nhem cái tượng đồng.

Lý-ông-Trọng

Hơn trượng đường-đường Đại trượng-phu,
Nương chân nấp bóng tiếng nghìn thu.
Non sông Hồng-Lạc coi mà nhẹ,
Quân tước Roanh-tần nghĩ cũng to.
Chim Việt cành Nam còn hỗ-thẹn,
Tượng đồng đất Bắc dễ thơm-tho.
Khi thiêng đúc lại người anh-kiệt,
Có cốt chi đem nạt rợ Hồ.

Vú em ngồi xe nhà

Ngắm cảnh treo leo muốn hỏi giời,
Đặt bày chi lắm nhẽ chêu ngươi.
Vắt chân chị vú ngồi ra rảng,
Cầm cổ anh xe chạy hết hơi.
Kẻ hạ người hầu coi một lứa,
Chúa nhà con ở rõ đôi nơi.
Cái vinh cái nhục gương là đấy,
Ấp bóng thằng em cũng đủ chơi.

Khuê-oán

Bến Tương gia-giả tiếng quyên ca,
Gió thổi cây rung bóng nguyệt tà.
Khi vắng nghĩ mong khi có mặt,
Nỗi gần thêm sót nỗi người xa.
Quên son nhã ng phấn đâu còn dá g.
Gối tuyết dầm sương mấy lúc già.
Cái ấn phong-hầu cay ác thật,
Dặm nghìn sui dục kẻ xông-pha.

Mai-khê, NGÔ THỨC-TỊ

Tắm sớm

Mơ-màng sực tỉnh giấc đang nồng,
Bước dậy trông giời đã rạng đông.
Đá ráp khăn bông thân trắng nuột,
Mây quang khí lạnh nước xanh trong.
Mày râu mang lấy thêm phiền nhỉ!
Xiêm áo dám nhau hả nhẽ không.
Trần cấu bấy nay rầy rửa sạch,
Thoả lòng vùng-vẫy bể mênh-mông.

MẪN.

Sẩm

Nợ thì đời, nợ thì đòi, anh đố ai tránh khỏi cái nợ đời, thành Sầu bể Thảm dễ mấy người qua lại vượt qua. Chúng anh đây chịu tiếng mắt lòa, cung đàn dịp phách với một và cái chị thanh-manh. Đưa nhau ta lên thác xuống ghềnh, gầm giời chúng anh đi khắp cho bõ cái công anh đội giời. Muốn lòa khó lắm em ơi!

Nam-định, NGUYỄN VĂN-ĐẠT

Muỗi-hóm

Đêm lặng gió nực-nồng khó ngủ,
Lại vo-ve kéo lũ bên tai.
Quạt sua tay đã chẳng rời,
Im tay nghe vẫn quanh người như ong.
Lòng dận dữ pha lòng vì nể,
Mới đem nhời kể lể gần xa:
« Kiếp người ta vẫn là ta,
« Văn-manh kiếp bác vẫn là văn-manh.
« Cớ chi bác dương nanh vũ cánh,
« Chỉ lăm-le đến canh chêu người?
« Thù-hằn chi bác với tôi?
» Hay toan độ-chá cõi đời đấy chăng?
« Kia lục-súc há rằng chẳng béo?
« Lại vụng về không khéo đuổi sua.
« Dùi-mài mặc bác sớm trưa,
« Còn tôi với bác nên chừa nhau ra.
« Hay lòng bác thế đã chưa đủ?
« Thời cũng cho tôi ngủ bây-giờ.
« Sáng mai tôi sẽ xem rò,
« Chỗ nào bác đứng tôi thò tay dâng».
Muỗi nghe nói xem chừng hiểu ý,
Bỗng giả nhời thủ-thỉ bên tai.
« Khôn-ngoan bác cậy là người,
« Vẫn còn chưa hiểu tinh đời hay sao.
« Dù nhỏ-mọn nhớn-nhao cũng mặc,
« Chỉ ăn nhau tri lực mà thôi.
« Con chim bay bổng lưng giời,
« Vì ai lông cánh tơi-bời phải sa?
« Kia lục-súc cũng là vạn-vật,
« Cớ vì đâu kẻ giết người nuôi?
« Nhỏ-nhen cho đến kiếp muỗi,
« Chẳng châm chẳng đốt thấy người là sua
« Người như bác tranh-đua no kém,
« Người với người đâm chém thiếu đâu.
« Đông Tây xem lưỡng bán-cầu,
« Kẻ hèn người yếu dễ hầu được yên?
« Máy bay nọ liệng trên không-khí
« Tầu ngầm kia lặn khé cũng dương.
« Chẳng qua ưu liệt nhược cường,
« Hở cơ hổ-dễ ai nhường chi ai.
« Thôi công-lý xin cài một só,
« Lý-lăng chi chỉ có cường-quyền.
« Đập sua mặc sức giữ-gìn,
« Bác mà mắt nhắm tôi liền nọc sa »
Nghe muỗi nói cho là loài bốt (boche),
Đánh nhói đâu đã đốt liền ngay.
Hùng-hằng vừa sắp giương tay,
Vo ve thủng-thẳng muỗi bay mất rồi

Mai-khê, NGÔ THỨC-TỬ

THƠ-VĂN ĐÀN-BÀ

Vinh Nữ-giới-chung,

Nữ-giới chuông khua khắp Á-Đông,
Quần-thoa rầy cũng nẩy anh-hùng,
Thử đem chất yếu liều gan sắt
Nên tỉnh hồn mê giậy tiếng đồng,
Châu ngọc mấy lời ghi lọt giạ,
Đồng-tâm ai kẻ lắng tai cùng.
Mày râu hỏi khách ai hay chửa?
Này chị em ta mới nổi còng,

THU-ANH
Con gái quan huyện Ân-Thi DƯƠNG TỰ-NHƯ

Đổng Thiên Vương

Mấy tụi đương măng, mấy tụi già,
Việc đời trật đến bé lên ba
Thăng-bình một hội oai ông trẻ,
Sinh-hóa nghìn thu truyện nước nhà,
Nỡ cứ mần-thinh cho giặc thế,
Dã rằng mang tiếng có mình ra.
Ngẫm xem trị loạn Âu là số,
Có nhẽ lung-tung rứa mãi à.

Triệu-Âu

Hai bà Trưng trước mới qua đời,
Bà Triệu nay ra lại nẩy nòi,
Vị nước toan sua quần giặc chuột,
Tranh-sơn hăng dữ thế đầu voi.
Mới hay n hĩa liệt riêng phần nhất
Dẫu đến giai hùng dễ sánh đôi,
Một ả anh-thư ba thước vú,
Tượng đồng tô lấy chị em ơi.

ĐẠM-TRAI, PHẠM CHINH-THẤT

TẠP-TRỞ

Nghiên-cứu cái tình-hình kinh-tế của nước Tàu (1)

(Coi báo « Economie » kỳ tháng Janvier và Février năm nay tại Paris)

Xét tự khi nước Pháp khai-chiến đến giờ, những sự vận-tải ở trên mặt bể thường sợ có khi không đủ và tàu-bè đi lại một ngày một giảm ít đi, mà những lương-thực thì vẫn phải mua tự nước ngoài, hóa ra chính-phủ cận-lại đối việc vận-tải trên mặt bể cực là chú-ý. Vả lại tự sau khi chiến-tranh sảy ra, nước Pháp đã đem những tiền vàng thâu tàng cả, những tiền thông-dụng thì trừ ra đã phát-hành ít nhiều giấy bạc nữa, lại đúc thêm những tiền bạc nhiều lắm. Cứ lời báo-cáo của Tài-chính-bộ bên Pháp rằng năm 1914 phát-hành tiền bạc cộng có 86.338.362 quan (francs) năm 1915 cộng có 154. 283.613 quan : ấy là kể cái số phát-hành ở trong nước như vậy, còn ở các thuộc-địa thì không kể. Phát-hành thêm năm 1916 số là bao-nhiêu thì chưa công-bố. Nghe nói nước Ăng-lê tự khi khai-chiến đến giờ cũng đúc thêm tiền bạc nhiều lắm, cái số lại quá hơn nước Pháp vậy. Vì cớ đó, giá bạc của các nước cứ một ngày một cao lên, mà giá vàng thì một hạ xuống.

Gần đây nước Pháp lấy sự buôn-bán và tài-chính của nước Tàu làm chú-ý lắm. Tạp-chí « Economie » ở Paris có đăng một bài luận dài lắm, đề tên là « Nghiên-cứu cái tình-hình kinh tế của nước Tàu ». Bài luận này một là nói về cái tình-hình đã qua rồi của nước Tàu ; hai là kể những chính-sách của các nước đối với Tàu ; ba là bàn những phương-châm của nước Pháp dự-bị để sau trận đánh nhau này đối với Tàu lấy cái chính-sách thế nào. Những nhời bàn-luận cũng so-sánh rõ-ràng lắm.

Kể ra bài này cũng có giá-trị lắm, báo Ăng-lê và các báo có dịch ra đăng cả. Tôi cũng bắt chước dịch ra chữ Quốc-ngữ, mà do theo chữ Ăng-lê và kê-cứu nguyên-văn chữ Pháp dịch ra. Tưởng bài này cũng có ích cho những người muốn khảo-sát những công-việc và tình-hình nước Tàu bây-giờ.

LỜI NGƯỜI DỊCH.

* * *

Kể từ ngày 14 tháng tám Tây năm ngoái Chính-phủ Tàu đã tuyên-chiến với Đức sắp đi, thì Tàu bèn là một nước ở mé bờ Thái-bình-dương mà tuyên-chiến với Đức sau chót hết cả. Nhưng vì cớ sao Tàu vào chiến-cuộc với các nước thì đã rõ-ràng lắm. Bởi vì tự khi Mĩ cùng Đức đã tuyệt-giao rồi thì Tàu cũng tức-thời đem quan Công-sứ đóng tại Đức triệt về, có ý phô rõ ra rằng Tàu cũng theo Mĩ hành-động như nhau. Nhưng sau này nhân người Đức âm-mưu để gây loạn trong nước Tàu, hóa ra mới thành có cái phong-trào để khôi-phục vua cũ lại, thì việc khai-chiến với Đức nhân đó mà ngần lại mất ít lâu. May sao việc mưu-phục vua đã thất-bại rồi Phó Tổng-thống là Phùng Quốc-Chương kế ngay lên làm Đại Tổng-thống ; từ đấy thời cái việc

(1) Bài này đáng nhẽ đăng vào mục *Xã-thuyết* thời phải, nhưng tiếp được ông Dương Tự-Nguyên gửi về trễ nên hãng tạm cho đăng vào mục Tạp-trở kỳ này một ít để sớm công chúng xem.

khai-chiến với Đức mới thành ra là một cái vấn-đề quyết trước được. Đến khi cái nghị tuyên-chiến đã quyết-định rồi, thì người Đức mới vì đó mà náo-động một cách cực-kỳ là ghê sợ, vì rằng cái dã-tâm của người Đức đối với cái đại-lục [1] ở bên Á-đông này, và cái chính-sách sâm-lược [2] về kinh-tế của họ đều nhân từ đó mà thua xút và tiêu-tán mất cả.

Tự khi bên Tây có sự chinh-chiến đến nay, Mĩ và Nhật, hai nước ấy đều lợi-dụng cái thời-cơ ấy mà hết sức mở-mang những nghề buôn-bán của bổn-quốc họ. Tàu cũng có cái địa-vị giống như Nhật và Mĩ vậy, vả lại trong nước còn có nhiều những phú-nguyên [3] hơn nữa, mà không được ích-lợi gì cả, là cũng tự trong nước không khi nào yên-ổn cả. Tự năm 1911 đến giờ, chính-cuộc nước Tàu cứ biến-động luôn mãi, trong năm, sáu năm giời thì không năm nào là trong nước không có sự đánh nhau sất. Gần đây cộng-hòa đã khôi-phục được mà đối với Đức đã chính-thức tuyên-chiến rồi thì cái chính-cuộc của Tàu sau này hoặc-dã có cái hi-vọng làm cho tròn-vẹn lại được chăng.

I

Tài-chính của nước Tàu

Muốn xem cái tài-chính của một nước thì ắt trước hết phải xét cái số xuất nhập của nước ấy nhiều ít là dường nào thì mới rõ được. Hãy cứ thử đem cái án dự-toán của Tàu hồi năm 1917 mà nghiên-cứu cái nội-dung thì thấy :

Một năm tổng-số

nhập... 472.838.584 lạng bạc
xuất... 472.838 584 »

(còn cái biểu kể số vặt-vãnh sao trong án dự-toán của Tàu lược đi). Trong cái tổng-số nhập một năm, thì có những thứ như sau này là nhiều hơn hết :

Thuế ruộng... 90.115.784 lạng bạc
– đoan [4]. 7.305.623 »
– muối.... 96.767.014 »
– ly [5]..... 42.719.194 »

các nhà Đoan ở mấy cửa bể đất Tàu thì đều do mấy người Tây quản-lý cả. Phàm những thứ thuế tiến-khẩu và thuế tầu bè các nước ra vào đều thuộc về các nhà Đoan kinh-lý hết. Đến như tính-chất cái thuế Ly thì không được tốt bằng cái thuế Đoan là vì nó có trở-ngại đến việc giao-thông trong nội-địa, và những hàng-hóa cũng bị đình-duệ nhiều lắm.

Các nước trong thế-giới này kể mang nợ nước ngoài nặng như nước Tàu ấy cũng thiệt là ít thấy lắm. Mà sở-dĩ nước Tàu mang nợ cứ một ngày một nhiều thêm mãi là vì Nhật-bản và Mĩ cùng các nước bên Âu-châu đều tranh nhau bỏ vốn vào nước Tàu để hòng có thể chiếm-lĩnh được cái thị-trường [6] ở Tàu chăng. Trước khi bên Âu có trận đánh này, Tàu cũng đã mắc nợ đến 161.755.767 Boong vàng [7] rồi. Cứ theo nhời nói quan Lãnh-sự Mĩ là ông Emroy rằng nước Tàu mộ-tập những công-trái ở nước ngoài, hình

(1) Đất bằng và to lắm.
(2) Lấn cướp.
(3) Mối lợi, chỗ nhiều của, nguồn giàu.
(4) Tức là thuế quan, thuế nhập cảng xuất cảng.
(5) Nguyên-danh là Ly-thuế 釐稅) là một thứ thuế đặt ra tự hồi nhà Thanh của Tàu, tức mấy chỗ yếu-địa các nơi đều đặt ra những chỗ thâu thuế gọi là *gát-cục* (卡局) để đánh thuế những hàng hóa đi lại của mấy người đi buôn. Đại-khái cứ chiếu theo vật [illegible] nặng nhẹ mà đánh thuế, hóa ra gọi tên là Ly-thuế. Hồi đầu nhân quân-phí túng thiếu mà sinh ra thứ thuế đó, sau lâu quen thành chính-ngạch.
(6) Tức là chỗ buôn-bán những hàng-hóa. Chỗ thành-thị. Chữ Tàu là 市場.
(7) Tên bạc Âng-lê, làm bằng vàng, giá mỗi Boong hồi trước được [illegible] in 10 đồng bạc bây-giờ sút đi còn có 6 đồng hơn thôi. Nguyên chữ Âng [illegible] là *Pound*. Tàu dịch là 金鎊.

như lấy cái chính-phủ ngoại-quốc làm người kinh-lý cho mình vậy. Không những thế mà thôi đâu, trong nước Tàu hễ bao-nhiêu những mối lợi về đẳng doanh-nghiệp[1] của chung của nước như là các thứ mỏ[2], đường xe-lửa, xe-điện, và điện dưới nước v. v., đều do tay người nước ngoài khai-sáng cả. Đến như người bản-địa[3] mà biết tham-dự vào những công-cuộc đó thì cực-kỳ là ít thôi. Cái phạm-vi của những người bản-địa bỏ vốn ra thì bất-quá cũng chỉ lấy những cái doanh-nghiệp về đẳng bất-động-sản[4] làm hạn thôi; chớ họ đối với những cái tính-chất động-sản thì còn mơ-hồ chưa có kinh-nghiệm gì cả.

Những nợ-nần của Tàu bây-giờ là bắt đầu tự trận đánh nhau năm 1894 làm khởi-điểm. Trận đánh nhau năm đó thì Tàu bị Nhật-bản đánh thua, phải bồi-thường tiền tổn-phí là 330.000.000 lạng bạc. Hồi đó nhân được quan Tài-chính đại-thần nước Nga tên là Uýt-tờ (Witte) giúp-đỡ, thì chính-phủ Tàu mới được tại Paris mộ-tập những công-trái số-ngạch là 400 000.000 quan (francs) do ở chính-phủ Nga thay làm đảm-bảo cho. Tự trận đánh năm đó sấp sau, nước Tàu tuy không đánh nhau với nước nào nữa, nhưng trong nước cứ thường có nội-loạn, thì nợ-nần cũng cứ một ngày tăng thêm mãi lên. Coi như một việc biến-loạn về *quyền-phỉ* thì cũng đủ làm một cái tỷ-dụ. Sau khi cái giặc đó đã bình-định cả, các nước đều bắt phải bồi-thường phí-tổn, chải qua mấy thứ hội-nghị mãi, rồi mới định được cái tổng-số tiền phải bồi-thường là 450.000.000 lạng bạc. Nhân phải bồi-thường cái khoản tiền ấy, hóa ra chính-phủ Tàu đến năm 1901 lại phải phát-hành một thứ trái-phiếu 96[5] kỳ hạn từ năm 1902 đến năm 1914 thì phải giả xong hết. Thử-ngoại còn những vay nợ để làm đường xe-lửa, vay nợ để sửa-sang việc trong nước, vay nợ hạn kỳ ngắn thôi, và các tỉnh trong nước Tàu tỉnh nào cũng có vay thêm nữa; tổng-cộng những các số vay cũng đã đến hơn 171.906.000 Boong vàng.

Từ đây sấp sau, kể những việc khai-khẩn những phú-nguyên trong nước Tàu loại như làm đường xe-lửa vậy. (Tự năm 1914, đường xe-lửa của Tàu còn đương trắc-lượng để làm ấy thời trớc có 9.600 ki-lô-mét, những đường đương làm ấy ước có 3.680 ki-lô-mét, những đường đương nghị để làm ấy ước có 1.400 ki-lô-mét) thời Tàu còn phải nhờ-cậy đến những tư-bổn của nước ngoài nhiều lắm. Các nhà tài-chính của nước Pháp ta cũng phải lưu-tâm nghiên-cứu những tình-hình tài-chính nước Tàu mới được. Song ngặt vì cuộc chiến-tranh ở bên Âu chưa rồi, các nhà tư-bản của nước Pháp ta đều bị những việc binh-lính hấp-thâu cả. Lấy cái tình-hình bây-giờ mà xét, thì việc bỏ vốn vào bên Á-đông này, sợ cũng phải nhường cho Nhật và Mĩ hai nước ấy thôi.

II

Thương-nghiệp của nước Tàu

Sự chiến-tranh bên Âu sầy ra tuy cho Tàu lấy ngàn năm được một cơ-hội ít có ấy, nhưng Tàu không có chút nào tỉnh-ngộ cả; họ đối với những cơ-hội

---

(1) Nghề gì làm cho có lợi ra

(2) Như mỏ than, mỏ sắt, mỏ bạc v. v.

(3) Tức là bản-địa nước Tàu.

(4) Là những thứ của không động-đậy được, như là ruộng, đất, vườn, nhà-cửa v. v., chứa ra thì còn tính những động-sản cả.

(5) Hồi cho vay tiền thực chỉ có 96 đồng mà tính làm 100 đồng, trong 100 phần chỉ có 96 mà thôi.

đó đã mơ-hồ bỏ quá đi quen lâu rồi. Năm 1915 và 1916, trong hai năm đó, những đồ nguyên-liệu (1) của Tàu vận ra ngoại-quốc, tuy có tăng hơn những ngạch khi trước nhiều thật, nhưng phỏng-sử người Tàu mà biết rõ cái mối lợi của bổn-quốc họ ở chỗ nào, thì chắc là được lợi-ích không những chỉ thế mà thôi đâu.

Chính-phủ Tàu thời vì một nỗi cứ bị bó buộc vào những sự tranh quyền-chính trong nước, đã không có lúc nào nhàn-hạ để đem nghiên-cứu những các vật-phẩm phải cần dùng trong trận đánh nhau bên Âu bây-giờ để nhất-nhất hiểu-dụ cho người trong nước biết ; lại thậm-chí những phương-pháp mà hiểu-dụ và dẫn-đạo cho nhân-dân cũng chỉ là đơn-bạc. Chỉ vì cớ đó, mà những ban thương-nghiệp và bạn thực-nghiệp của Tàu đối với những tình-hình buôn-bán của các nước và giá-cả hàng-hóa cao thấp thế nào cũng không thể sao mà tra-khảo được ; bất-đắc-dĩ họ lại phải nương-tựa mấy người ngoại-quốc buôn bán ở các chỗ đất thông-thương mà thôi. Vả lại tầu bè đi lại bớt ít đi, mà tiền cước vận-tải thì tăng cao lên ; những hàng-hóa của Tàu chở sang Âu, Mĩ mới phải chịu cái ảnh-hưởng to lắm. Vì rằng những đồ xuất-khẩu của Tàu tinh những là đồ nguyên-liệu còn thô cả ; mà những đồ đã thô cả thì chắc là không gánh nổi được những tiền cước cao như vậy, hóa ra xuất-cảng phải chịu nhiều bề trở-ngại lắm.

Cái tổng-số cộng những giá hàng nhập khẩu nước Tàu :

Năm 1914 là..... 74.564.284 Boong vàng
Năm 1915 giảm đi còn. 58.939.819 » »

Phần lại, thì số giá hàng Xuất-khẩu của Tàu kể :

Năm 1914 chỉ có..... 47.116.453 Boong vàng
Năm 1915 tăng đến..... 54.321.069 » »

Cái biểu sau này kể những giá hàng Nhập-khẩu và Xuất-khẩu nước Tàu.

Nhập-khẩu

(Tính theo Boong-vàng của Ăng-lê)

TÊN NƯỚC (lược ở đầu lại)	NĂM 1914	NĂM 1915
Anh (Angleterre)	14.340.061	10.192.671
Hương-cảng	22.754.829	19.2[illegible]0.318
Ấn-độ (Inde)	5.348.396	5.285.180
Nga (Russie)	2.995.218	2.208.215
Pháp (France)	638.208	738.671
Đức (Allemagne)	1.927.541	20.809
Ý (Italie)	106.10[illegible]	53.7.4
Mĩ (Amérique)	5.573.652	7.804.072
Nhật (Japon	16.493 8[illegible]7	16.430. 54

Xuất-khẩu

TÊN NƯỚC (lược cho đi đầu)	NĂM 1914 (Boong-vàng)	NĂM 1915 (Boong-vàng
Anh	3.012.349	5.624.401
Hương cảng	12.[illegible]64.632	13.5 9 5 8
Ấn-độ	92 .167	1.030.061
Nga	5.670.862	[illegible].703.262
Pháp	3.124.515	4.181.783
Đức	1 404.150	10
Ý	722.036	1.211. 68
Mĩ	5.447 652	7.857.205
Nhật	8 675.169	10 8 7.[illegible]67

Lại lấy mấy thứ hàng trọng-yếu trong đám xuất-cảng, nhập-cảng của Tàu mà bày làm một cái biểu để cho dễ nghiên-cứu, và để bày-tỏ ra cái trận đánh ở bên Âu đối với Tàu sinh ra được những cái ảnh-hưởng thế nào ?

(1) Là cả tất-thảy đồ làm đồ vật dụng, nhưng còn nguyên chưa chế tạo ra cái gì cả, như kén để làm lụa bông để làm vải, gỗ để làm bàn ghế, thì kén, bông và gỗ là nguyên-liệu.

Tên mấy thứ hàng trọng-yếu
(Tính theo Boong-dăng cũ)

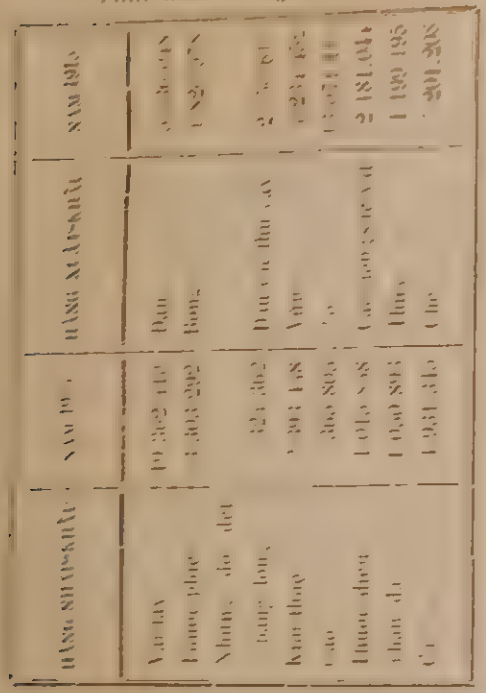

... để cho các nước ngoài phải cần ... đến thì có những thứ, như là : ... các thứ cây, ... ông thú, và ... nữa, là nhiều ..., kể những thứ hàng xuất-kh... nay, thì thấy có *tơ* và *che* hai thứ đó là chiếm phần nhiều hơn hết, kể được gần một nửa trong cả cái tổng-ngạch những hàng xuất-khẩu vậy. Song *tơ* và *che* hai món ấy cũng gần cho là một thứ hàng sa-sỉ, tuyệt không có can-thiệp gì đến việc chiến-tranh cả. Cứ chiếu theo đó mà xét thì biết rằng cái trận đánh ở bên Âu làm ơn cho bạn thương-nghiệp của Tàu cực là ít-ỏi lắm...[1]

(Còn nữa) Dương Tự-Nguyên,
dịch báo Tây

Chú-đường-xuân

棠堂春新曲

Tương-tư

Gió thu mở-mịt bụi hồng bay,
Giời cao tan-tác vừng mây,
Thương người, nhớ cảnh, dạ khôn khuây.
Nước mắt vơi đầy

Mới biết tương-tư là thế,
Cùng ai tình-tự dãi-bày ?
Ai biết cho không ? nỗi nước này :
Như dại như ngây.....

Lương-điền, Nguyễn Văn-Tấn.

---

[1] ... III ... V. Sự phát-triển về đàng buôn-bán của liệt-cường đối với Tàu. — VI. — Phương-kế của ... việc buôn-bán với Tàu.

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN THẾ-GIỚI

Tin Âu-chiến. — Đương trong cơn loạn-lạc này bọn ta sinh-hoạt trong cái vỡ-đài sắt-máu, há dám bảo có cái trí xâu-xa gì mà dám quyết được thời-cục xoay ra thế nào! Thế như ng trông giáp-quả mà đoán được ất-nhâm trông bính-nhân mà suy được đinh-quả, thời ta nhẽ nào lại không có cái trí suy-đoán ấy. Ta dám quyết rằng quân Đức phen này, mà đi thời chỉ việc lụn-bại không còn có cất đầu lên được nữa. Vì sao? Chỉ là gần đây tin-tức ở chiến-trường lại, ta xem tin nào cũng là cuộc thắng quay cả về Đồng-minh, ngọn cờ khải-hoàn đã có hi-vọng phất-phới trên đại-lục, mà giống điêu-đương thời hầm-hố của chúng tức là cái sinh-phần của chúng không còn ngờ chi nữa.

Tin-tức ấy là khôi-phục được các tỉnh-thành, làng-mạc nhiều lắm mà từ cuối tháng tám Tây sang tháng chín Tây này mà đi càng ngày càng khôi-phục lại được thêm. Những điện-báo ngày 28 tháng tám Tây (Août) đến ngày mồng 2 tháng chín (Septembre) tới ta đây thời rằng: quân Đức lùi về mé A-vi-nhĩ (Avre trên trận-tuyến 20 kilomètres, ta lấy lại được 30 làng, và tiến được 12 kilomètres.

Những quân Anh sấn xâu vào hàng trận quân Phổ và chiếm được vô-số làng.

Quân của quan Nguyên-soái Đà-ba-nại (Debenay) tiến được 5 kilomètres vào khoảng Lộc-gia-sĩ (Loges) và Phong-tư-nại (Fontenay) bắt được giặc. Tòa điện-báo Hà-việt-sĩ (Havas) thông-tin sang rằng: tính tổng-cộng số binh mà Đồng-minh bắt được của giặc là 20.000 Ấy là tính cái số trong mấy ngày đó mà thôi,

Tòa Điện-báo Lộc-tư Reuter) thông-tin sang rằng: quân giặc dùng khắp cả các nơi những súng đại-bác Kiều giải (Canons à longue portée) thế nhưng sau cái trận ở Thánh-mạt-đức (Saint madrid) quân Pháp được tướng-lạnh tiến lên thời bắt gặp quân giặc đương ẩn nấp bấy giờ thế thủ của ta lại xoay ra thế khu-trục, quân giặc vậy.

Lại có tin quân Mĩ tụ lại đến 500.000 người làm cho quân Đức phải ưu-sầu vô-hạn.

Mà tin ở Nghị-viện Mĩ sang thời đã hoạch một cái chương-trình định sẵn 80 quân-đoàn hơn 3 triệu linh để đến tháng sáu (Juin) năm 1919 này sang Pháp và 18 quân-đoàn để lại làm dự-bị.

Nước Mĩ khai-chiến sau Đồng-minh cho nên số quân còn nhiều lắm, ta dám chắc rằng một phen này nữa thời là một phen kết-quả về cuộc chiến-tranh vậy.

* * *

Mới rồi tin sang lại nhiều tin hay nữa, ngày mồng 8 tháng chín (Septembre) và ngày mồng 9 mồng 10 thời rằng: giọc sông Tùng-mạt (somme) quân Đồng-minh lại tiến được 8 kilomètres sang qua được sông đào Thánh-căn-tinh (Saint Quentin) chiếm được 4 nơi ở vùng đó mà lại tiến lên ở chung-quanh Sắc-vât-sĩ (Servais) và về miền bắc đất Vô-xa-long (Vauxaillon), quân Mĩ lấy được đất Bình-cô-nhĩ (Biuscourt) quân Anh lấy được hai nơi ở gần rừng Hà-vinh-cốc (Havrincourt) và một phần lớn rừng ấy, rồi quân Đồng-minh lại chiếm được nhiều nơi nữa, quân giặc đánh lại nhiều trận dữ-dội lắm mà chẳng ăn thua gì cả, lại hại thêm nhiều.

Tuy quân giặc kháng-cự thế nào cũng không sao ngăn-ngừa được quân Đồng-minh tiến ở phía bắc sông Tùng-mạt (Somme) mà quân Anh đã phục lại được thế trận cũ cả rồi, lại còn tiến nữa.

Từ đó đến ngày 15 tháng chín tin-tức thắng trận vẫn lại nhiều, quân Pháp, Anh, Mĩ đã hết sức mà càng ngày lại tiến lên mãi do cái miền sông Tùng-mạt (Somme) mà phá giặc đuổi mãi lên thu-phục lại được nhiều trận giặc thua; ta nay chỉ ngồi đợi những tin sau này nữa, chắc càng lâu càng lắm điều hay vậy

* * *

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Toàn-quyền đi kinh-thứ Cao-miên. — Quan Toàn-quyền đi với quan đại-úy thủy-binh Ách-thiên-na Estienne và quan Chánh tòa chính-trị Mã-địch (Saint-Marty) sang Cao-miên hồi sáu giờ thứ hai mồng 2 tháng chín Tây rồi đến Pnom-Penh để đem những đồng chân-trọng của Dân-quốc chính-phủ mà chúc tiệc khánh thọ (ngày sinh-nhật) vua Cao-miên Sisowath hoàng-đế năm nay đã 79 tuổi giời.

Ngài đã nhân mà đi thăm các nhà máy ướp thịt, nhà máy tơ trường mĩ-thuật Cao-miên, sở thú-y vân vân...

Ngày mồng 5 tháng này thời ngài lại giở về Sài-gòn, chiều thời tới nơi.

Khi ngài sang Cao-miên từ Hoàng-thất đến quan-liêu cùng dân-sự đón rước rất là sùng-thượng, có nhiều bài diễn-thuyết rất là cảm-động. Thế mới biết dân-tình trong năm xứ Đông-dương này ái-đại quan Toàn-quyền Va-lô (Sarraut) tất cả, không riêng gì có bọn ta vậy.

* * *

Hội chợ Hà-nội. — Tính từ năm 1918 mà đi thời nhà nước định để-niên đến tháng chạp Tây thời mở một phiên chợ nhớn tại Hà-thanh, gọi là Hội-chợ. Năm nay thời bắt đầu từ 15 cho đến 31 tháng chạp Tây (Décembre) tức là tự 31 cho đến 2[9] tháng 11 ta.

Họp chợ ở trường Đấu-sảo đường Hàng-cỏ, tòa Đốc-lý hiện đương đấu-giá làm các nhà chung-quanh nhà Đấu-sảo để bày hàng hóa.

Phiên chợ này chỉ khắc chợ ta rằng một năm mới có một phiên thôi. Cũng là một cách chiêu hàng với các nước ở Á-đông này cùng các nước Âu-châu. Và nhân đó mà biết được giá hàng của mọi nước mang đến. Nhờ có Hội chợ thời dân gian cũng có nhiều bề ích-lợi; Hội này do phủ Toàn-quyền Đông-dương bảo-trợ cho, thuộc về của nhà nước, hội-sở ở tại Tòa Đốc-lý thành-phố Hà-nội. Các nhà buôn-bán nhà kỹ-nghệ muốn hỏi han gì đã có một quyền điều-lệ bên chữ Ta bên chữ Tàu, nói tinh-tường lắm.

* * *

Có khỏe mới được. — Từ ngày nhà nước sang bảo hộ ta đến nay, các nhà nhiệt-tâm với quốc-vận, thường thường nói rằng quốc-dân phải đủ đức-dục, trí-dục, thể-dục, mới mong có địa-vị ở trường thiên-diễn. Đức-dục và trí-dục nước ta xưa kia đã có, lại nhờ giáo-hóa mới của nhà-nước vào thời cũng đã tiệm-tiệm phát-đạt, duy còn thể dục thời còn kém-cỏi lắm. Mấy năm nay các bạn tân-tiến ta cũng đã có nhiều những hội đá bóng đánh quần lập ra ở Hà-nội. Mới rồi ở Thái-bình quan Công-sứ và quan Tuần-phủ cũng khích-lệ các bọn quan-trường, thương-đồ và sĩ-phu chơi một hội gọi là «Thể-dục thân-ái-hội» để tập thể-thao và đánh quần chơi, nghe đâu lại có định mua nhiều những thứ Nhật-trình tây và quốc-ngữ để rộng mở đường kiến-thức cho các hội-viên nữa, thực đáng hình-dương mà cổ-võ thay.

Nay chốn sông Nhị non Nùng này lại càng ngày càng tiến-bộ lên con đường thể-dục, các bạn thiếu-niên ta lại mới sáng-lập lên một hội thể-dục nữa. hội ấy định hai điều cốt-yếu nhất là:

1° Thể-thao theo phép của quan G. Hebert và chơi các trò thể-thao khác.

2° Giảng vệ-sinh về toàn-thể con người ta.

Hội ấy có Hội Trí-tri (*Société d'Enseignement mutuel du Tonkin*) bảo-trợ, mà chương-trình thể-lệ thời quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y, có cho phép lạc-quyên, các thân thương trong thành-phố, nghe đâu tán-thành cũng nhiều lắm.

Ta ước ao rằng: những hội thể-dục như thế sau này tỉnh nào cũng đều có, mà nhân đây xin chúc cho hội Thái-bình và hội Hà-nội này cùng được vĩnh-viễn thân-ái mà dắt nhau lên cái võ-đài cường-tráng để theo thầy Đại-Pháp hùng-thi với năm châu bốn bể vậy.

* * *

Sửa luật mới. — Ngày mồng ba tháng bảy năm thứ ba niên-hiệu *Khải-định*, có giấy châu-phê trong Cơ-mật-viện lục ra như sau này: «..... Hoàng-thượng dụ rằng: chiếu trong tờ tư của quan Chủ-kinh Khâm-sứ chuyển-trình quan Toàn-quyền Đông-dương nói về sự thi-hành luật *Hình* mới ở Bắc-kỳ trong điều thứ 93 sao-lục ra có nói sót mất mấy chữ tưởng nên lập-tức cải-chính bổ-túc để cho luật-văn được hoàn-toàn, mà các nha-môn tư-pháp được tuân dữ luật-ý khỏi sự sai nhầm, mọi lẽ, thời chiếu-chỉ trong cái luật-văn ấy có nói rằng: «Tù trốn đã bắt được thời người cai về việc mất tù ấy vô-luận sơ-phòng hay đồng-tình cố-túng đều được tha.» Nhưng xét ra những trường-hợp ấy thời chỉ kẻ đảm-thủ sơ-phòng mới được tha, nếu kẻ đồng-tình cố-túng thời tội phải nặng không thể dung thứ được. Đó là cái lý-do biến-nhiên mà cái chỉnh-ý lập luật như thế đó, thời cho đổi lại bổ thêm vào điều thứ 93 như sau:

«Phạm kẻ tù-phạm [illegible] đã bắt được bị đánh hay [illegible] rồi thời kẻ cai về tội đánh mất tù ấy xét ra mà thể sơ phòng thời cấp-tức được tha ngay bằng ăn chưa tuyên thời bất-tất thi hành.»

* * *

Thao-luyện làm quân. — Những các bạn thiếu-niên ta bây-giờ phải nên biết rằng: sức mạnh ngày nay là cần ở trong thế-giới, nước nào quân hùng tướng giỏi ấy

là dữ vững tinh-mệnh ở hoàn-cầu, không sớm tập-luyện thời sao cho kịp được, nay đương có một dịp tốt nhà nước mới mở Pháp Việt binh-nghệ thao-luyện học-đường (*Ecole de Préparation militaire franco-annamite*) thời bọn ta nên hết sức mà tập-tành cho được nên người mạnh-mẽ để nước ta nên mạnh-mẽ với đời. Bản-chí lấy làm vui lòng mà dịch cái Nghị-định của quan Đông-dương nguyên-soái (Général Commandant en chef) là ông LEBLOIS đã ký ngày mồng 10 tháng chín Tây (Septembre) năm nay để giới-thiệu cho thanh-niên duyệt-báo chư-quân tường-lãm :

1. — Mở tại Hà-thành một trường Pháp-Việt binh-nghệ thao-luyện học-đường, cứ đệ-niên tự 15 tháng *mười* Tây (Octobre) đến mồng 3 tháng tư (Avril) năm sau, quyền cai-quản thuộc về một ông nhất-hạng mẫu-binh.

2. — Chương-trình học sẽ lập tự tòa Tổng-tư-lệnh, (*Etat-major*). Cứ tự mồng một tháng giêng làm đầu ; trong đó có dạy bắn súng trận mà nếu có thể dạy được thời sẽ dạy cả bắn súng lục nữa.

3. — Chỗ dạy thời ở tại trại kỵ-mã mà cứ tự 2 giờ chiều đến 4 giờ chiều vào ngày thứ năm và ngày chủ-nhật, quân kỵ-binh Trung-úy đứng đầu học-đường cai-quản mà các viên huấn-luyện võ-nghệ (thầy-giáo) thời cho bài học.

4. — Những bực thiếu-niên Đại-Pháp hay Đại-Việt muốn theo học những lớp ấy thời phải sớm xin biên tên vào sổ, đến trại kỵ-mã do quan Trung-úy giám-đốc học-đường mà tình-nguyện.

5. — *a*) Tính tự mồng một tháng mười Tây mà đi thời người Tây ít ra cũng phải đến 15 tuổi, mà người Nam thời phải đến 16 tuổi, chỉ trừ ra những người sức vóc nở-nang thời nhận cho tuổi vào là 14 hay 15 cũng được.

b) Phải tới học chuyên-cần, chỉ trừ khi có phép quan Trung-úy hay có việc gì quan-trọng thời mới được nghỉ. Bỏ vắng không đến học luôn-luôn thời bị đuổi hẳn.

c) Phải nộp tiền nguyệt-phí là 0 $ 30 để vào số chi-dụng trong học-đường vì khoản ấy binh-gia không sẵn. Tiền nguyệt-phí ấy bắt đầu tháng học phải đóng ngay.

d) Phải mặc quần áo cho hợp-thức và có thể mặc bằng đồ vải vàng được thời hơn, nhưng ép phải đội một thứ mũ dấu như mũ lính của cơ Bắc-kỳ lục-quân niên-thiếu võ-bị thường đội, nhưng không có huy-chương ; nếu không có thứ ấy thời cũng có thể đội mũ lính đánh dấu được.

Quan-binh sẽ phát cho mỗi người học-trò một cái băng bằng vải trắng có hình lựu-đạn bằng dạ đỏ ở trong, buổi học nào cũng phải đeo như thế.

e) Còn các lính ở trong cơ Bắc-kỳ lục-quân niên-thiếu võ-bị (*Eclaireurs Tonkinois*) ăn-vận binh-phục của mình ra học cũng phải đeo băng như thế. Tập-tành thứ gì thời cũng như các học-trò khác không phân-biệt chi hết.

6. — Đến cuối năm nhà trường thời sẽ phát bằng nhận-thực cho những học-trò đi học chuyên-cần.

Những người nào phải nhập-ngũ mà đã học túc-thành trong học-đường rồi, thời sẽ được cấp cho một cái bằng giống như ở Thể thao võ-bị học-đường bên Pháp và cũng được đủ quyền-lợi như thế, xem đây thời rõ :

Lúc mới nhập-ngũ thời được đeo huy-chương riêng, được đặc-cách chọn xem muốn vào quân-đoàn nào, được một hạn nghỉ hơn thêm 10 ngày nữa vân v....

7. — Cuối tháng chạp và tháng tư Tây, học-đường lại tuyển những tay học-trò giỏi để làm trợ-giáo giúp các huấn-luyện-viên ; trợ-giáo chia làm hai hạng, hạng nhất và hạng nhì, hạng nhì thời đeo một lon (galon) đỏ, hạng nhất thời hai lon đỏ.

Lần đầu khai-trường ra thời xem trong bọn học-trò ai học tấn-tới giỏi hơn thời bổ ngay cho chức trợ-giáo.

Các Trợ-giáo dùng dạy được ba mươi buổi thời cấp cho một cái bằng Trợ-giáo (*Diplôme de Moniteur*)

8. — Bất cứ lúc nào trong niên hạn học, học-trò kẻ nào trái kỷ-luật thời quan Trung-úy từ lên quan trên làm nghị-định phóng-xuất. Khi bị đuổi ra rồi phải giả lại băng đeo tay của học-đường đã phát cho.

Lớp dạy cưỡi ngựa

Binh-nghệ thao-luyện học-đường sẽ mở thêm một lớp dạy cưỡi ngựa (*cours d'équitation*). Buổi học thời cứ 7 giờ đến 8 giờ sáng ngày chủ-nhật. Chỉ những học-trò có tên trong sổ ở học-đường mới được học mà thôi nhưng phải tuân theo sổ ngựa của trong quân.

Học lớp ấy phải đóng thêm 0 $ 15 nguyệt-phí nữa.

Nam-Thù-Nguyên điệu

南 洙 源 新 調

I

DẠ-CẦM KỲ-TÌNH

Gió lả cành tre,
Gió lả cành tre,
Bóng giăng chênh-chếch dãi đầu hè.
Tiếng gà sao-sác,
Giọng dế tỉ-tê,
Người một xứ,
Ở đôi quê
Đau lòng ai lắm,
Nước non khuất nẻo đi về,
Vì ai đeo nặng gánh tình-si.
Thôi thế thì.
Thôi thế thì,
Sự đời tan hợp,
Giấc mộng tỉnh mê,
Giáp mặt cùng nhau sẽ giãi-dề.

II

BI THUYỀN ĐƯA BỂ

Chiếc bách bơ-vơ
Chiếc bách bơ-vơ,
Lênh-đênh dữa bể dưới giăng mờ.
Mây che mù-mịt,
Gió thổi vù-vù,
Buồm ngang lạt,
Sóng nhấp-nhô
Tấm lòng rộn-rực,
Mối tình mấy đoạn vò tơ,
Sớm tối cùng ai để truyện trò.
Gia ngẩn ngơ.
Gia ngẩn ngơ.
Mông-mênh mặt nước.
Thăm-thẳm chân bờ.
Chèo mãi bao giờ mới đến cho.

Bùi-Tử.

Câu đối vãi khóc sư

Cửa-thuyền trai, đi lại mấy nam giới, dịp cùng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thắp đèn khêu, khấn nguyện vẫn mong sư mạnh khỏe

Chốn tĩnh-cảnh xa-xôi nên phật chốc, chuông trống vãi khua chùa chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi chơ vơ.

Vũ Tích-Cống

Cách-thức đại-khái về sự mua vé quốc-trái

1 — Bắt đầu bán vé từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 24 tháng 11 thì thôi.

2 — Ai cho vay 100 quan tiền tây thì chỉ phải nộp 70 quan 8 tiền (70 fr. 80).

3 — Cho vay 100 quan được lãi 4 quan, tức là lãi 4 phần (4 o/o) nhưng chỉ phải nộp có 70 quan 8 tiền thì thành ra được lãi đến ngót 6 phần (5 f. 65 o/o).

4 — Tiền lãi kể từ ngày 16 tháng 10 trở đi, người cho vay được **hưởng vĩnh-viễn.**

5 — Cho vay bao nhiêu cũng được, nhưng phải từ 4 quan tiền lãi trở lên mới được, nghĩa là ít nhất là 70 fr. 8 tiền vốn (tức tính ra giá bạc ngày nay ước 16 đồng).

6 — Mua vé thì nộp tiền ở các nhà Kho-bạc các nhà *banque*, hoặc nộp bằng bạc, bằng măng-đa nhà giấy thép, bằng các trái-phiếu của nhà nước Đại-pháp (*obligations de la défense nationale*), bằng vé quốc-phòng trái-phiếu (*bons de la défense nationale*), v. v. cũng được.

7 — Có ba hạng vé ai muốn mua hạng nào cũng được:

Một hạng không đề tên (*au porteur*)

Một hạng tùy-tiện, muốn đề hay không đề cũng được (*mixte*)

Một hạng có đề tên (*nominatif*).

8 — Ngày nộp tiền mà giá bạc nhà *banque* có cao hơn giá bạc kho nhà nước thì người nộp được tính theo giá nhà *Banque*.

Mua quốc-trái, hỡi ai ơi!

Mua quốc-trái, hỡi ai ơi!
Vẻ vang cho nước muôn đời còn ghi.
Năm trong cuộc chiến-tranh kia,
Lũng-sa hao-tổn mọi bề tài thân.
Đoái trông đó, hỡi quốc-dân!
Quyên tiền giúp nước một phần mới nên.
Thực là sự quá mười nhiên,
Đồng-minh toàn thắng có phen bàng quơ.
Mua mang tiếng bạc giúp ra,
Để cho cuộc thắng của ta sớm thành.
Cũng là một cách để dành,
Đem vào thuế nội của mình sau đây.
Đô binh-khí Lũng-sa nay,
Bằng chì bằng sắt cũng hay bằng vàng.
Ta nên mang giúp cả vàng,
Để trừ cái giống Điêu-đương hung-tàn!

Nghĩa-dân khuyến-cáo đồng-bào!

LỜI

BÁ-CAO CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN VỀ QUỐC-TRÁI

Hỡi dân An-nam !

Quân Đức phạm tội với loài người đã nhiều, nay sắp đến ngày phải ra chịu tội. Hiện nay đã đánh trận sau cùng, chẳng bao lâu nữa mà xong cái cuộc chiến-tranh ghê-thảm kia, trong bốn năm trời đã làm chết hại mất mấy triệu người. Quân Đức gây ra cái vạ gớm-ghê ấy, bây giờ sắp phải ra chịu tội với trời đất đây. Trong khắp thế-giới các dân-tộc bấy lâu nay vẫn nơm-nớp sợ phải cái khổ nô-lệ, bây giờ trông thấy mặt trời hòa-bình đã ràng-rạng ở miền đông, không dân nào là không hoan-hô vui-vẻ như đương ở nơi hắc-ám được ra chốn quang-minh.

Thần Chiến-thắng đương ra tay phất cờ cho quân Pháp cùng các quân Đồng-minh. Tự ba tháng nay ở đất Pháp mỗi trận đánh

là một trận được, hoặc là quân Pháp được, hoặc quân Đồng-minh được. Tuy quân Đức chống lại cũng dã khốn-sức thay, dặt đường phòng-bị rất kiên-cố như chăng cái giây sắt để ngăn quân ta tiến lên, thế mà quân ta vẫn tiến, mỗi ngày như phá được một đoạn giây ấy. Không lúc nào là quân ta không đánh đổ được những thành-trì của quân giặc. Quân Đức xin hàng với ta kể từng đội quân một, bỏ lại vô-số là súng đại-bác, là đồ quân-dụng. Trong khoảng hai tháng ta bắt được ngót ba mươi vạn tên tù-binh, hơn ba ngàn khẩu đại-bác, còn đồ quân-dụng thì không biết cơ man nào mà kể.

Không một ở đất Pháp, ở Âu-châu Á-châu đâu đâu quân Đức cũng bị thua và phải lùi. Đâu đâu quân Pháp và các quân Đồng-minh cũng đàn-áp mà lấy lại được những tỉnh-thành lớn quân giặc đã cướp mất từ trước. Ở đất Belgique, đất Italie, đất Serbie, đất Macédoine, đất Asie mineure, ngày nào quân ta cũng tiến, mà quân Đức thì phải lùi, những nơi thành-thị chúng nó chiếm-cứ đã bấy lâu nay, giết người, hại của, đốt nhà, nay cũng phải bỏ mà đi. Mới đây quân Bulgares là Đồng-minh của chúng nó đã phải quì gối mà xin hàng với ta rồi.

Nay nước Đức đã biết mình túng thế lắm, không sao tránh khỏi lưới trời, còn muốn đánh lừa ta lần nữa mà xui nước Áo làm kế giả trá xin hoà.

Nhưng các nước Đồng-minh không có mắc lừa, chỉ trả lời một câu cho bọn Đức Ấo biết, là : dẫu có giảng-hoà cũng không bao giờ để cho nước Đức muốn sao được vậy. Nước Đức phải chịu kém Đồng-minh, chớ Đồng-minh không bao giờ chịu kém nước Đúc. Ấy cái mưu của bọn Đức chỉ muốn giả-trá lừa người như thế thôi. Đối với cái mưu nham-hiểm ấy, nhà-nước Đại-Pháp bèn mở ra cuộc quốc-trái ngày nay, để tỏ cho thiên-hạ biết cái chí muốn đánh cho đến cùng, đánh cho đến ngày toàn-thắng ; có toàn-thắng thì thế-giới mới được hoà-bình, mà sự hoà-bình ấy mới là cái hoà-bình chân-chánh, vì nhờ đó các dân các nước mới mong có ngày được độc-lập tự-do ; từ nay về sau không có để cho một giống người nào, một nhà vua nào ỷ cái cường-quyền của mình mà muốn ra áp-chế cả nhân-loại. Chớ cái hoà của nước Đức xin ngày nay thì cái hoà ấy chưa làm cho hết chiến-tranh được. Hoà ngày nay mà đến mai lại chiến-tranh biết đâu ? Đảng quân bên nước Đức hiện nay đã cùng quẹ lắm, mới phải xin hoà, là hoà tạm đó mà thôi, để được thư-thả mà sửa sang lại quân-lực binh-khí, rồi thừa-cơ đánh ta lần nữa.

Nhưng ai để cho chúng nó làm thế. Phải quyết một lần cho xong, phải làm thế nào cho thế-giới khỏi cái khổ chiến-tranh một lần nữa. Nay đã

đánh rồi, phải đánh cho kỳ cùng, phải đánh cho kỳ đến ngày toàn-thắng, ngày ấy không còn xa nữa, ngày ấy loài người mới được ra khỏi chốn lao-lung. Ấy cái chí nước Pháp như thế. Ấy cái chí của các bạn Đồng-minh cũng như thế. Cứ coi những quân hùng tướng mạnh kia liều mình mà xông-pha nơi đạn lửa tơi-bời, anh-hùng thay mà can-đảm thay, thế-giới trông vào ai cũng phải khâm-phục, thì đủ biết cái chí ấy quả-quyết biết dường nào! Ấy bởi thế mà mấy ngày nay ở bên Đại-Pháp hết thảy nhân-dân kéo nhau lũ lượt đến các nhà kho bạc để nộp tiền cho nhà nước vay, biết rằng tiền ấy là sẽ dùng để mua súng mua đạn đánh cái trận quyết-chiến này đây.

Dân Đông-dương đã có tiếng là dân dạ cả trí cao, thực đáng làm con nước Đại-Pháp, tất cũng theo gương mẫu-quốc mà làm. Nào là người Pháp, nào là người Nam, cùng nhau ăn ở một nhà, cùng nhau một dạ một lòng, một chí quyết đánh cho kỳ được mới nghe, năm nay tất cũng như năm ngoái, sẽ đua nhau mà đem tiền cho nhà nước vay để nhà nước ra công gìn-giữ cho đất nước mình. Hiện ở đất Pháp cùng các nơi khác bên Âu-châu, trong chốn chiến-trường oanh-liệt, kẻ Pháp cùng người Nam như anh em một nhà đương cùng nhau hoà máu đào mà đền ơn mẫu-quốc. Những quân-lính An-nam đã hăm-

hở mà di tòng-chính, hiện đương cùng các anh Đại-Pháp sánh vai mà làm việc bổn-phận, rồi một ngày kia công-thành-danh-toại sẽ trở về nơi cố-thổ, trên ngực lấp-loáng tấm bội-tinh, cha mẹ, vợ con, anh em trông thấy trong lòng vẻ-vang hoan-hỉ biết dường bao ! Nhưng đương khi họ vào sinh ra tử, liều mình chốn xa-tràng, thì bọn mình ở đây được thái-bình an-lạc, không biết cái cực cái khổ sự chiến-tranh là cái gì. Mà họ phải chịu cực chịu khổ như thế chính là để giữ cho bọn mình được thái-bình an-lạc, chính là để giữ cho mấy mươi triệu đồng-bào trong ba cõi nước Việt-Nam này được yên-ổn mà làm ăn thịnh-vượng, khỏi lo sự nguy-hiểm. Vậy mà đương lúc họ làm việc bổn-phận họ như thế, mình ở đây không biết làm việc bổn-phận của mình thì đáng hổ thẹn biết dường nào ! Việc bổn-phận của ta là phải đem tiền ra mà giúp họ, là phải cung-cấp khí-giới súng đạn cho họ, để họ mau trừ được quân giặc, mau thu được toàn-thắng, mà chóng trở về nơi cố-thổ. Đến bấy giờ cha con anh em lại được cùng nhau đoàn-tụ như xưa, được hưởng thái-bình an-lạc, ta sẽ cùng nhau ra công gắng sức làm cho cái đất Đông-dương xinh đẹp này ngày một giàu có, ngày một vững-vàng, ngày một vẻ-vang thêm lên !

Ai ôi ! nên làm việc bổn-phận, dù kẻ giàu sang, dù kẻ nghèo hèn cũng vậy. Ai cũng nên vui lòng mà có

bao nhiêu cho nhà nước vay bấy nhiêu. Cho nhà nước vay không những là được lợi cho mình, mà lại là làm một việc nghĩa nữa. Mua vé quốc-trái tức là mưu cho cái Tổ-quốc Việt-nam này được an-toàn đó. Tức là mưu cho con em đất Nam-Việt đời đời về sau này được hưởng sự tự-do, sự hạnh-phúc đó. Tức là tỏ ơn thâm nghĩa nặng với nhà-nước Đại-Pháp đã sang đây bảo-hộ và đem cái hạt văn-minh rắc lên cõi đất này. Sau nữa tức là bảo-tồn cho sinh-mạnh của mấy mươi vạn con dân nước Nam hiện đương đánh giặc bên kia, nhờ có tiền của ta giúp vào đây sẽ có nhiều súng nhiều đạn mà đánh, không đến nỗi phải liều mình cho lắm.

Về sau này, nhà An-nam nào cạnh bàn thờ ông bà có treo cái bằng-cấp quốc-trái của nhà nước phát cho, là nhà ấy được cái vinh-hiển không gì bằng vậy.

Bởi thế cho nên ta mong rằng hết thảy người An-nam, hết thảy người Đại-Pháp, hết thảy người Á-đông (Tàu, Nhật-bản, v. v.), cùng những người ngoại quốc trú-ngụ ở đây được nhờ ơn Đại-Pháp bảo-hộ cho, ai nấy cũng lấy làm một việc danh-dự mà giúp một phần vào cuộc « quốc-trái chiến-thắng » này.

Tổng-thống Đông-dương Toàn-quyền

ALBERT SARRAUT

THÁNH DỤ

KHUYÊN QUỐC-DÂN MUA QUỐC-TRÁI

Nay Nhà-nước Bảo-hộ dùng binh phục thù, phàm các nước Đồng-minh đều hết lòng nghĩa-vụ, còn nước mình với Bảo-hộ là dau dớn quan hệ với nhau, nên giúp của giúp sức, để diệt cho hết lũ nghịch ấy.

Trong ba năm nay mấy lần dân ứng mộ hơn mười vạn người, mà giúp việc quốc-trái chỉ một lần mà thôi, gần dây được tin được thắng luôn luôn, đuổi giặc Phổ ra ngoài cõi cũng có ngày diệt hết được nó, sớm nên công lớn, nổi tiếng trong Hoàn-cầu.

Người nước ta trên từ quan-liêu dưới đến sĩ nông công thương, ai có của dư nên thừa lúc nầy đem cho Nhà-nước vay thời mình đã đặng lợi tức, lại có tiếng vinh, chẳng hơn như kẻ bỉ lận để vàng trong rương sao.

Vả chữ ân với chữ nghĩa, khó được gồm hai, như một việc nầy làm đặng là trông nom cho nhau, giữ gìn cho nhau, rứa là ơn nghĩa đều đủ trọn vẹn cả. Tưởng là ai ai cũng biết mà vui cả. Nếu biết truyện phải mà không làm, đến khi khởi hoàn rồi nước ta được hưởng phúc hòa bình, nỏ chẳng thẹn lắm ru?

Chừ nhơn dân trong nước ta, ai cũng đều một trí não cả, hẳng không lấy lời nói ta làm sa xuôi.

Trong dụ nầy nói chưa hết lời, giao cho các quan địa-phương hiểu sức sở tại nhơn dân cho vui lòng chớ nên ép uổng. Việc quốc-trái nầy khai từ 20 Octobre đến 24 Novembre thì hết hạn, để tỏ việc nghĩa-vụ với Toàn-Âu, mới thỏa ý ta. Khâm thử!

Khải-Định tam niên cửu nguyệt sơ lục nhật.
Cơ-mật-viện cung-lục.